

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường, kế toán nói chung có vai trò đặc biệt quan trọng trong bộ máy quản lý doanh nghiệp vì các báo cáo của kế toán đều đưa ra các thông tin quan trọng phản ánh một cách tổng quan bức tranh hoạt động sản xuất kinh doanh, bên cạnh đó nó còn có vai trò tích cực đối với việc quản lý tài sản và điều hành các hoạt động trong doanh nghiệp.

Tài sản cố định (TSCĐ) là một trong những bộ phận cơ bản tạo nên cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân. Đối với mỗi doanh nghiệp, TSCĐ là điều kiện vãn thiết để giảm cường độ lao động, tăng năng suất lao động, thể hiện cơ sở vật chất, trình độ công nghệ, năng lực và thế mạnh của doanh nghiệp. Nhất là trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước như hiện nay, khi khoa học kỹ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thì TSCĐ sẽ là yếu tố quan trọng tạo nên sức mạnh cạnh tranh, quyết định sự sống còn của doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh. Những năm gần đây, vấn đề nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ đặc biệt được quan tâm trong mỗi doanh nghiệp, điều quan trọng không chỉ là mở rộng quy mô TSCĐ mà còn phải biết khai thác có hiệu quả nguồn TSCĐ hiện có, đảm bảo sử dụng hợp lý công suất TSCĐ kết hợp với việc thường xuyên nâng cấp, đổi mới TSCĐ.

Kế toán là một trong những công cụ hữu hiệu nằm trong hệ thống quản lý TSCĐ của một doanh nghiệp. Đặc biệt đối với một doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải là chủ chốt như **chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vinacomin – Xí nghiệp Vật Tư & Vận Tải** thì kế toán TSCĐ càng là một khâu quan trọng trong bộ phận kế toán. Bởi kế toán TSCĐ cung cấp những thông tin hữu ích về tình hình TSCĐ của doanh nghiệp trên nhiều góc độ khác nhau. Dựa trên những thông tin ấy, nhà quản lý sẽ có được những phân tích chuẩn xác để ra những quyết định kinh tế đúng đắn. Việc hạch toán kế toán TSCĐ phải tuân theo các quy định của chế độ tài chính kế toán hiện hành, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, kiểm tra giám sát của các cơ quan quản lý Nhà Nước. Dựa vào tình hình thực hiện chế độ ở các doanh nghiệp, họ tìm ra vướng mắc, thiếu sót để có thể sửa đổi kịp thời.

Nhận thức được tầm quan trọng của Tài sản cố định đối với doanh nghiệp như trên, qua quá trình học tập, nghiên cứu ở nhà trường và thời gian thực tập, tìm hiểu thực tế tại chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vinacomin – Xí nghiệp Vật Tư & Vận Tải, cùng với sự hướng dẫn nhiệt tình của **Thạc sĩ Lê Thị Nam Phương** – giảng viên trường Đại học Dân Lập Hải Phòng và các cán bộ nhân viên phòng Tài chính Kế toán của Xí nghiệp, em đã mạnh dạn chọn chuyên đề “***Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán Tài sản cố định tại chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vinacomin – Xí nghiệp Vật Tư & Vận Tải***” làm đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài lời mở đầu và kết luận, khóa luận có kết cấu gồm 3 phần chính:

Phần 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán tài sản cố định trong các doanh nghiệp.

Phần 2 : Thực trạng tổ chức công tác kế toán Tài sản cố định tại chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vinacomin – Xí nghiệp Vật Tư & Vận Tải .

Phần 3: Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán Tài sản cố định tại chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vinacomin – Xí nghiệp Vật Tư & Vận Tải.

PHẦN 1:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

I – NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

1. Khái niệm về tài sản cố định(TSCĐ)

Tài sản cố định là những hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho thuê hoặc cho hoạt động hành chính sự nghiệp, phúc lợi, phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ. Theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính, các tài sản được ghi nhận là TSCĐ phải thỏa mãn đồng thời ba điều kiện sau:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trở lên.

2. Đặc điểm của tài sản cố định

Khi tham gia vào quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, TSCĐ có các đặc điểm chủ yếu sau:

- Tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh khác nhau của doanh nghiệp nhưng vẫn giữ nguyên được hình thái vật chất và đặc tính sử dụng ban đầu cho đến lúc hư hỏng.
- Giá trị của TSCĐ bị hao mòn dần trong quá trình sử dụng và được chuyển dịch từng phần vào giá trị sản phẩm sản xuất ra.
- TSCĐ chỉ thực hiện được một vòng luân chuyển khi giá trị của nó được thu hồi toàn bộ.

3. Phân loại tài sản cố định

Sự cần thiết phải phân loại TSCĐ nhằm mục đích giúp cho các doanh nghiệp có sự thuận tiện trong công tác quản lý và hạch toán TSCĐ. Thuận tiện trong việc tính và phân bổ khấu hao cho từng loại hình kinh doanh. TSCĐ được phân loại theo các tiêu thức sau:

3.1 – Phân loại tài sản cố định theo kết cấu:

Theo cách này, TSCĐ của doanh nghiệp chủ yếu gồm:

- **Tài sản cố định hữu hình:** là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất (từng đơn vị tài sản có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau để thực hiện một hay một số chức năng nhất định), thỏa mãn

các tiêu chuẩn của tài sản cố định hữu hình, tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu như:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc: là tài sản cố định của doanh nghiệp được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như trụ sở làm việc, nhà kho, hàng rào, tháp nước, sân bãi, các công trình trang trí cho nhà cửa, đường xá, cầu cống, đường sắt, đường băng sân bay, cầu tàu, cầu cảng, ụ triển đà.

+ Máy móc, thiết bị: là toàn bộ các loại máy móc, thiết bị dùng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy móc chuyên dùng, thiết bị công tác, giàn khoan trong lĩnh vực dầu khí, cần cẩu, dây truyền công nghệ, những máy móc đơn lẻ.

+ Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn: là các loại phương tiện vận tải gồm phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy, đường bộ, đường không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn như hệ thống thông tin, hệ thống điện, đường ống nước, băng tải.

+ Thiết bị, dụng cụ quản lý: là những thiết bị, dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy vi tính phục vụ quản lý, thiết bị điện tử, thiết bị, dụng cụ đo lường, kiểm tra chất lượng, máy hút ẩm, hút bụi, chống mối mọt.

+ Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm: là các vườn cây lâu năm như vườn cà phê, vườn chè, vườn cao su, vườn cây ăn quả, thảm cỏ, thảm cây xanh...; súc vật làm việc và/ hoặc cho sản phẩm như đàn voi, đàn ngựa, đàn trâu, đàn bò...

+ Các loại tài sản cố định khác: là toàn bộ các tài sản cố định khác chưa liệt kê vào năm loại trên như tranh ảnh, tác phẩm nghệ thuật.

- **Tài sản cố định vô hình:** là những tài sản không có hình thái vật chất, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư thoả mãn các tiêu chuẩn của tài sản cố định vô hình, tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh như: một số chi phí liên quan trực tiếp tới quyền sử dụng đất, chi phí về quyền phát hành, bằng phát minh, bằng sáng chế; bản quyền tác giả các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, sản phẩm; kết quả của cuộc biểu diễn nghệ thuật, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý, giống cây trồng và vật liệu nhân giống.

– **Đầu tư tài chính dài hạn:** Đầu tư tài chính là tiền vốn của doanh nghiệp đầu tư vào kinh doanh ở bên ngoài hoạt động của doanh nghiệp mục đích hưởng lãi hoặc chia sẻ lợi ích với doanh nghiệp khác. Đầu tư tài chính có thể là: cổ phiếu; trái phiếu các loại; vốn góp liên doanh; tài sản, đất đai cho thuê ngoài; tiền vốn cho vay v.v...

– **Tài sản cố định dở dang:** là các TSCĐ hữu hình hoặc vô hình đang trong quá trình hình thành, hiện chưa sử dụng và được xếp vào mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Ngoài ra, những khoản ký quỹ, ký cược dài hạn mà doanh nghiệp thực hiện cũng được xếp vào TSCĐ.

3.2 – Phân loại tài sản cố định theo quyền sở hữu

Theo cách phân loại này, TSCĐ của doanh nghiệp được phân chia thành:

– **TSCĐ tự có:** là những TSCĐ được đầu tư mua sắm, xây dựng bằng nguồn vốn tự có của doanh nghiệp như nguồn vốn được cấp phát, vốn tự bổ sung, vốn vay...

– **TSCĐ thuê ngoài:** là những TSCĐ mà doanh nghiệp đi thuê của đơn vị, cá nhân khác. Doanh nghiệp có quyền quản lý và sử dụng trong suốt thời gian thuê theo hợp đồng thuê, được phân thành:

+ **Tài sản cố định thuê tài chính:** là những tài sản mà doanh nghiệp thuê của công ty cho thuê tài chính. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê được chuyển lựa chọn mua lại tài sản thuê hoặc tiếp tục thuê theo các điều kiện đã thoả thuận trong hợp đồng thuê tài chính. Tổng số tiền thuê một loại tài sản quy định tại hợp đồng thuê tài chính, ít nhất phải tương đương với giá trị của tài sản đó tại thời điểm ký hợp đồng.

+ **Tài sản cố định thuê hoạt động:** Mọi hợp đồng thuê tài sản cố định nếu không thoả mãn các quy định về thuê tài chính đều là tài sản cố định thuê hoạt động.

3.3 – Phân loại tài sản cố định theo hình thức sử dụng

- TSCĐ đang dùng.
- TSCĐ chưa cần dùng.
- TSCĐ không cần dùng và chờ thanh lý.

Cách phân loại này giúp cho doanh nghiệp nắm được tình hình sử dụng tài sản cố định để có biện pháp tăng cường TSCĐ hiện có, giải phóng nhanh chóng các TSCĐ không cần dùng, chờ thanh lý.

3.4 – Phân loại TSCĐ theo mục đích sử dụng

– **TSCĐ dùng trong sản xuất kinh doanh:** là TSCĐ đang sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- **TSCĐ dùng trong hoạt động phúc lợi:** là TSCĐ mà đơn vị dùng cho nhu cầu phúc lợi công cộng như nhà văn hóa, nhà trẻ, xe ca phúc lợi...

- **TSCĐ chờ xử lý:** TSCĐ không cần dùng, chưa cần dùng vì thừa so với nhu cầu hoặc không thích hợp với sự đổi mới công nghệ, bị hư hỏng chờ thanh lý, TSCĐ tranh chấp chờ giải quyết. Những tài sản này cần xử lý nhanh chóng để thu hồi vốn sử dụng cho việc đầu tư đổi mới TSCĐ.

II – NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH.

TSCĐ đóng một vai trò rất quan trọng trong công tác hạch toán kế toán của doanh nghiệp vì nó là bộ phận chủ yếu trong tổng tài sản của doanh nghiệp nói chung cũng như TSCĐ nói riêng. Cho nên để thuận lợi cho công tác quản lý TSCĐ trong doanh nghiệp, kế toán TSCĐ cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

Ghi chép, phản ánh tổng hợp chính xác, kịp thời số lượng, giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng giảm và hiện trạng TSCĐ trong phạm vi toàn đơn vị, cũng như tại từng bộ phận sử dụng TSCĐ, tạo điều kiện cung cấp thông tin để kiểm tra, giám sát thường xuyên việc giữ gìn, bảo quản, bảo dưỡng TSCĐ và kế hoạch đầu tư đổi mới TSCĐ trong từng đơn vị.

Tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của tài sản theo chế độ quy định. Tham gia lập kế hoạch sửa chữa và dự toán cho phí sửa chữa TSCĐ, giám sát việc sửa chữa TSCĐ về chi phí và kết quả của công việc sửa chữa.

Tính toán phản ánh kịp thời, chính xác tình hình xây dựng trang bị thêm, đổi mới, nâng cấp hoặc tháo dỡ bớt làm tăng giảm nguyên giá TSCĐ cũng như tình hình quản lý, nhượng bán TSCĐ.

Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị, các bộ phận trực thuộc trong các doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chế độ ghi chép ban đầu về TSCĐ, mở các sổ, thẻ kế toán cần thiết và hạch toán TSCĐ theo chế độ quy định.

III - CÁC HÌNH THỨC KẾ TOÁN ĐỐI VỚI KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

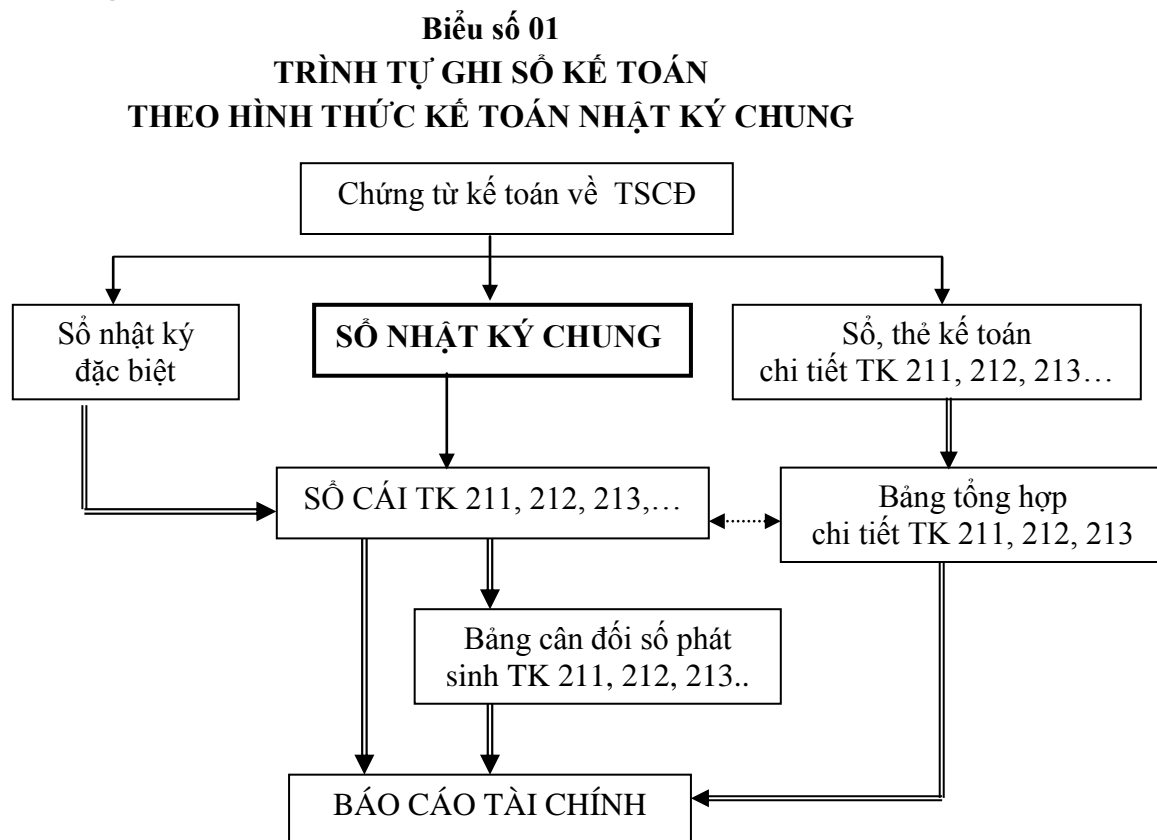
a. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt.
- Sổ Cái TK 211, 212, 213, 214,...
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết TK 211, 212, 213, 214,...

b. Trình tự ghi sổ kế toán



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
- Đối chiếu, kiểm tra <-.->

2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái

a. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái:

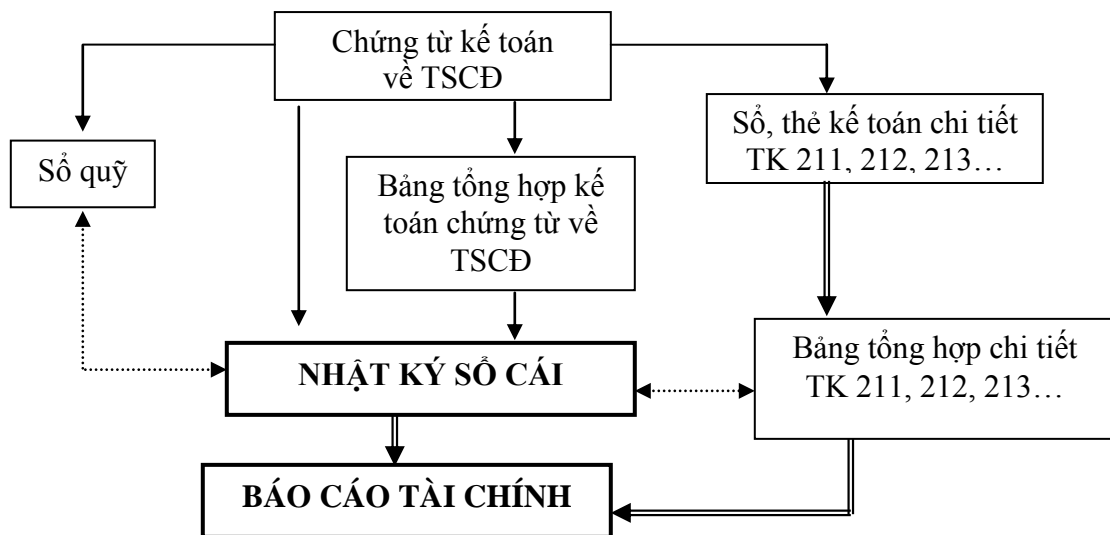
Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ Cái.
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết TK 211, 212, 213, 214,...

b. Trình tự ghi sổ kế toán

Biểu số 02
TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ – SỔ CÁI



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
- Đối chiếu, kiểm tra <-.->

3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

a. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

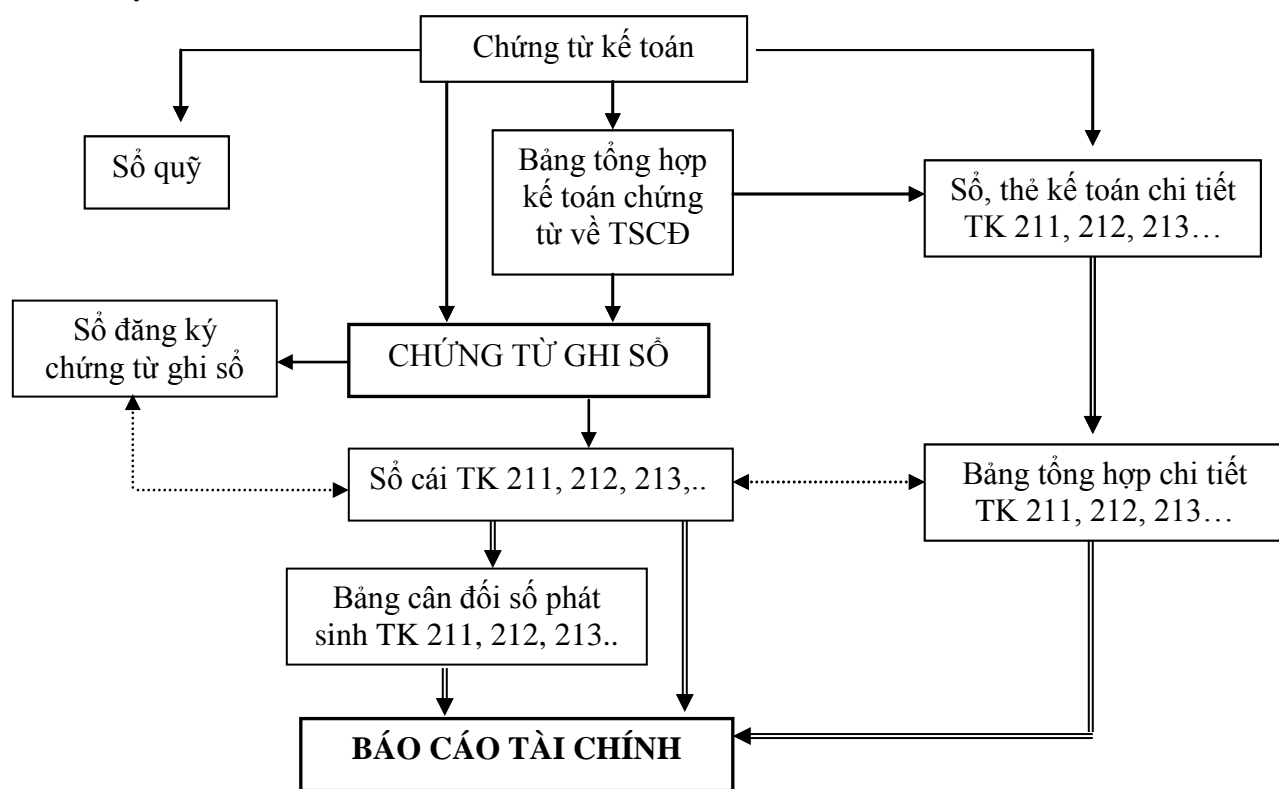
Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký - Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Sổ Cái TK 211, 212, 213, 214,...
- Các Sổ, Thẻ TSCĐ.

b. Trình tự ghi sổ kế toán

Biểu số 03
TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN CHỨNG TỪ GHI SỔ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————>
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ══════════>
- Đối chiếu, kiểm tra ⋯⋯⋯⋯<—

4. Hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ

a. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ (NKCT):

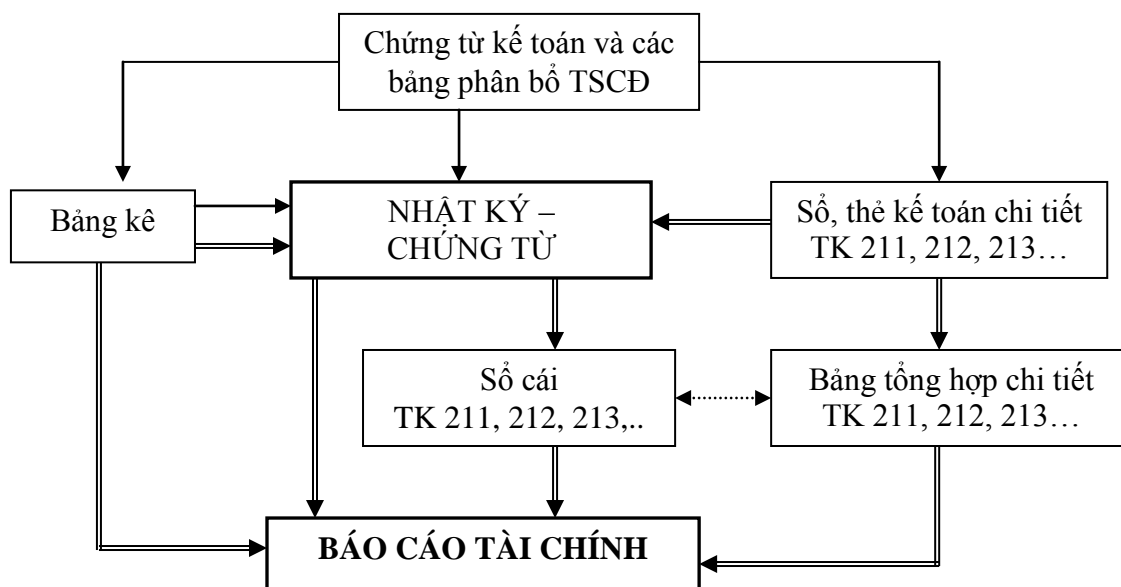
Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ. Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản). Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép. Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ số 7, số 9, số 10..
- Sổ Cái TK 211, 212, 213, 214,...
- Bảng kê số 1, số 2, số 5...
- Sổ hoặc thẻ TSCĐ.

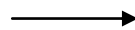
b. Trình tự ghi sổ kế toán

Biểu số 04
TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN
NHẬT KÝ - CHỨNG TỪ



Ghi chú:

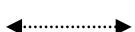
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ



Đối chiếu, kiểm tra



5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

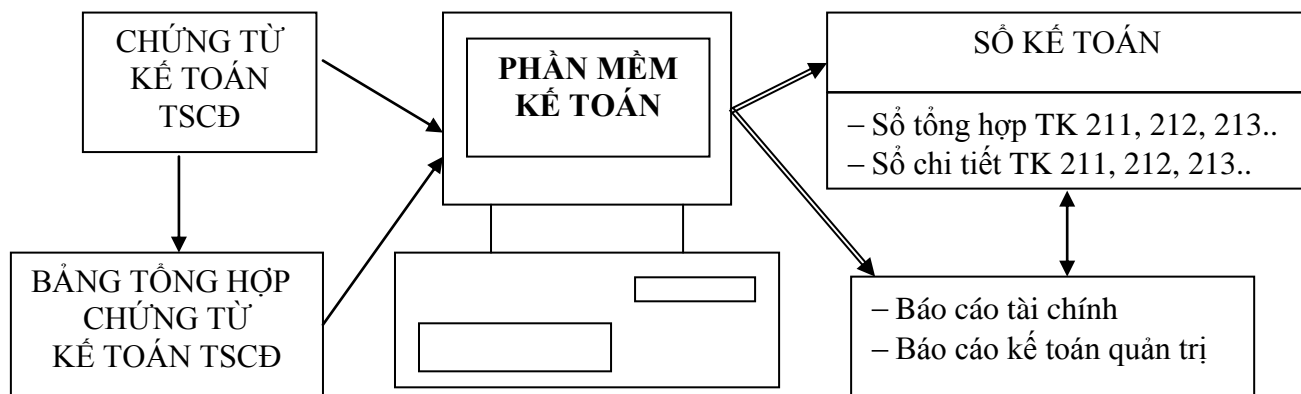
a. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

b. Trình tự ghi sổ kế toán

Biểu số 05
TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

IV – ĐÁNH GIÁ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Mục đích của đánh giá TSCĐ là nhằm đánh giá đúng năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thực hiện tính khấu hao đúng để đảm bảo thu hồi vốn đầu tư để tái đầu tư TSCĐ khi nó hư hỏng và nhằm phân tích đúng hiệu quả sử dụng TSCĐ của doanh nghiệp.

Đánh giá TSCĐ là xác định giá trị TSCĐ bằng tiền theo những nguyên tắc nhất định. TSCĐ được đánh giá lần đầu và có thể đánh giá lại trong quá trình sử dụng. TSCĐ được đánh giá theo nguyên giá, giá trị đã hao mòn và giá trị còn lại.

1. Nguyên giá tài sản cố định (giá trị ghi sổ ban đầu)

a. Xác định nguyên giá tài sản cố định hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

➤ TSCĐ hữu hình mua sắm:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm (kể cả mua mới và cũ): là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: lãi tiền vay phát sinh trong quá trình đầu tư mua sắm tài sản cố định; chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Trường hợp TSCĐ hữu hình mua trả chậm, trả góp, nguyên giá TSCĐ là giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có).

Trường hợp mua TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất phải xác định riêng và ghi nhận là TSCĐ vô hình, còn TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc thì nguyên giá là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ hữu hình vào sử dụng.

➤ **TSCĐ hữu hình mua theo hình thức trao đổi:**

Nguyên giá TSCĐ mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác là giá trị hợp lý của TSCĐ hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của TSCĐ đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về) cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đem trao đổi.

➤ **Tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự sản xuất:**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình khi đưa vào sử dụng. Trường hợp TSCĐ đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì doanh nghiệp hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự sản xuất là giá thành thực tế của TSCĐ hữu hình cộng (+) các chi phí lắp đặt chạy thử, các chi phí khác trực tiếp liên quan tính đến thời điểm đưa TSCĐ hữu hình vào trạng thái sẵn sàng sử dụng (trừ các khoản lãi nội bộ, giá trị sản phẩm thu hồi được trong quá trình chạy thử, sản xuất thử, các chi phí không hợp lý như vật liệu lãng phí, lao động hoặc các khoản chi phí khác vượt quá định mức quy định trong xây dựng hoặc sản xuất).

➤ **Tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu, được tặng, do phát hiện thừa:**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu, được tặng, do phát hiện thừa là giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận hoặc tổ chức định giá chuyên nghiệp.

➤ **Tài sản cố định hữu hình được cấp; được điều chuyển đến:**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình được cấp, được điều chuyển đến bao gồm giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ kế toán ở đơn vị cấp, đơn vị điều chuyển hoặc giá trị theo đánh giá thực tế của tổ chức định giá chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật, cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp mà bên nhận tài sản phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như chi phí thuê tổ chức định giá; chi phí nâng cấp, lắp đặt, chạy thử...

➤ **Tài sản cố định hữu hình nhận góp vốn, nhận lại vốn góp:**

TSCĐ nhận góp vốn, nhận lại vốn góp là giá trị do các thành viên, cổ đông sáng lập định giá nhất trí; hoặc doanh nghiệp và người góp vốn thoả thuận; hoặc do tổ chức chuyên nghiệp định giá theo quy định của pháp luật và được các thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận.

b. Xác định nguyên giá tài sản cố định vô hình:

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

➤ **Tài sản cố định vô hình mua sắm:**

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua sắm là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

Trường hợp TSCĐ vô hình mua sắm theo hình thức trả chậm, trả góp, nguyên giá TSCĐ là giá mua tài sản theo phương thức trả tiền ngay tại thời điểm mua (không bao gồm lãi trả chậm).

➤ **Tài sản cố định vô hình mua theo hình thức trao đổi:**

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình không tương tự hoặc tài sản khác là giá trị hợp lý của TSCĐ vô hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về) cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính.

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đem trao đổi.

➤ **Tài sản cố định vô hình được cấp, được biếu, được tặng, được điều chuyển đến:**

Nguyên giá TSCĐ vô hình được cấp, được biếu, được tặng là giá trị hợp lý ban đầu cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến việc đưa tài sản vào sử dụng.

Nguyên giá TSCĐ được điều chuyển đến là nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp có tài sản điều chuyển. Doanh nghiệp tiếp nhận tài sản điều chuyển có trách nhiệm hạch toán nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại của tài sản theo quy định.

➤ **Tài sản cố định vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp:**

Nguyên giá TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp là các chi phí liên quan trực tiếp đến khâu xây dựng, sản xuất thử nghiệm phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ đó vào sử dụng theo dự tính.

Riêng các chi phí phát sinh trong nội bộ để doanh nghiệp có nhãn hiệu hàng hoá, quyền phát hành, danh sách khách hàng, chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu và các khoản mục tương tự không đáp ứng được tiêu chuẩn và nhận biết TSCĐ vô hình được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

➤ **TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất:**

- Trường hợp doanh nghiệp được giao đất có thu tiền sử dụng đất: nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được giao được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng (+) các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

- Trường hợp doanh nghiệp thuê đất thì tiền thuê đất được tính vào chi phí kinh doanh, không ghi nhận là TSCĐ vô hình.

Cụ thể:

+ Nếu doanh nghiệp thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê thì được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm thuê đất.

+ Nếu doanh nghiệp thuê đất trả tiền thuê hàng năm thì hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ tương ứng số tiền thuê đất trả hàng năm.

➤ **Nguyên giá của TSCĐ vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ:**

là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra để có được quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

➤ **Nguyên giá TSCĐ là các chương trình phần mềm:**

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

c. Tài sản cố định thuê tài chính:

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính phản ánh ở đơn vị thuê là giá trị của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng (+) với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

2. Thời gian sử dụng các loại tài sản cố định

a. thời gian sử dụng tài sản cố định hữu hình:

➤ Đối với tài sản cố định còn mới (chưa qua sử dụng), doanh nghiệp phải căn cứ vào khung thời gian sử dụng tài sản cố định:

Danh mục các nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng tối thiểu (năm)	Thời gian sử dụng tối đa (năm)
A - Máy móc, thiết bị động lực		
1. Máy phát động lực	8	10
2. Máy phát điện	7	10
3. Máy biến áp và thiết bị nguồn điện	7	10
4. Máy móc, thiết bị động lực khác	6	10
B - Máy móc, thiết bị công tác		
1. Máy công cụ	7	10
2. Máy móc thiết bị dùng trong ngành khai khoáng	5	10
3. Máy kéo	6	8
4. Máy dùng cho nông, lâm nghiệp	6	8
5. Máy bơm nước và xăng dầu	6	8
6. Thiết bị luyện kim, gia công bề mặt chống gỉ và ăn mòn kim loại	7	10
7. Thiết bị chuyên dùng sản xuất các loại hoá chất	6	10
8. Máy móc, thiết bị chuyên dùng sản xuất vật liệu xây dựng, đồ sành sứ, thủy tinh	10	20
9. Thiết bị chuyên dùng sản xuất các linh kiện và điện tử, quang học, cơ khí chính xác	5	12
10. Máy móc, thiết bị dùng trong các ngành sản xuất da, in văn phòng phẩm và văn hoá phẩm	7	10
11. Máy móc, thiết bị dùng trong ngành dệt	10	15
12. Máy móc, thiết bị dùng trong ngành may mặc	5	7
13. Máy móc, thiết bị dùng trong ngành giấy	5	15
14. Máy móc, thiết bị sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm	7	12
15. Máy móc, thiết bị điện ảnh, y tế	6	12
16. Máy móc, thiết bị viễn thông, thông tin, điện tử, tin học và truyền hình	3	15
17. Máy móc, thiết bị sản xuất dược phẩm	6	10
18. Máy móc, thiết bị công tác khác	5	12

19. Máy móc, thiết bị dùng trong ngành lọc hoá dầu	10	20
20. Máy móc, thiết bị dùng trong thăm dò khai thác dầu khí.	7	10
21. Máy móc thiết bị xây dựng	8	12
22. Cầu	10	20
C - Dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm		
1. Thiết bị đo lường, thử nghiệm các đại lượng cơ học, âm học và nhiệt học	5	10
2. Thiết bị quang học và quang phổ	6	10
3. Thiết bị điện và điện tử	5	8
4. Thiết bị đo và phân tích lý hoá	6	10
5. Thiết bị và dụng cụ đo phóng xạ	6	10
6. Thiết bị chuyên ngành đặc biệt	5	8
7. Các thiết bị đo lường, thí nghiệm khác	6	10
8. Khuôn mẫu dùng trong công nghiệp đúc	2	5
D - Thiết bị và phương tiện vận tải		
1. Phương tiện vận tải đường bộ	6	10
2. Phương tiện vận tải đường sắt	7	15
3. Phương tiện vận tải đường thuỷ	7	15
4. Phương tiện vận tải đường không	8	20
5. Thiết bị vận chuyển đường ống	10	30
6. Phương tiện bốc dỡ, nâng hàng	6	10
7. Thiết bị và phương tiện vận tải khác	6	10
E - Dụng cụ quản lý		
1. Thiết bị tính toán, đo lường	5	8
2. Máy móc, thiết bị thông tin, điện tử và phần mềm tin học phục vụ quản lý	3	8
3. Phương tiện và dụng cụ quản lý khác	5	10
G - Nhà cửa, vật kiến trúc		
1. Nhà cửa loại kiên cố (1)	25	50
2. Nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn giữa ca, nhà vệ sinh, nhà thay quần áo, nhà để xe...	6	25
3. Nhà cửa khác (2)	6	25
4. Kho chứa, bể chứa; cầu, đường, đường băng sân bay; bãi đỗ, sân phơi...	5	20
5. Kè, đập, cống, kênh, mương máng, bến cảng, ụ triền đà...	6	30
6. Các vật kiến trúc khác	5	10
H - Súc vật, vườn cây lâu năm		
1. Các loại súc vật	4	15
2. Vườn cây công nghiệp, vườn cây ăn quả, vườn cây lâu năm.	6	40
3. Thảm cỏ, thảm cây xanh.	2	8
I - Các loại tài sản cố định hữu hình khác chưa quy định trong các nhóm trên		
	4	25

➤ Đối với tài sản cố định đã qua sử dụng, thời gian sử dụng của tài sản cố định được xác định như sau:

$$\text{Thời gian sử dụng của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị hợp lý của TSCĐ}}{\text{Giá bán của TSCĐ cùng loại mới} \times 100\% \text{ (hoặc của TSCĐ tương đương trên thị trường)}} \times \text{Thời gian sử dụng của TSCĐ mới cùng loại xác định theo Phụ lục 1 (ban hành kèm theo Thông tư 203/2009 – TT –BTC)}$$

Trong đó:

Giá trị hợp lý của TSCĐ là giá mua hoặc trao đổi thực tế (trong trường hợp mua bán, trao đổi), giá trị còn lại của TSCĐ hoặc giá trị theo đánh giá của tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá (trong trường hợp được cho, được biếu, được tặng, được cấp, được điều chuyển đến) và các trường hợp khác.

➤ Thay đổi thời gian sử dụng tài sản cố định:

✓ Trường hợp doanh nghiệp muốn xác định thời gian sử dụng của tài sản cố định mới và đã qua sử dụng khác với khung thời gian sử dụng quy định, doanh nghiệp phải lập phương án thay đổi thời gian sử dụng tài sản cố định trên cơ sở giải trình rõ các nội dung sau:

- Tuổi thọ kỹ thuật của TSCĐ theo thiết kế;
- Hiện trạng TSCĐ (thời gian TSCĐ đã qua sử dụng, thể hệ tài sản, tình trạng thực tế của tài sản);
- Ảnh hưởng của việc tăng, giảm khấu hao TSCĐ đến kết quả sản xuất kinh doanh và nguồn vốn trả nợ các tổ chức tín dụng.

✓ Doanh nghiệp chỉ được thay đổi thời gian sử dụng TSCĐ một lần đối với một tài sản.

b. Thời gian sử dụng tài sản cố định vô hình:

- Doanh nghiệp tự xác định thời gian sử dụng tài sản cố định vô hình nhưng tối đa không quá 20 năm.
- Đối với TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn, thời gian sử dụng là thời hạn được phép sử dụng đất theo quy định.
- Đối với TSCĐ vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ, quyền đối với giống cây trồng, thì thời gian sử dụng là thời hạn bảo hộ được ghi trên văn bằng bảo hộ theo quy định (không được tính thời hạn bảo hộ được gia hạn thêm).

3. Giá trị hao mòn của tài sản cố định.

Trong quá trình tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, do chịu tác động của nhiều nguyên nhân nên TSCĐ bị hao mòn dần.

Sự hao mòn này có thể chia thành 2 loại: hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình.

- Hao mòn hữu hình: là sự giảm dần về mặt vật chất do quá trình sử dụng, bảo quản, chất lượng lắp đặt, tác động của các yếu tố tự nhiên và theo đó giá trị của TSCĐ giảm dần.

- Hao mòn vô hình là sự giảm thuần túy về mặt giá trị của TSCĐ mà nguyên nhân chủ yếu là do sự tiến bộ của khoa học và công nghệ, do năng suất lao động xã hội tăng lên làm cho những tài sản trước đó bị mất giá một cách vô hình.

Do vậy, để thu hồi lại giá trị của TSCĐ do sự hao mòn trên, cần phải tiến hành tính khấu hao TSCĐ.

4. Xác định giá còn lại của tài sản cố định.

Giá trị còn lại của TSCĐ là phần chênh lệch giữa nguyên giá TSCĐ và số khấu hao lũy kế của TSCĐ tính đến thời điểm báo cáo.

+Giá trị còn lại của TSCĐ được xác định theo công thức:

$$\text{Giá trị còn lại trên sổ kế toán của TSCĐ} = \text{Nguyên giá của tài sản cố định} - \text{Số hao mòn lũy kế của TSCĐ}$$

Nguyên giá TSCĐ được lấy theo sổ kế toán sau khi đã tính đến các chi phí phát sinh ghi nhận ban đầu.

+Trường hợp nguyên giá TSCĐ được đánh giá lại thì giá trị còn lại của TSCĐ được điều chỉnh theo công thức:

$$\text{Giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đánh giá lại} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ trước khi đánh giá lại} \times \text{Giá trị đánh giá lại của TSCĐ}}{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}$$

Đánh giá TSCĐ theo giá trị còn lại giúp doanh nghiệp xác định được số vốn chưa thu hồi của TSCĐ, biết được hiện trạng của TSCĐ là cũ hay mới để có phương hướng đầu tư và kế hoạch bổ sung thêm TSCĐ và có biện pháp để bảo toàn được vốn cố định.

IV – CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP.

1. Nguyên tắc quản lý tài sản cố định:

a. Mọi TSCĐ trong doanh nghiệp phải có bộ hồ sơ riêng (gồm biên bản giao nhận TSCĐ, hợp đồng, hoá đơn mua TSCĐ và các chứng từ, giấy tờ khác có liên quan). Mỗi TSCĐ phải được phân loại, đánh số và có thẻ riêng, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng ghi TSCĐ và được phản ánh trong sổ theo dõi TSCĐ.

b. Mỗi TSCĐ phải được quản lý theo nguyên giá, số hao mòn lũy kế và giá trị còn lại trên sổ sách kế toán.

c. Đối với những TSCĐ không cần dùng, chờ thanh lý nhưng chưa hết khấu hao, doanh nghiệp phải thực hiện quản lý, theo dõi, bảo quản theo quy định hiện hành và trích khấu hao theo quy định.

2. Tổ chức kế toán chi tiết TSCĐ.

2.1 Kế toán chi tiết TSCĐ ở từng bộ phận sử dụng, bảo quản.

Để quản lý, theo dõi TSCĐ theo bộ phận sử dụng, người ta mở “sổ TSCĐ theo đơn vị sử dụng” cho từng đơn vị, bộ phận sử dụng. Sổ này dùng để theo dõi tình hình tăng giảm TSCĐ trong suốt thời gian sử dụng tại đơn vị trên cơ sở các chứng từ gốc về tăng giảm TSCĐ.

2.2 Kế toán chi tiết TSCĐ ở bộ phận kế toán.

Tại phòng kế toán, kế toán TSCĐ sử dụng thẻ TSCĐ để theo dõi chi tiết cho từng TSCĐ của doanh nghiệp, tình hình thay đổi nguyên giá và giá trị hao mòn đã trích hàng năm của từng TSCĐ. Thẻ TSCĐ do kế toán TSCĐ lập cho từng đối tượng ghi TSCĐ.

Kế toán lập thẻ TSCĐ căn cứ vào:

- Biên bản giao nhận TSCĐ.
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ.
- Biên bản thanh lý TSCĐ.
- Các tài liệu kỹ thuật có liên quan.

* Thẻ TSCĐ được lập một bản và lưu ở phòng kế toán trong suốt quá trình sử dụng. Toàn bộ thẻ TSCĐ được bảo quản tập trung tại phòng thẻ, trong đó chia làm nhiều ngăn để xếp thẻ theo yêu cầu phân loại TSCĐ. Mỗi ngăn dùng để xếp thẻ của một nhóm TSCĐ, chi tiết theo đơn vị và số liệu TSCĐ. Mỗi nhóm này được tập trung một phiếu hạch toán tăng, giảm hàng tháng trong năm. Thẻ TSCĐ sau khi tập trung xong phải được đăng ký vào sổ TSCĐ.

* Sổ TSCĐ: mỗi loại TSCĐ (nhà cửa, máy móc, thiết bị...) được mở riêng một số hoặc một số trang trong sổ TSCĐ để theo dõi tình hình tăng, giảm, khấu hao của TSCĐ trong từng loại.

3. Kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ.

Kế toán tổng hợp nhằm ghi chép, phản ánh về giá trị các TSCĐ hiện có, phản ánh tình hình tăng, giảm, việc kiểm tra và giữ gìn, sử dụng, bảo quản TSCĐ và kế hoạch đầu tư đổi mới trong doanh nghiệp, tính toán, phân bổ chính xác số khấu hao TSCĐ và chi phí sản xuất kinh doanh, qua đó cung cấp thông tin về vốn kinh doanh, tình hình sử dụng vốn và TSCĐ thể hiện trong bảng cân đối kế toán cũng như căn cứ để tính hiệu quả kinh tế khi sử dụng TSCĐ đó.

3.1 Kế toán tài sản cố định hữu hình.

a. Tài khoản sử dụng.

Theo chế độ kế toán hiện hành về việc hạch toán TSCĐ hữu hình được theo dõi chủ yếu trên tài khoản: TK 211 – TSCĐ hữu hình: Tài khoản (TK) này dùng để phản ánh giá trị hiện có và biến động tăng giảm TSCĐ hữu hình của doanh nghiệp theo nguyên giá. TK 211 có kết cấu như sau:

TK 211

<p>+ Bên nợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên giá TSCĐ hữu hình tăng do XDCB hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, do mua sắm, do nhận góp vốn liên doanh, do được cấp, do được tặng biếu, tài trợ ... - Điều chỉnh tăng nguyên giá của TSCĐ hữu hình do xây lắp, trang bị thêm hoặc do cải tạo, nâng cấp...; - Điều chỉnh tăng nguyên giá TSCĐ hữu hình do đánh giá lại. 	<p>+ Bên có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên giá TSCĐ hữu hình giảm do điều chuyển đơn vị khác, do nhượng bán, thanh lý hoặc đem đi góp vốn liên doanh,... - Nguyên giá TSCĐ hữu hình giảm do tháo bớt một hoặc một số bộ phận; - Điều chỉnh giảm nguyên giá TSCĐ hữu hình do đánh giá lại.
<p>+ Số dư bên nợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên giá TSCĐ hữu hình hiện có. 	

Tài khoản 211 có các TK cấp 2 như sau:

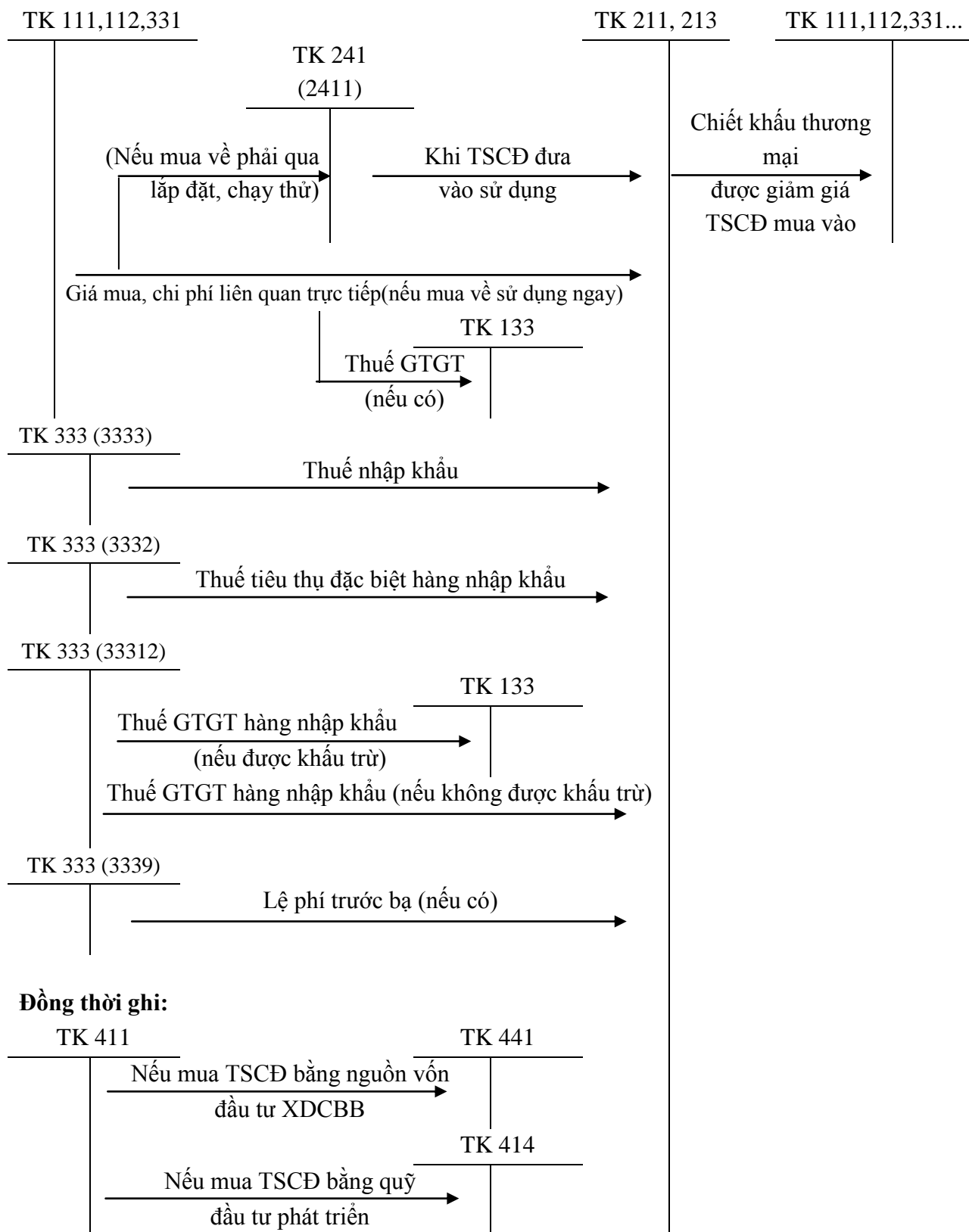
- TK 2111 – Nhà cửa, vật kiến trúc
- TK 2112- Máy móc thiết bị
- TK 2113 – Phương tiện vận tải truyền dẫn
- TK 2114 – Thiết bị, dụng cụ quản lý
- TK 2115 – Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm.
- TK 2118 – TSCĐ hữu hình khác

b. Trình tự kế toán tăng TSCĐ hữu hình.

Trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, TSCĐ tăng lên do nhiều nguyên nhân: mua sắm trực tiếp, do nhận bàn giao công trình xây dựng cơ bản hoàn thành, nhận góp vốn liên doanh, nhận lại vốn đem đi liên doanh trước đây bằng TSCĐ, tăng TSCĐ do được cấp phát, viện trợ, biếu tặng...

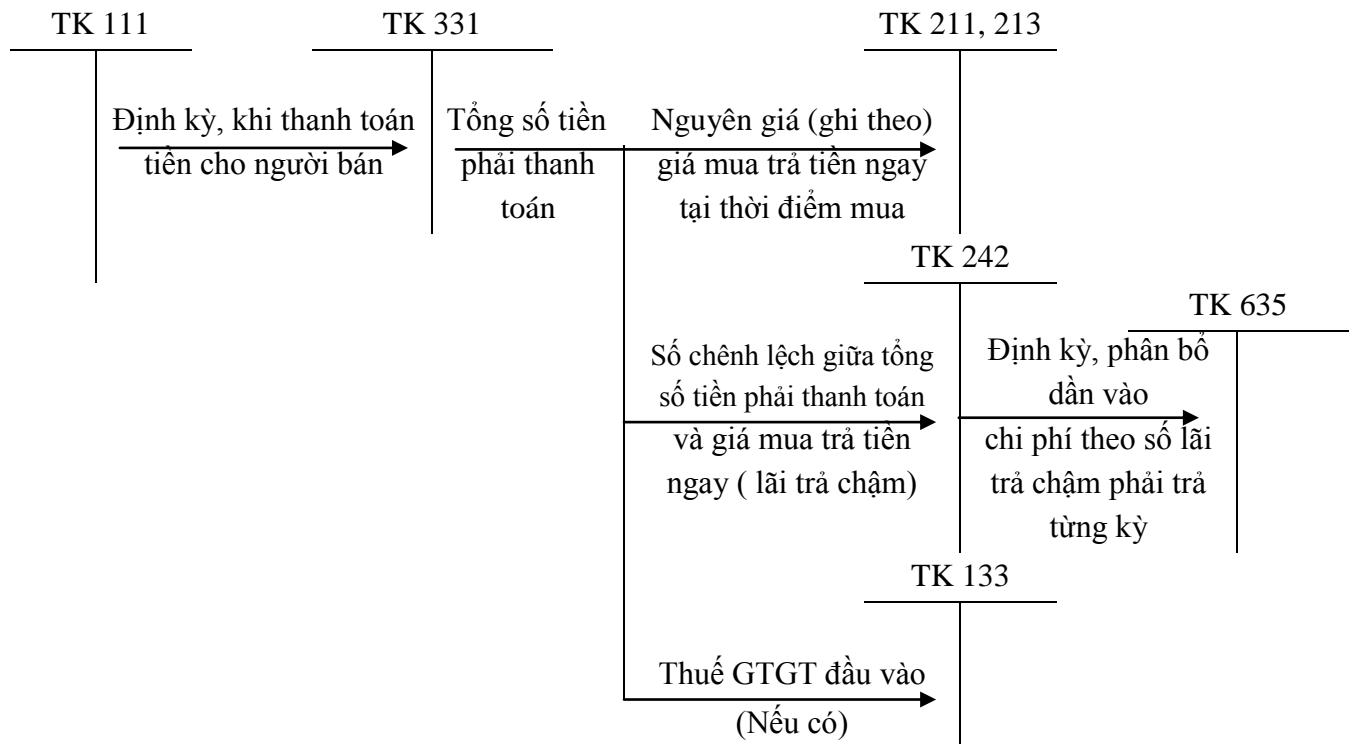
Trình tự hạch toán tăng TSCĐ được thể hiện trên sơ đồ: 01, 02, 03, 04, 05.

SƠ ĐỒ 01: SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN TĂNG TSCĐ DO MUA NGOÀI DÙNG VÀO HOẠT ĐỘNG SXKD
(Đơn vị áp dụng thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



SƠ ĐỒ 02:

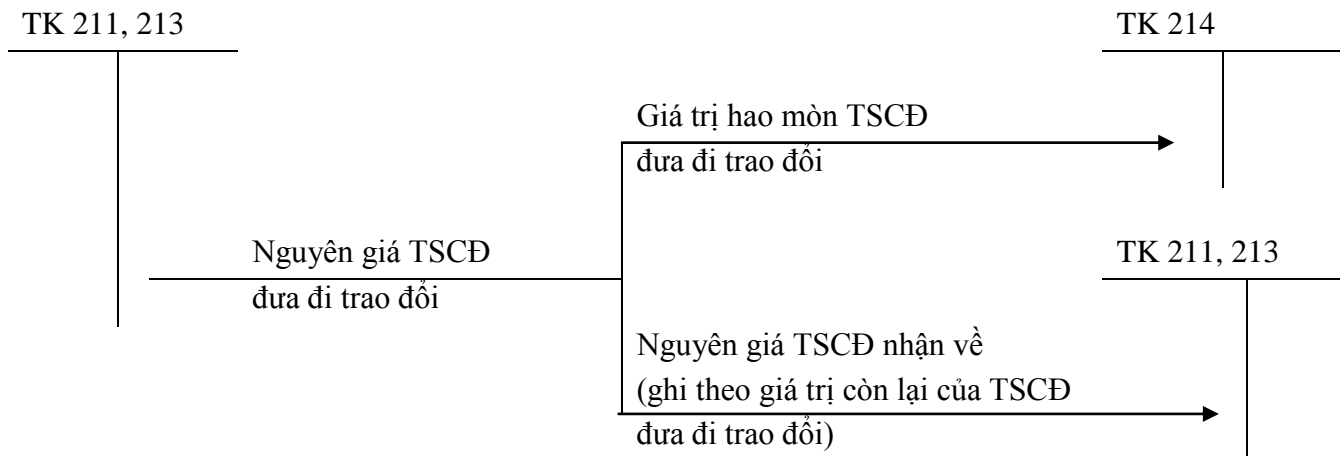
SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TSCĐ MUA NGOÀI THEO PHƯƠNG THỨC TRẢ CHẬM, TRẢ GÓP



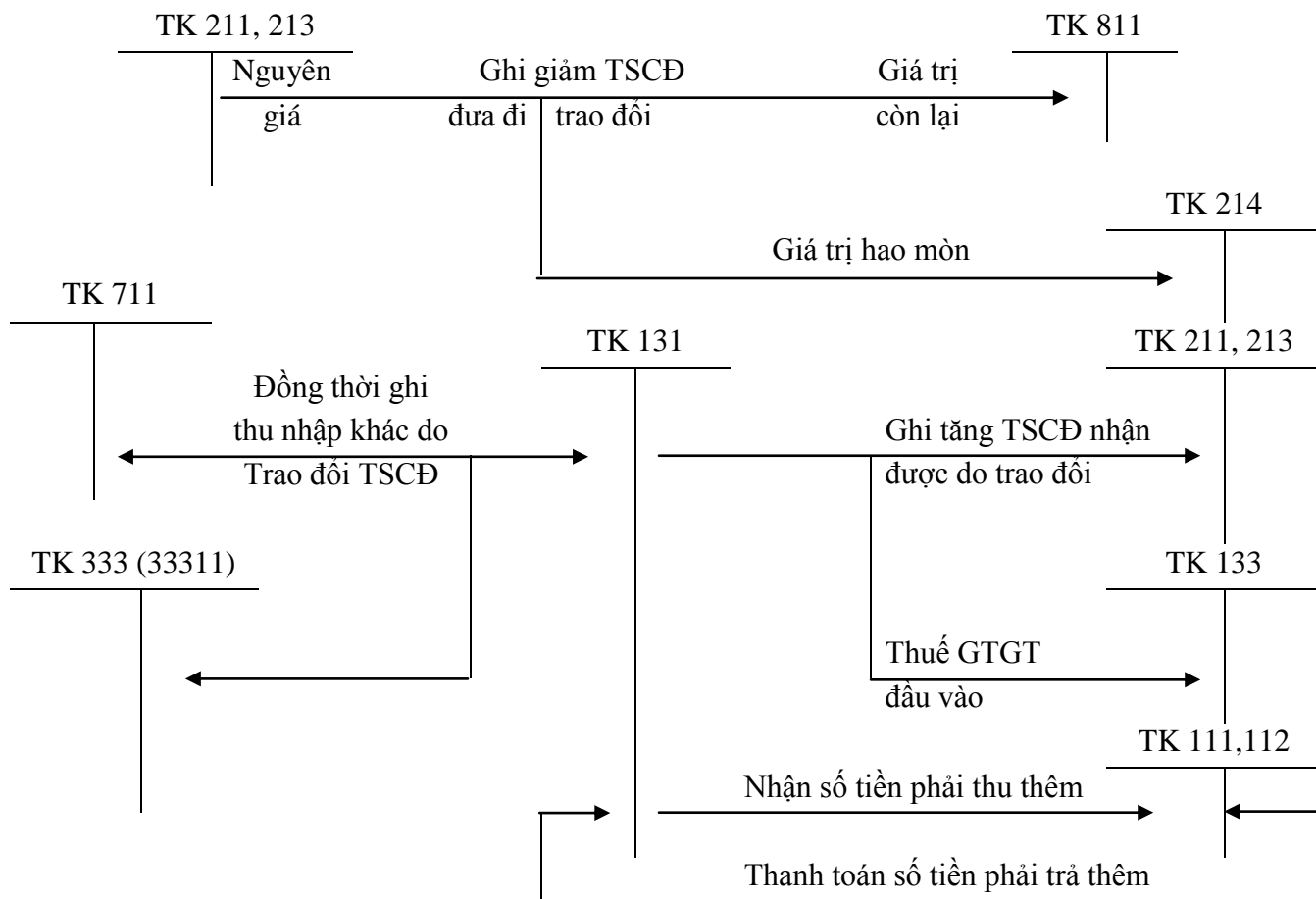
SƠ ĐỒ 03:

KẾ TOÁN MUA TSCĐ DƯỚI HÌNH THỨC TRAO ĐỔI

a) Trường hợp mua dưới hình thức trao đổi với TSCĐ tương tự:

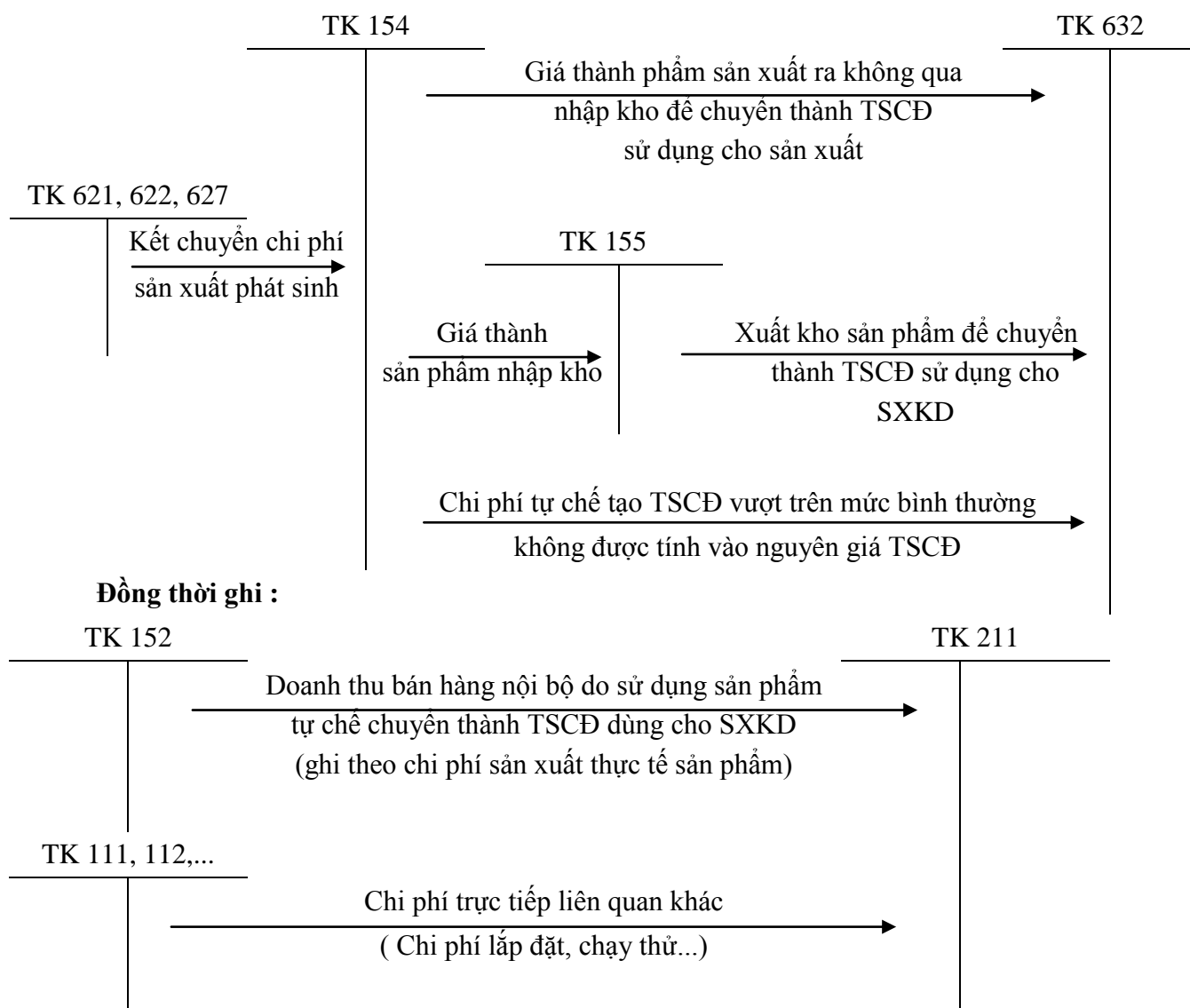


b) Trường hợp mua dưới hình thức trao đổi với TSCĐ không tương tự:



SƠ ĐỒ 04:

SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TSCĐ HỮU HÌNH TỰ CHẾ

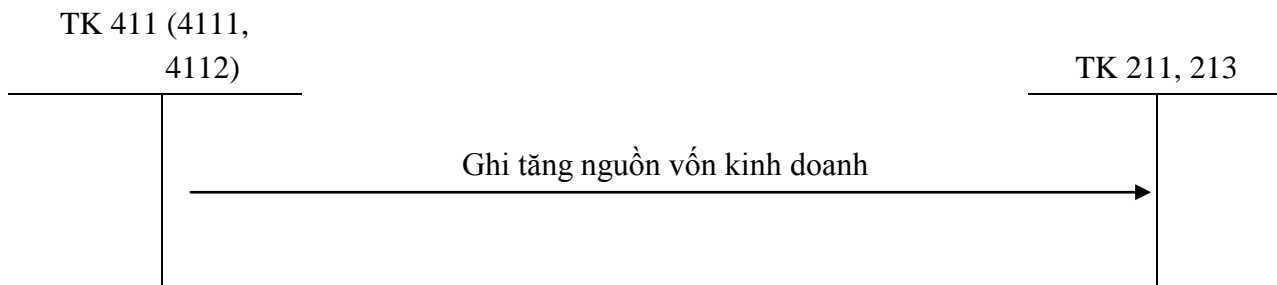


- Chú ý:**
- Trường hợp sản phẩm sản xuất ra để chuyển thành TSCĐ thì nguyên giá là chi phí sản xuất sản phẩm đó (giá thành phẩm) cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
 - Chi phí tự chế tạo TSCĐ vượt trên mức bình thường do sử dụng vật liệu, nhân công lãng phí không được tính vào nguyên giá TSCĐ mà phải tính vào chi phí SXKD.

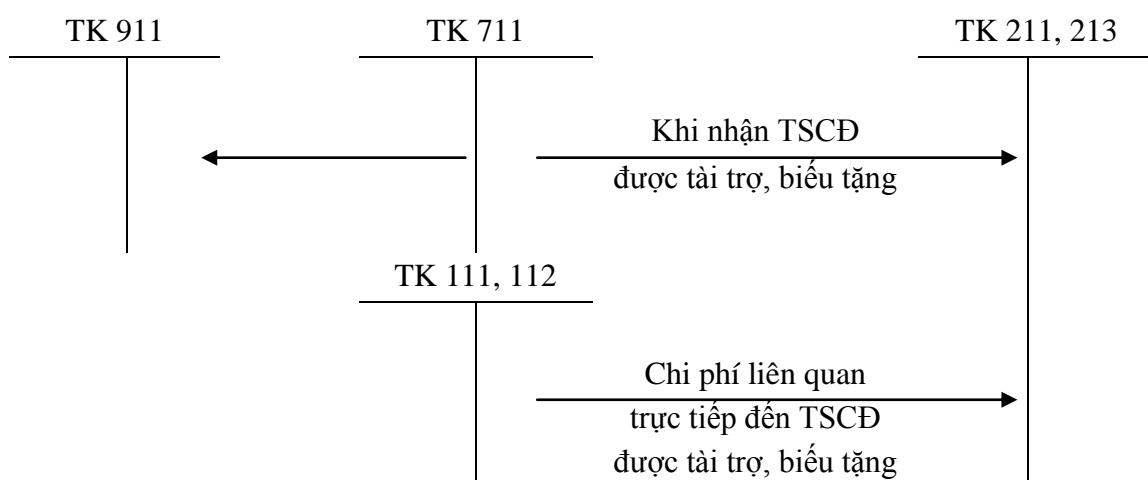
SƠ ĐỒ 05:

KẾ TOÁN CÁC TRƯỜNG HỢP KHÁC GHI TĂNG TSCĐ

a) Trường hợp hình thành TSCĐ hữu hình, vô hình từ việc trao đổi thanh toán bằng chứng từ liên quan đến quyền sở hữu vốn của các công ty cổ phần:



b) Trường hợp TSCĐ được viện trợ, biếu tặng



Chú ý: Trường hợp doanh nghiệp được tổ chức, cá nhân biếu tặng TSCĐ thì giá trị TSCĐ biếu tặng là thu nhập khác chịu thuế làm căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

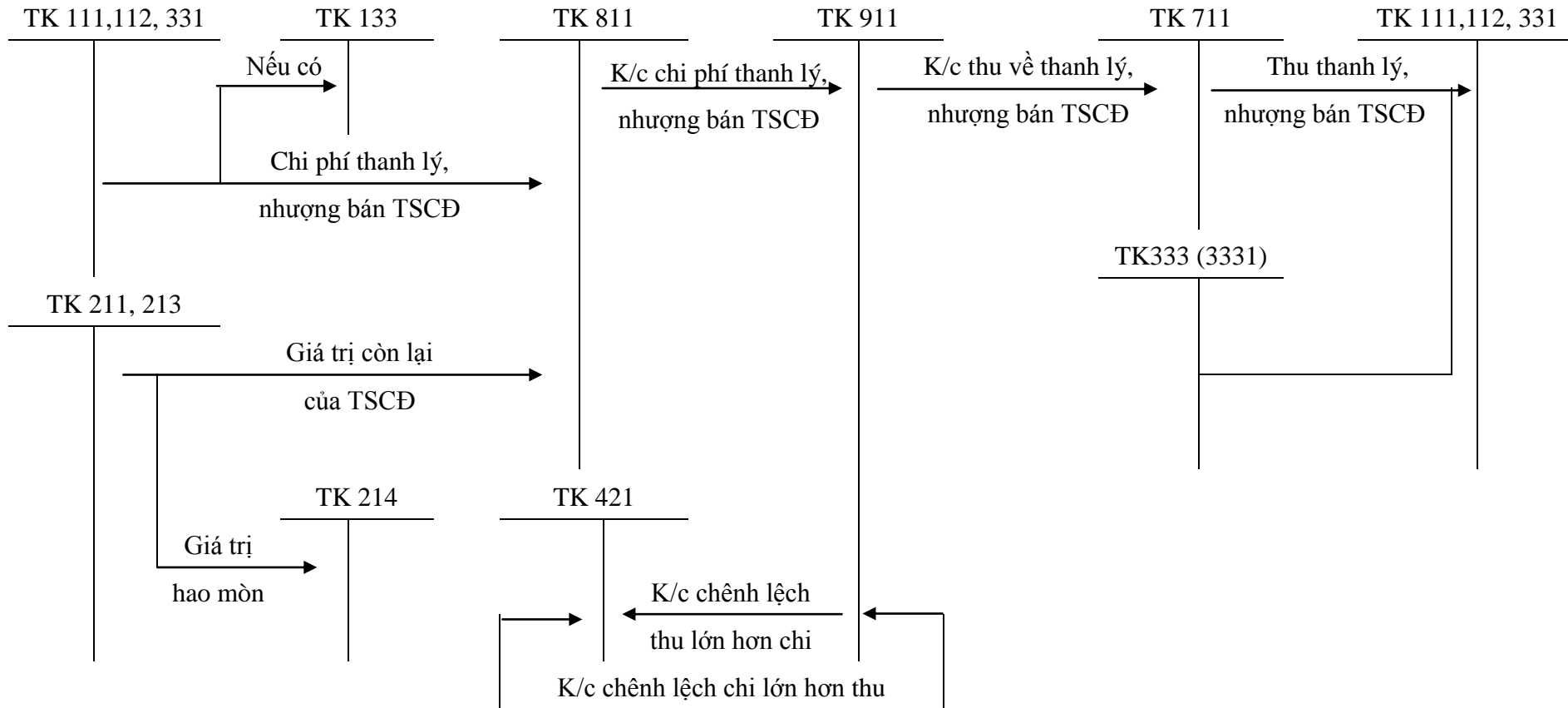
c. Kế toán tổng hợp giảm TSCĐ

TCSĐ giảm do nhiều nguyên nhân : do thanh lý, nhượng bán TSCĐ; đem TSCĐ đi góp vốn liên doanh;...

Trong mọi trường hợp, kế toán phải thực hiện đầy đủ thủ tục, xác định đúng những khoản thiệt hại và thu nhập (nếu có). Căn cứ vào chứng từ, kế toán phải tiến hành phân loại từng TSCĐ để ghi sổ.

SƠ ĐỒ 06:

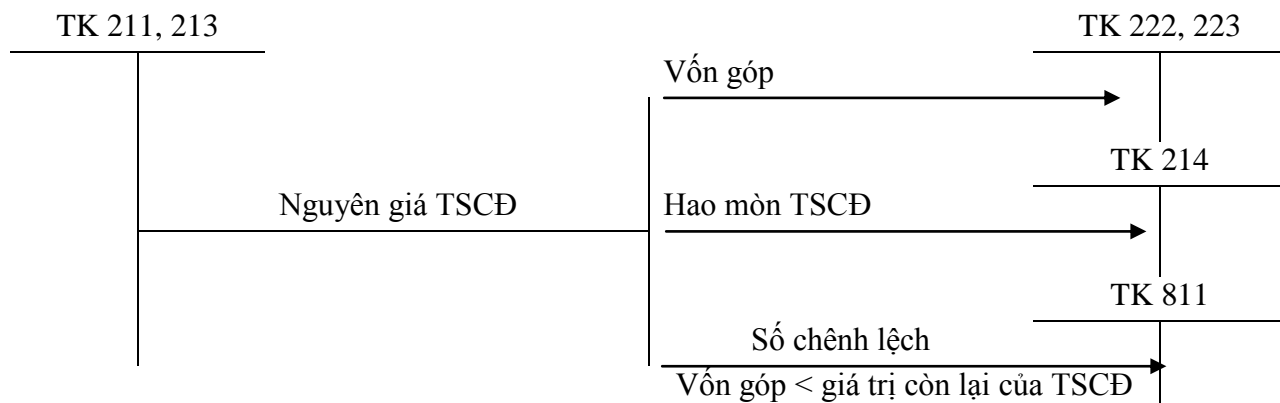
HẠCH TOÁN THANH LÝ, NHƯỢNG BÁN TSCĐ DÙNG VÀO HOẠT ĐỘNG SXKD
(Đơn vị áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



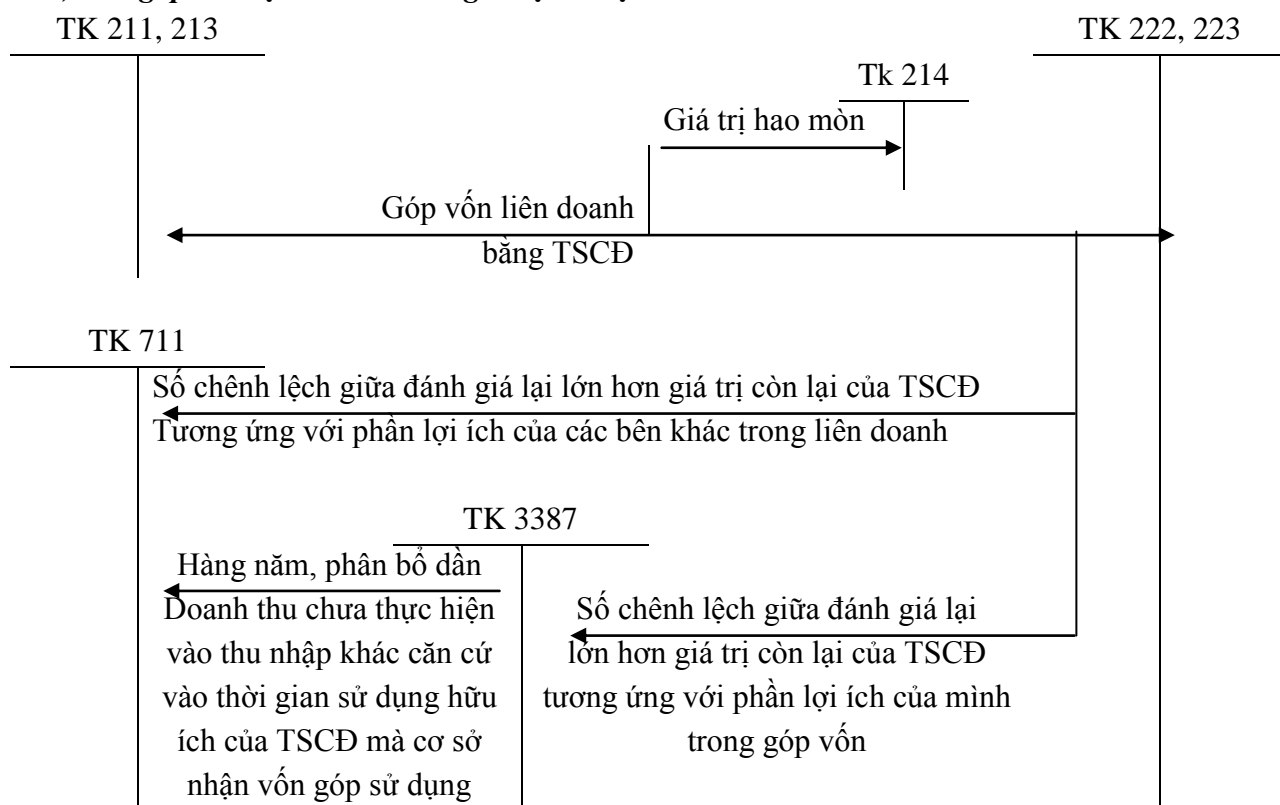
SƠ ĐỒ 07:

KẾ TOÁN GIẢM TSCĐ DO GÓP VỐN LIÊN DOANH

*a) **Vốn góp xác định là nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ***

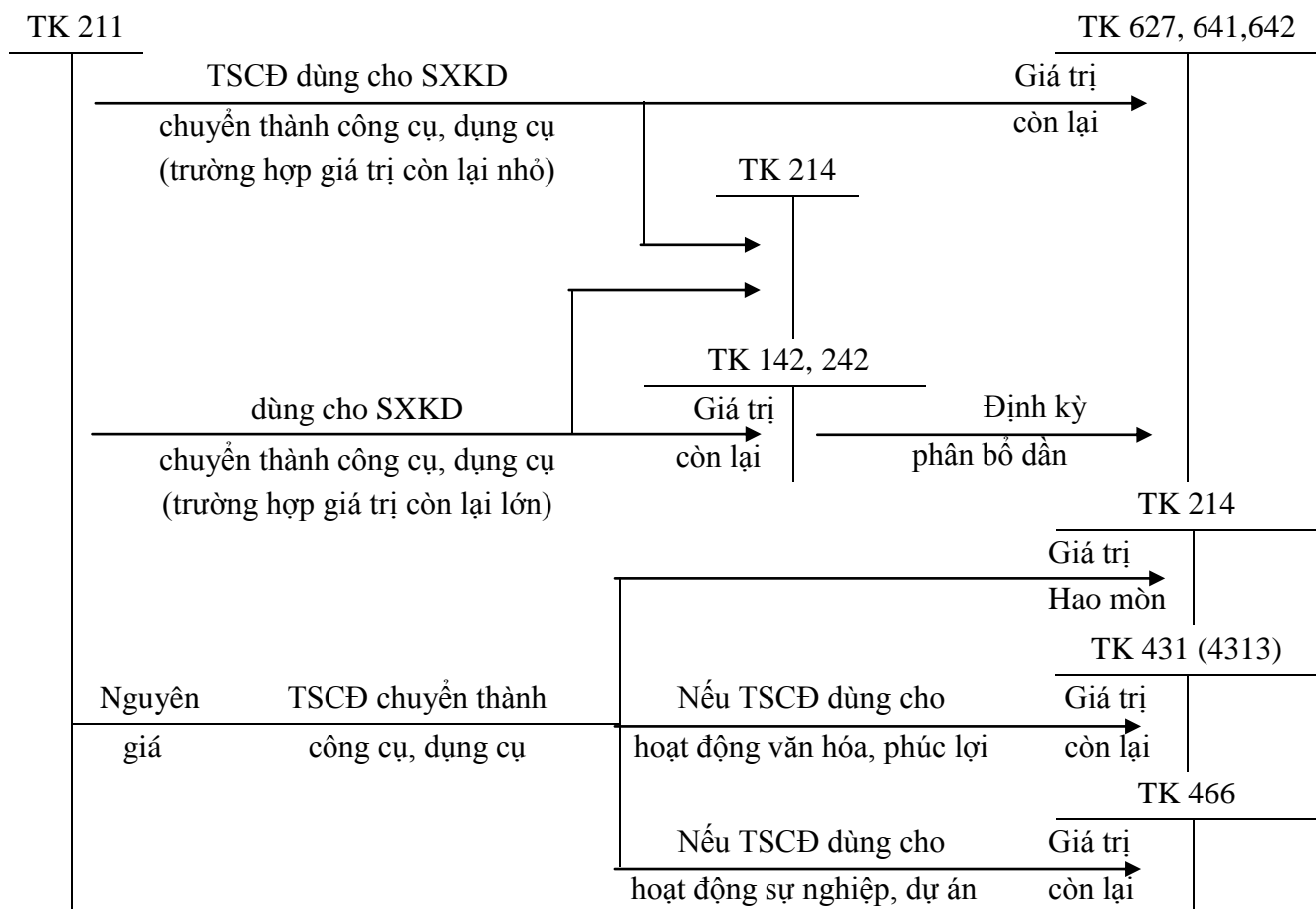


*b) **Vốn góp xác định là lớn hơn giá trị còn lại của TSCĐ***



SƠ ĐỒ 08 :

KẾ TOÁN GHI GIẢM TSCĐ HỮU HÌNH CHUYỂN THÀNH CÔNG CỤ, DỤNG CỤ (do không thỏa mãn tiêu chuẩn là TSCĐ)



3.2 Kế toán tài sản cố định vô hình

a. Tài khoản sử dụng.

Theo chế độ kế toán hiện hành về việc hạch toán TSCĐ vô hình được theo dõi chủ yếu trên tài khoản: TK 213 – TSCĐ vô hình. Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và biến động tăng giảm TSCĐ vô hình của doanh nghiệp theo nguyên giá. TK 213 – Tài sản cố định vô hình có kết cấu như sau:

TK 213

+ Bên nợ:	+ Bên có:
- Nguyên giá TSCĐ vô hình tăng.	- Nguyên giá TSCĐ vô hình giảm.
+ Số dư bên nợ:	
Nguyên giá TSCĐ vô hình hiện có tại doanh nghiệp	

Tài khoản 213 có các TK cấp 2 như sau:

- TK 2131 – Quyền sử dụng đất.
- TK 2132 – Quyền phát hành.
- TK 2133 – Bản quyền, bằng sáng chế.
- TK 2134 – Nhãn hiệu hàng hóa.
- TK 2135 – Phần mềm máy vi tính.
- TK 2136 – Giấy phép và giấy phép nhượng quyền.
- TK 2138 – TSCĐ vô hình khác

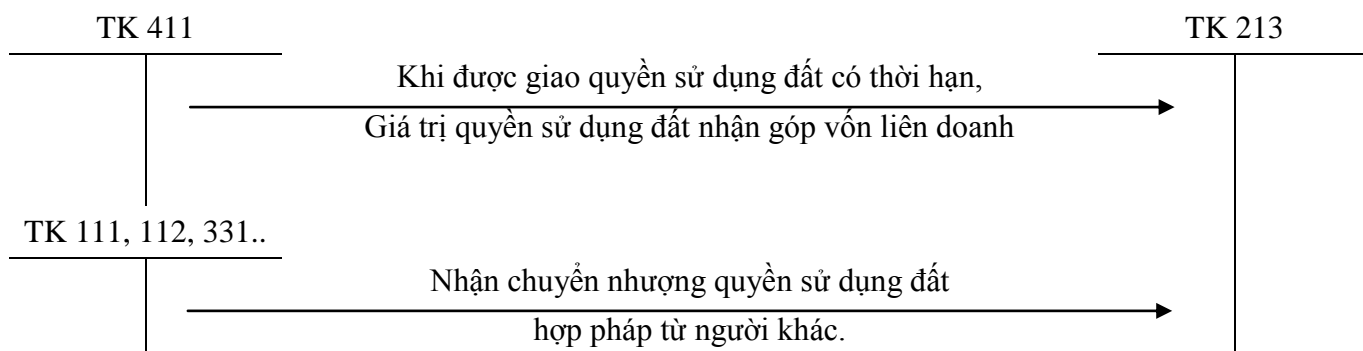
b. Trình tự kế toán tăng TSCĐ vô hình

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh làm tăng TSCĐ vô hình tương tự như tăng TSCĐ hữu hình như: TSCĐ vô hình tăng do mua ngoài (sơ đồ 01, sơ đồ 02), TSCĐ vô hình tăng do mua dưới hình thức trao đổi (sơ đồ 03),... Bên cạnh đó, TSCĐ vô hình còn được ghi tăng trong các trường hợp sau:

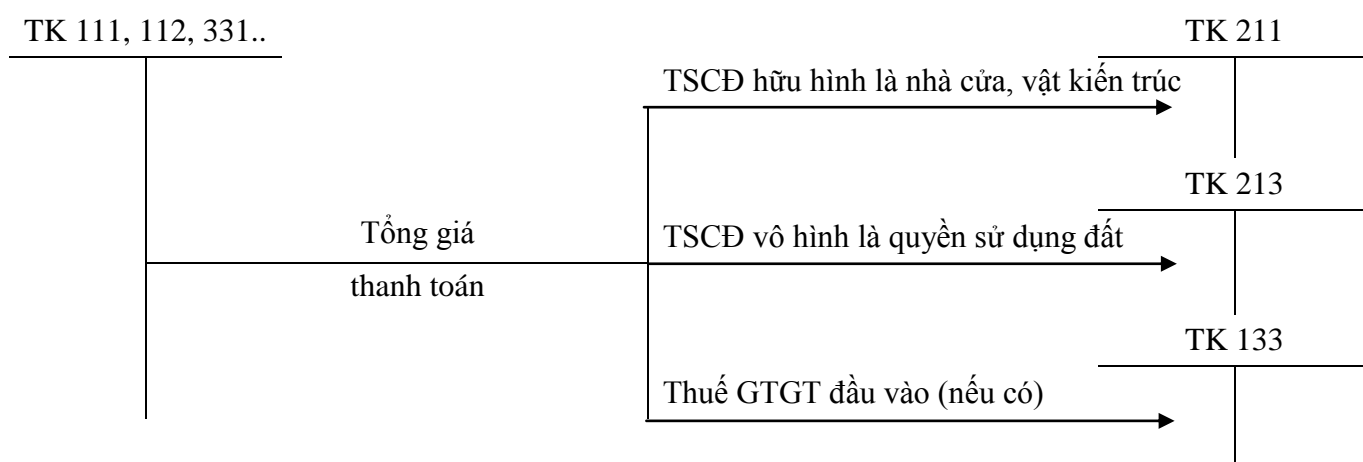
SƠ ĐỒ 09:

**KẾ TOÁN TĂNG TSCĐ VÔ HÌNH
LÀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÓ THỜI HẠN**

a) TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn:



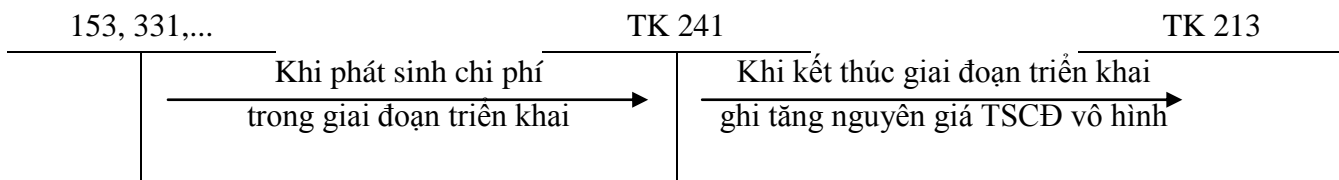
b) Quyền sử dụng đất được chuyển nhượng cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất



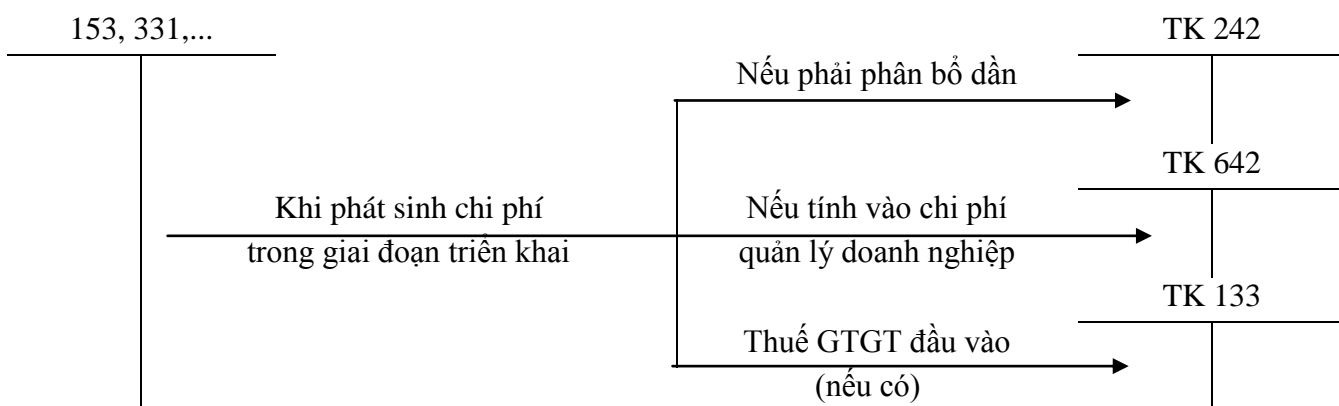
SƠ ĐỒ 10 :

GHI NHẬN TSCĐ VÔ HÌNH ĐƯỢC TẠO RA TỪ NỘI BỘ DOANH NGHIỆP TRONG GIAI ĐOẠN TRIỂN KHAI

a) Khi phát sinh chi phí triển khai thỏa mãn các điều kiện ghi nhận TSCĐ vô hình:
TK 111, 112, 152,
153, 331,...



b) Khi phát sinh chi phí triển khai không thỏa mãn các điều kiện ghi nhận TSCĐ vô hình:
TK 111, 112, 152,
153, 331,...

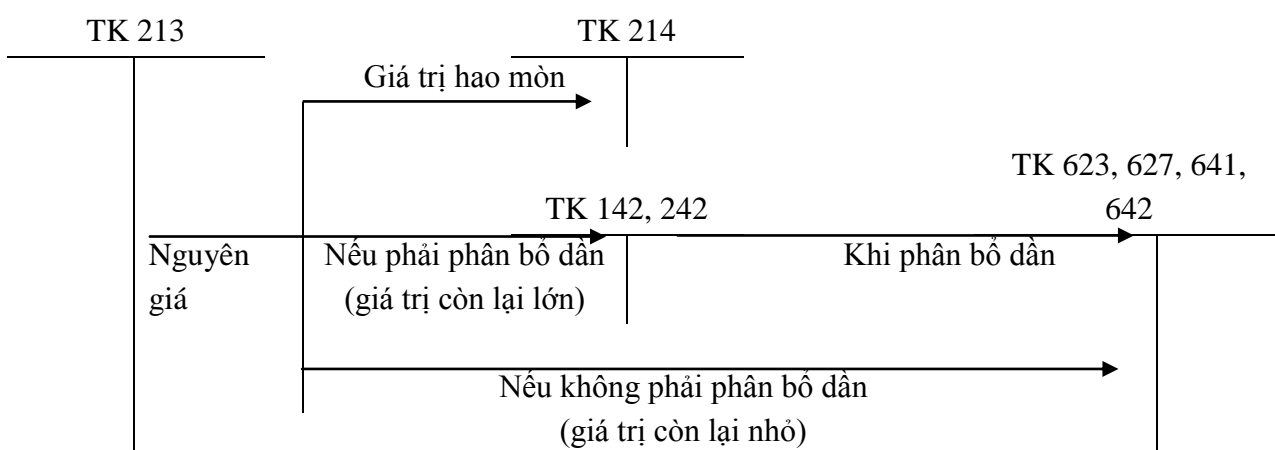


c. Trình tự kế toán giảm TSCĐ vô hình

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi giảm TSCĐ vô hình tương tự như giảm TSCĐ hữu hình như: TSCĐ vô hình giảm do thanh lý, nhượng bán (sơ đồ 01, sơ đồ 06), TSCĐ vô hình giảm do góp vốn liên doanh (sơ đồ 07),... Bên cạnh đó, TSCĐ vô hình còn được ghi giảm trong trường hợp sau:

SƠ ĐỒ 11 :

KẾ TOÁN GIẢM TSCĐ VÔ HÌNH DO KHÔNG ĐỦ TIÊU CHUẨN HOẶC XÉT THẤY KHÔNG THU ĐƯỢC LỢI ÍCH KINH TẾ TỪ VIỆC SỬ DỤNG TIẾP THEO



3.4 Kế toán tài sản cố định thuê ngoài.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng thêm một số TSCĐ mà doanh nghiệp không có và buộc phải thuê nếu chưa có điều kiện mua sắm, TSCĐ đi thuê thường có hai dạng:

a. TSCĐ thuê tài chính.

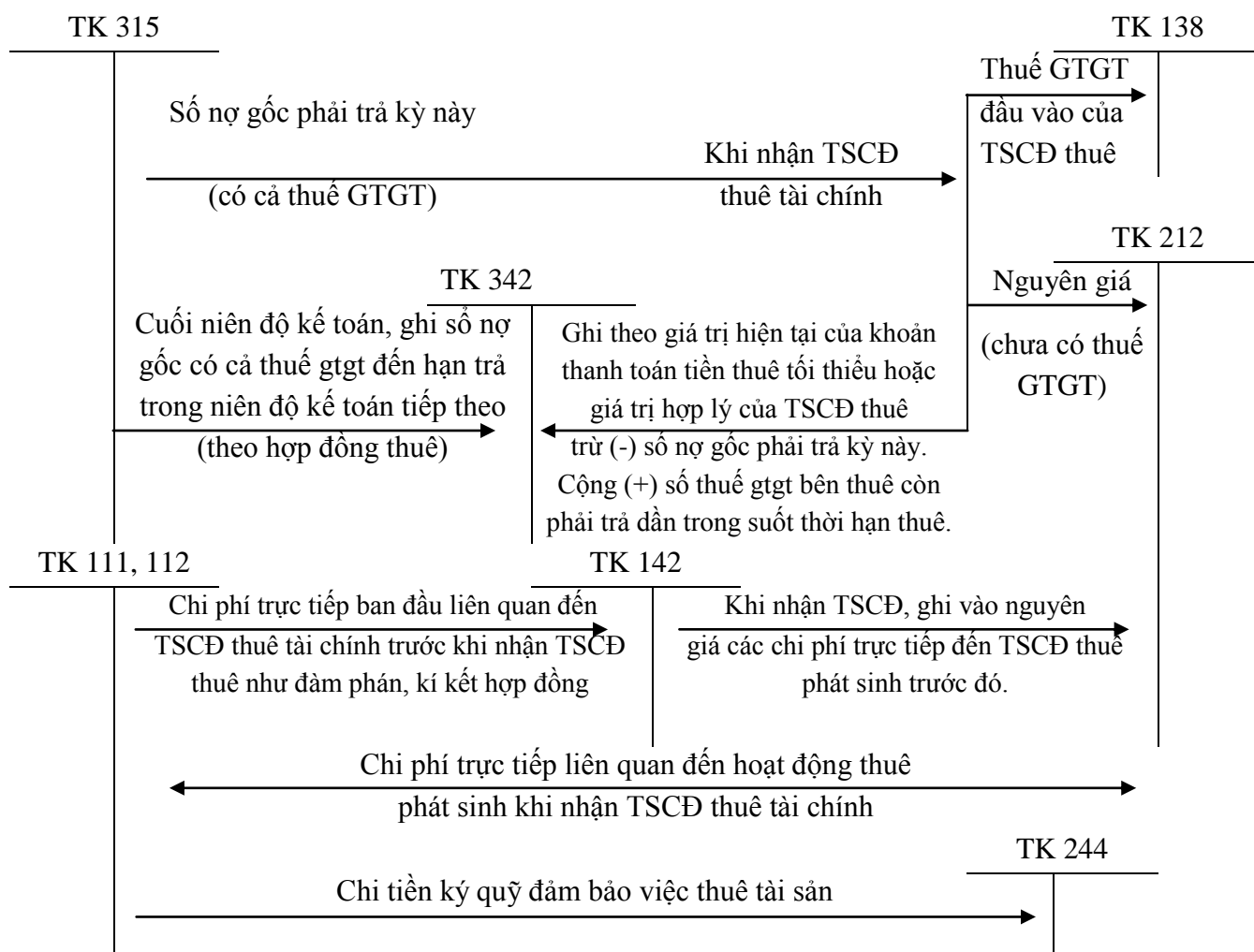
Để theo dõi tình hình thuê TSCĐ dài hạn, kế toán sử dụng tài khoản 212 – TSCĐ thuê tài chính, TK 342- Nợ dài hạn, TK 214...

TK 212 có kết cấu như sau:

- + Bên nợ: Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính tăng trong kỳ.
- + Bên có: Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính giảm do hoàn trả lại khi kết thúc hợp đồng.
- + Số dư bên nợ: Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính hiện có tại doanh nghiệp.

SƠ ĐỒ 12:

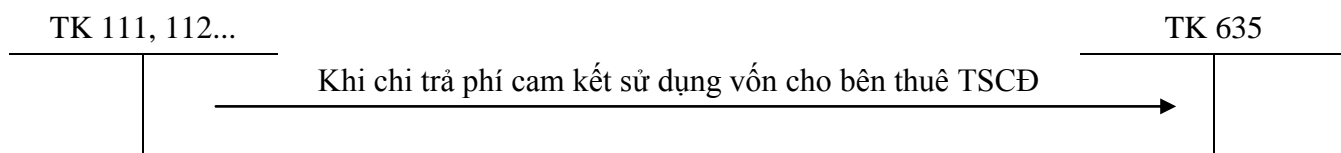
KẾ TOÁN NHẬN TSCĐ THUÊ TÀI CHÍNH



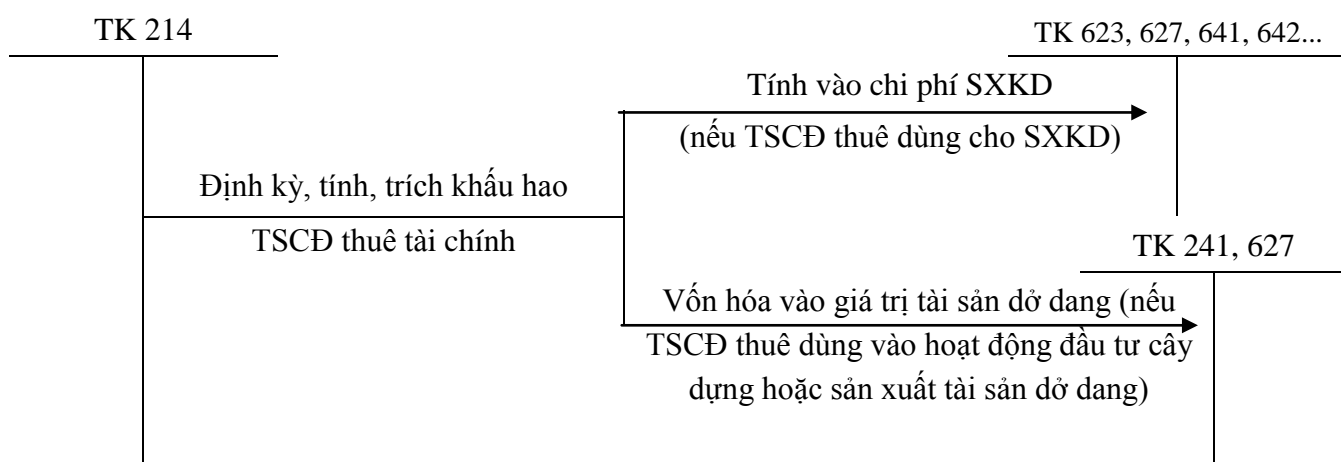
SƠ ĐỒ 13:

KẾ TOÁN CÁC NGHIỆP VỤ KẾ TOÁN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN TSCĐ THUÊ TÀI CHÍNH

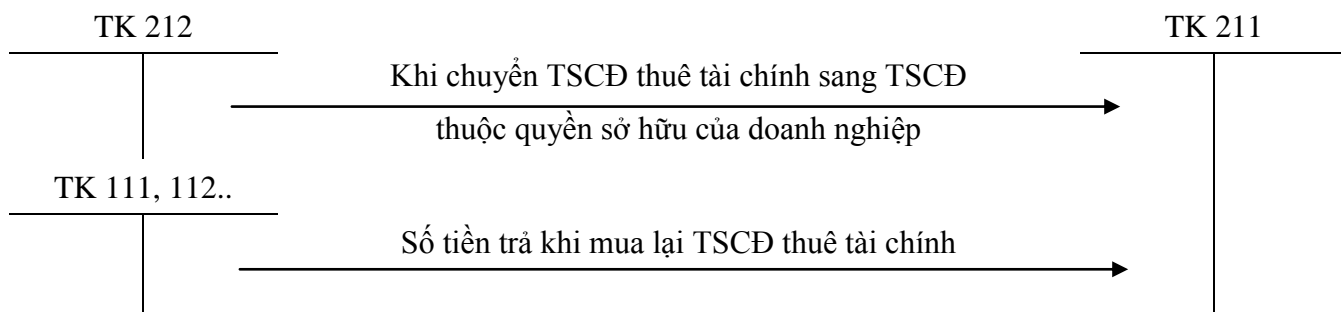
a) Khi trả phí cam kết sử dụng vốn phải trả cho bên thuê TSCĐ



b) Định kỳ, tính, trích khấu hao TSCĐ thuê tài chính:



c) Nếu hợp đồng thuê tài sản quy định bên thuê chỉ thuê hết một phần giá trị tài sản, sau đó mua lại thì khi nhận chuyển giao quyền sở hữu tài sản ghi:



Đồng thời chuyển giao giá trị hao mòn TSCĐ, ghi : Nợ TK 214/ Có TK 214

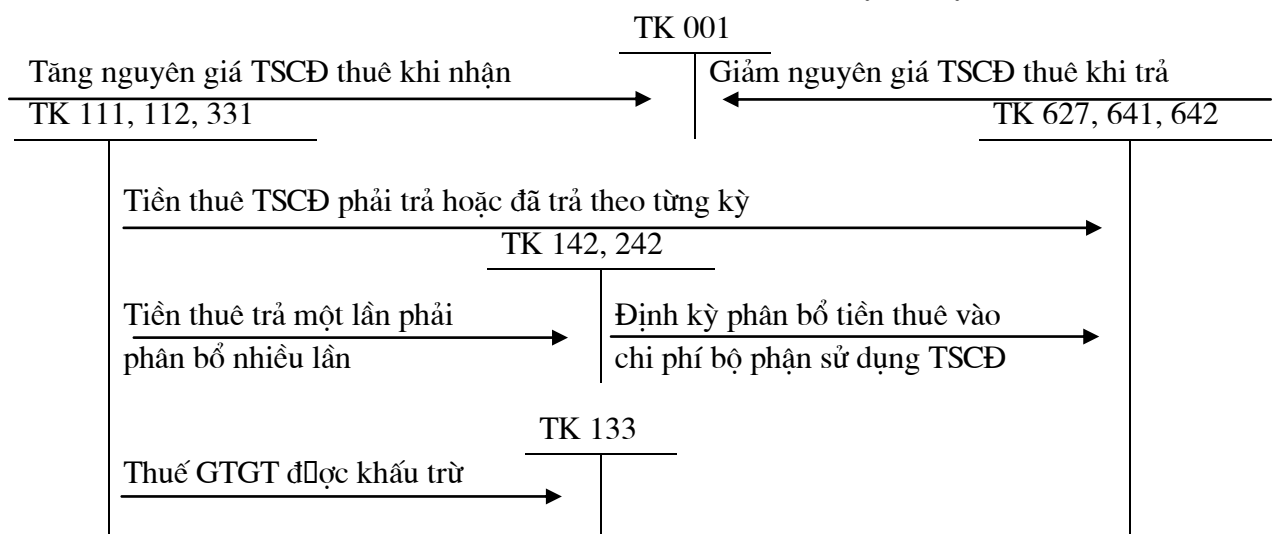
b. TSCĐ thuê hoạt động.

Khi thuê TSCĐ theo phương thức hoạt động, doanh nghiệp cũng phải ký hợp đồng với bên cho thuê, ghi rõ TSCĐ thuê, thời gian sử dụng, giá cả, hình thức thanh toán... doanh nghiệp phải theo dõi TSCĐ thuê hoạt động ở tài khoản ngoài bảng : TK 001 – TSCĐ thuê ngoài.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động (không bao gồm chi phí dịch vụ, bảo hiểm và bảo dưỡng) phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán, trừ khi áp dụng phương pháp tính khác hợp lý hơn.

SƠ ĐỒ 14:

SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TSCĐ THUÊ HOẠT ĐỘNG



3.4 Kế toán cho thuê tài sản cố định.

a. Kế toán cho thuê tài sản cố định tài chính.

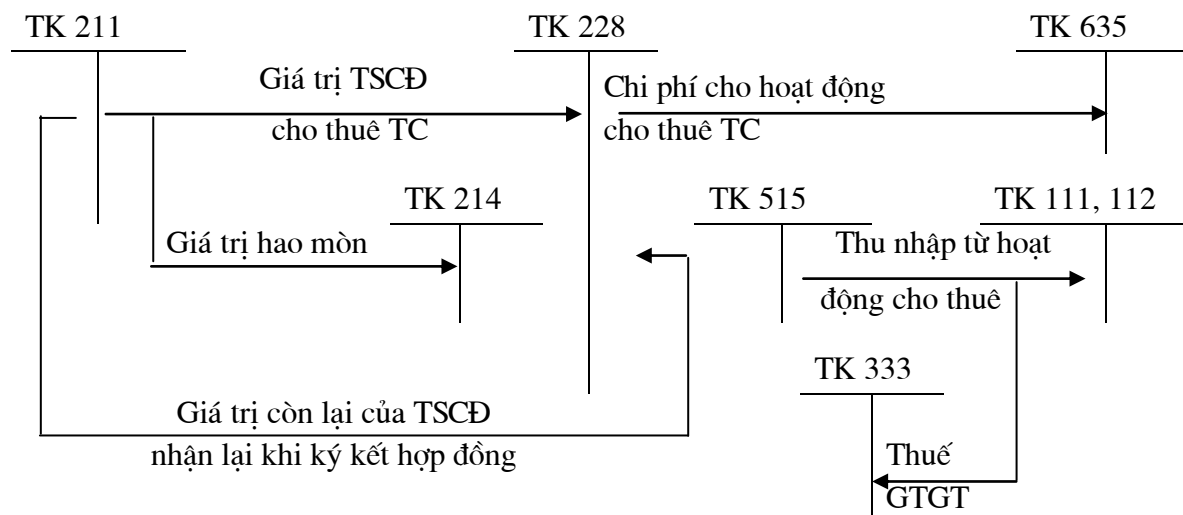
Bên cho thuê phải ghi nhận giá trị tài sản cho thuê tài chính là khoản thu trên Bảng cân đối kế toán bằng giá trị đầu tư thuần tròn hợp đồng cho thuê tài chính, các khoản thu về cho thuê tài chính phải được ghi nhận lại các khoản thu vốn gốc và doanh thu tài chính từ khoản đầu tư và dịch vụ của bên cho thuê.

Bên cho thuê phân bổ doanh thu tài chính trong suốt thời gian cho thuê dựa trên lãi suất thuê định kỳ cố định trên số dư đầu tư thuần cho thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền tài chính cho từng kỳ kế toán (không bao gồm chi phí cung cấp dịch vụ) được trừ vào đầu tư gộp để làm giảm đi số vốn gốc và doanh thu tài chính chưa thực hiện.

Các chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu tài chính như tiền hoa hồng và chi phí pháp lý phát sinh như đàm phán ký kết hợp đồng thường do bên cho thuê chi trả và được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ phát sinh hoặc được phân bổ dần vào chi phí theo thời hạn cho thuê tài sản phù hợp với việc ghi nhận doanh thu.

SƠ ĐỒ 15

**SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHO THUÊ TSCĐ TÀI CHÍNH
(Hạch toán tại bên cho thuê)**



b. Kế toán cho thuê TSCĐ hoạt động.

Bên cho thuê phải ghi nhận tài sản cho thuê hoạt động trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của doanh nghiệp. Doanh thu cho thuê hoạt động phải được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán, trừ khi áp dụng phương pháp hợp lý hơn.

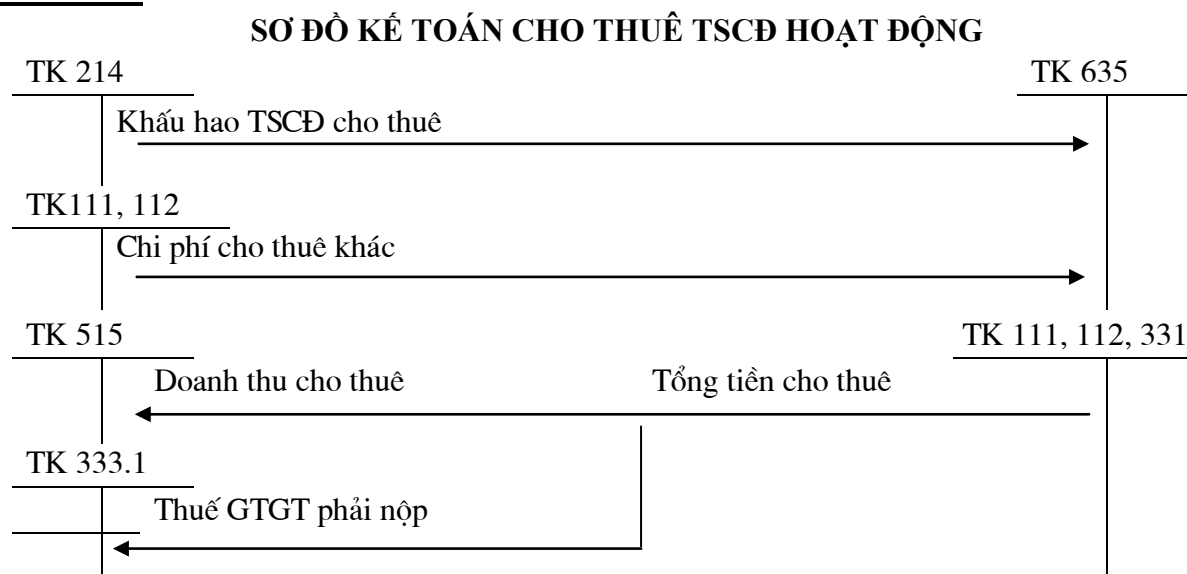
Chi phí cho thuê hoạt động, bao gồm cả khấu hao tài sản cho thuê, được ghi nhận là chi phí trong kỳ phát sinh.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong kỳ phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Khấu hao tài sản cho thuê phải dựa trên một cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự và chi phí khấu hao được tính theo quy định của chuẩn mực kế toán “Tài sản cố định”.

Bên cho thuê là doanh nghiệp sản xuất hay doanh nghiệp thương mại ghi nhận doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động theo từng thời gian cho thuê.

SƠ ĐỒ 16:



V – KẾ TOÁN KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

1. Khái niệm về khấu hao TSCĐ

Trong quá trình sử dụng TSCĐ bị hao mòn dần về giá trị hiện vật. Hao mòn TSCĐ là hiện tượng khách quan làm giảm giá trị và giá trị sử dụng của TSCĐ. Để thu hồi được vốn đầu tư để tái tạo lại TSCĐ khi nó bị hư hỏng nhằm mở rộng sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải tiến hành trích khấu hao bằng cách tính và phản ánh vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Thực chất khấu hao TSCĐ chính là sự biểu hiện bằng tiền của phần giá trị TSCĐ đã hao mòn.

Như vậy, có thể thấy khấu hao và hao mòn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, có hao mòn mới dẫn tới khấu hao. Nếu hao mòn mang tính tất yếu khách quan thì khấu hao mang tính chủ quan vì do con người tạo ra và cũng do con người thực hiện. Khấu hao không phản ánh chính xác phần giá trị hao mòn của TSCĐ khi đưa vào sử dụng mà xuất hiện do mục đích, yêu cầu quản lý và sử dụng tài sản của con người.

2. Tài khoản kế toán sử dụng

Để theo dõi tình hình hiện có, biến động tăng, giảm khấu hao, kế toán sử dụng tài khoản 214 – Hao mòn TSCĐ. Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hao mòn của toàn bộ TSCĐ hiện có tại doanh nghiệp (trừ TSCĐ thuê ngắn hạn).

Tài khoản 214 có kết cấu như sau:

- + Bên nợ: Giá trị hao mòn TSCĐ giảm do TSCĐ thanh lý, nhượng bán, điều động cho đơn vị khác, góp vốn liên doanh.
- + Bên có: Giá trị hao mòn TSCĐ tăng do trích khấu hao TSCĐ.
- + Số dư bên Có: Giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ hiện có tại đơn vị.

TK 214 có 3 tài khoản cấp 2:

TK 2141 – Hao mòn TSCĐ hữu hình.

TK 2142 – Hao mòn TSCĐ thuê tài chính.

TK 2143 – Hao mòn TSCĐ vô hình.

3. Các phương pháp tính khấu hao tài sản cố định.

Theo Thông tư số 203/2009/TT- BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về “ Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, có những phương pháp trích khấu hao sau:

4.1 Phương pháp khấu hao đường thẳng:

a. Nội dung của phương pháp:

Tài sản cố định trong doanh nghiệp được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng như sau:

- Xác định mức trích khấu hao trung bình hàng năm cho tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm của tài sản cố định} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{Thời gian sử dụng}}$$

- Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

b. Trường hợp thời gian sử dụng hay nguyên giá của tài sản cố định thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao trung bình của tài sản cố định bằng cách lấy giá trị còn lại trên sổ kế toán chia (:) cho thời gian sử dụng xác định lại hoặc thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

c. Mức trích khấu hao cho năm cuối cùng của thời gian sử dụng tài sản cố định được xác định là hiệu số giữa nguyên giá tài sản cố định và số khấu hao lũy kế đã thực hiện đến năm trước năm cuối cùng của tài sản cố định đó.

d. Xác định mức trích khấu hao đối với những tài sản cố định đưa vào sử dụng trước ngày 01/01/2009:

+ Cách xác định mức trích khấu hao:

- Căn cứ các số liệu trên sổ kế toán, hồ sơ của tài sản cố định để xác định giá trị còn lại trên sổ kế toán của tài sản cố định.

- Xác định thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định theo công thức sau:

$$T = T_2 \left(1 - \frac{t_1}{T_1} \right)$$

Trong đó:

T : Thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định

T₁ : Thời gian sử dụng của tài sản cố định xác định theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC.

T₂ : Thời gian sử dụng của tài sản cố định xác định theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC.

t₁ : Thời gian thực tế đã trích khấu hao của tài sản cố định.

- Xác định mức trích khấu hao hàng năm (cho những năm còn lại của tài sản cố định) như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm của tài sản cố định} = \frac{\text{Giá trị còn lại của tài sản cố định}}{\text{Thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định}}$$

- Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

4.2 Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh:

a. Nội dung của phương pháp:

Mức trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh được xác định như:

- Xác định thời gian sử dụng của tài sản cố định:

Doanh nghiệp xác định thời gian sử dụng của tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Xác định mức trích khấu hao năm của tài sản cố định trong các năm đầu theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm của tài sản cố định} = \frac{\text{Giá trị còn lại của tài sản cố định}}{\text{Thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định}} \times \text{Tỷ lệ khấu hao nhanh}$$

Trong đó:

Tỷ lệ khấu hao nhanh xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh (\%)} = \frac{\text{Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng}}{\text{Số năm sử dụng tài sản cố định}} \times \text{Hệ số điều chỉnh}$$

Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng (\%)} = \frac{1}{\text{Thời gian sử dụng của tài sản cố định}} \times 100$$

Hệ số điều chỉnh xác định theo thời gian sử dụng của tài sản cố định quy định tại bảng dưới đây:

Thời gian sử dụng của tài sản cố định		Hệ số điều chỉnh (lần)
Đến 4 năm	($t \leq 4$ năm)	1,5
Trên 4 đến 6 năm	(4 năm < $t \leq 6$ năm)	2,0
Trên 6 năm	($t > 6$ năm)	2,5

Những năm cuối, khi mức khấu hao năm xác định theo phương pháp số dư giảm dần nói trên bằng (hoặc thấp hơn) mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của tài sản cố định, thì kể từ năm đó mức khấu hao được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định chia cho số năm sử dụng còn lại của tài sản cố định.

- Mức trích khấu hao hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

4.3 Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm:

a. Nội dung của phương pháp:

Tài sản cố định trong doanh nghiệp được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm như sau:

- Căn cứ vào hồ sơ kinh tế - kỹ thuật của tài sản cố định, doanh nghiệp xác định tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của tài sản cố định, gọi tắt là sản lượng theo công suất thiết kế.

- Căn cứ tình hình thực tế sản xuất, doanh nghiệp xác định số lượng, khối lượng sản phẩm thực tế sản xuất hàng tháng, hàng năm của tài sản cố định.

- Xác định mức trích khấu hao trong tháng của tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trong tháng của tài sản cố định} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong tháng}}{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế}} \times \text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}$$

Trong đó:

$$\text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$$

- Mức trích khấu hao năm của tài sản cố định bằng tổng mức trích khấu hao của 12 tháng trong năm, hoặc tính theo công thức sau:

$$\text{Mức trích khấu hao năm của tài sản cố định} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong năm}}{\text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}}$$

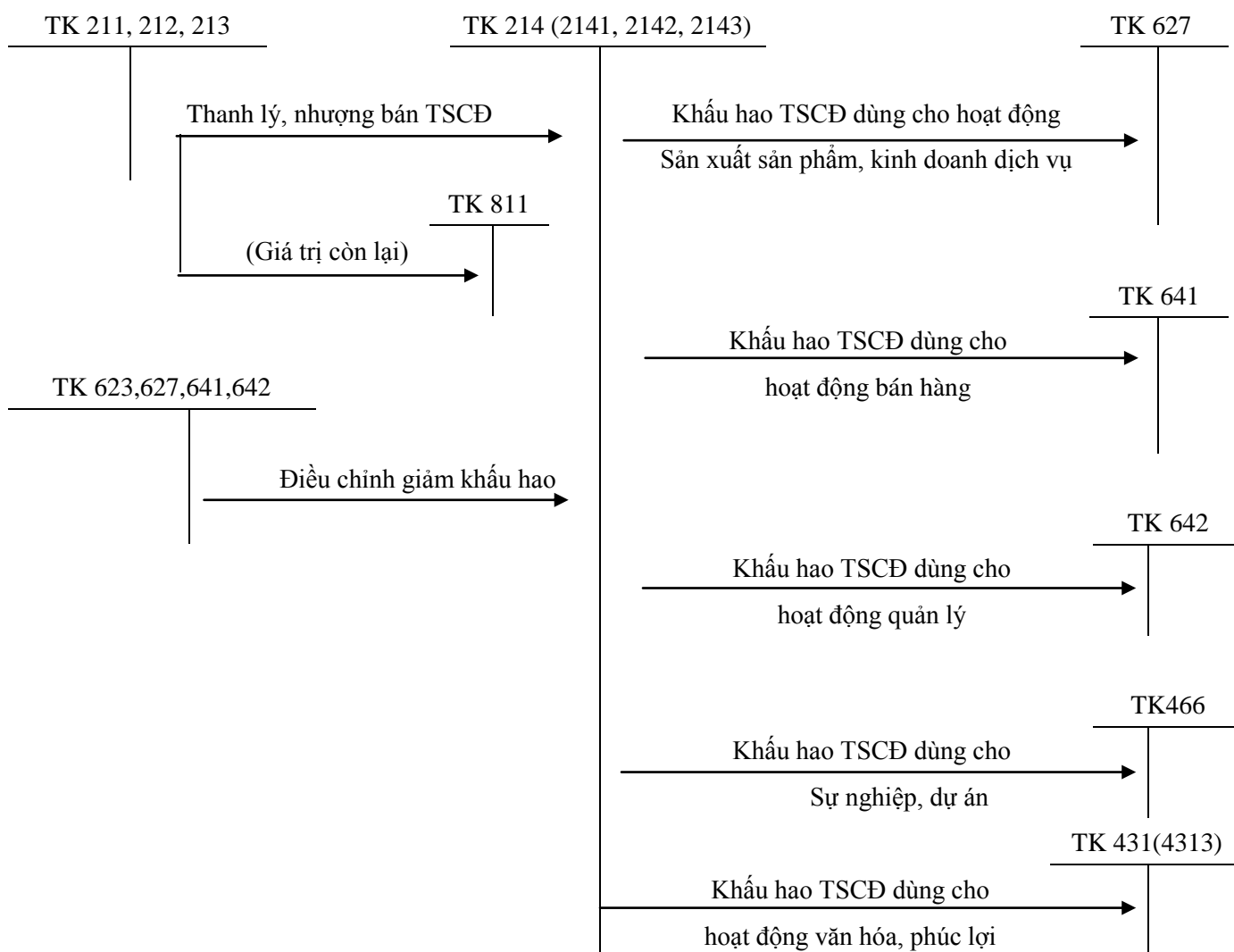
Trường hợp công suất thiết kế hoặc nguyên giá của tài sản cố định thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định.

4. Kế toán khấu hao TSCĐ

Các nghiệp vụ kế toán khấu hao TSCĐ được phản ánh theo sơ đồ sau:

SƠ ĐỒ 17:

SƠ ĐỒ KẾ TOÁN KHẤU HAO TSCĐ



VI – KẾ TOÁN SỬA CHỮA TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

TSCĐ được sử dụng lâu dài và được cấu thành bởi nhiều bộ phận, chi tiết khác nhau. Khi tham gia vào nhiều quá trình sản xuất kinh doanh, các bộ phận chi tiết cấu thành TSCĐ bị hao mòn, hư hỏng không đều nhau. Do vậy, để khôi phục khả năng hoạt động bình thường của TSCĐ, đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, cần thiết phải tiến hành sửa chữa, thay thế những bộ phận, chi tiết của TSCĐ bị hao mòn, hư hỏng. Căn cứ vào mức độ hỏng hóc của TSCĐ mà doanh nghiệp chia công việc sửa chữa làm 2 loại:

Sửa chữa thường xuyên TSCĐ: là việc sửa chữa những bộ phận, chi tiết nhỏ của TSCĐ. TSCĐ không phải ngừng hoạt động để sửa chữa và chi phí sửa chữa không lớn.

Sửa chữa lớn TSCĐ: là việc sửa chữa, thay thế những bộ phận, chi tiết nhỏ của TSCĐ, nếu không sửa chữa thì TSCĐ không hoạt động được. Thời gian sửa chữa dài, chi phí sửa chữa lớn.

Công việc sửa chữa lớn TSCĐ có thể tiến hành theo phương thức tự làm hoặc giao thầu.

1. Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ.

Khối lượng công việc sửa chữa không nhiều, quy mô sửa chữa nhỏ, chi phí ít nên khi phát sinh được tập hợp trực tiếp vào chi phí kinh doanh của bộ phận sử dụng TSCĐ được sửa chữa.

SƠ ĐỒ 18:

SƠ ĐỒ KẾ TOÁN SỬA CHỮA THƯỜNG XUYÊN TSCĐ

TK 334, 338, 152...

TK 627, 641, 642...

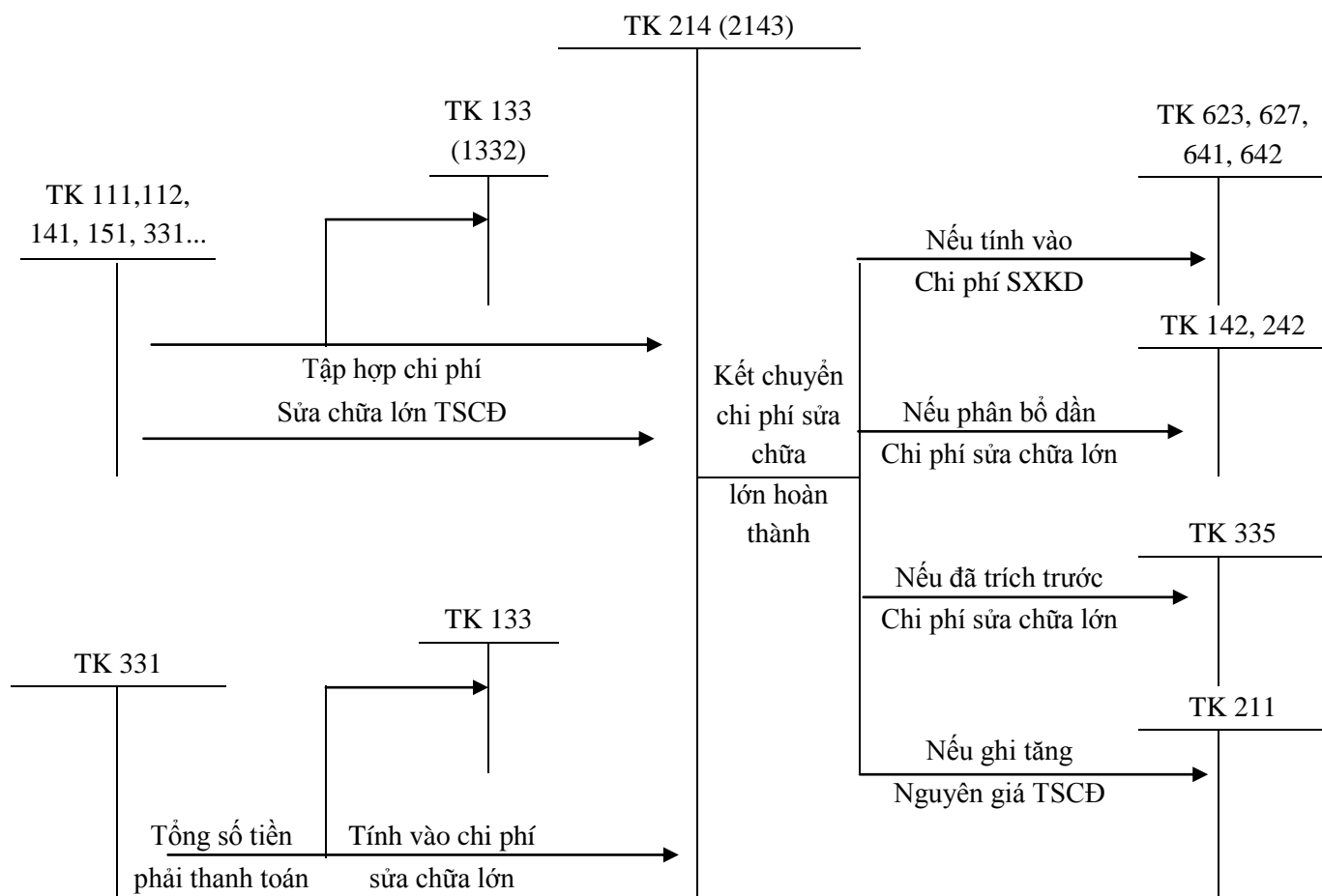
Chi phí sửa chữa thường xuyên phát sinh

2. Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ.

Sửa chữa lớn TSCĐ là loại hình sửa chữa có mức độ hư hỏng nặng nên kỹ thuật sửa chữa phức tạp, thời gian sửa chữa kéo dài và TSCĐ phải ngừng hoạt động, chi phí sửa chữa phát sinh lớn nên không thể tính hết một lần vào chi phí của đối tượng sử dụng phương pháp phân bổ thích ứng. Do đó, kế toán tiến hành trích trước vào chi phí sản xuất đều đặn hàng tháng.

SƠ ĐỒ 19:

SƠ ĐỒ KẾ TOÁN SỬA CHỮA LỚN TSCĐ



VII – CÔNG TÁC KẾ TOÁN KIỂM KÊ ĐÁNH GIÁ LẠI TSCĐ.

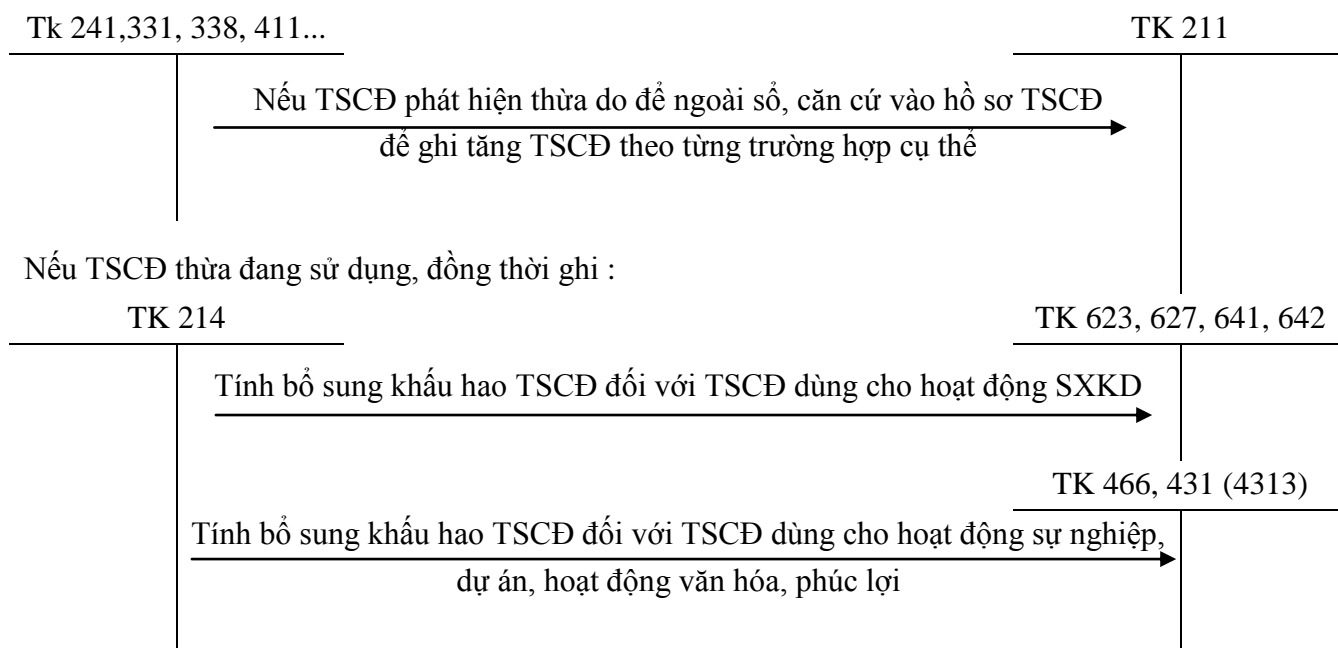
Mọi trường hợp phát hiện thừa hoặc thiếu TSCĐ đều phải truy tìm nguyên nhân. Căn cứ vào biên bản kiểm kê TSCĐ và kết luận của hội đồng kiểm kê để hạch toán chính xác, kịp thời theo từng nguyên nhân cụ thể.

+ Phát hiện thừa

- Nếu TSCĐ thừa do chưa ghi sổ, kế toán phải căn cứ vào hồ sơ TSCĐ để ghi tăng TSCĐ tùy theo từng trường hợp cụ thể.

SƠ ĐỒ 20 :

SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TSCĐ PHÁT HIỆN THỪA



- Nếu TSCĐ thừa đang sử dụng thì ngoài nghiệp vụ ghi tăng TSCĐ hữu hình, phải căn cứ vào nguyên giá và tỷ lệ khấu hao để xác định giá trị hao mòn làm căn cứ trích bổ sung khấu hao TSCĐ hoặc trích bổ sung hao mòn đối với TSCĐ dùng cho hoạt động phúc lợi, sự nghiệp, dự án.

- Nếu TSCĐ phát hiện thừa được xác định là TSCĐ của đơn vị khác thì phải báo ngay cho đơn vị chủ tài sản đó biết. Nếu chưa xác định được chủ tài sản trong thời gian chờ xử lý, thì phải báo ngay cho cơ quan cấp trên và cơ quan tài chính cùng cấp biết để xử lý. Trong thời gian chờ đợi xử lý, kế toán phải căn cứ vào tài liệu kiểm kê, tạm thời phản ánh vào Tài khoản 002 “Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công” (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán) để theo dõi, giữ hộ.

+ Phát hiện thiếu

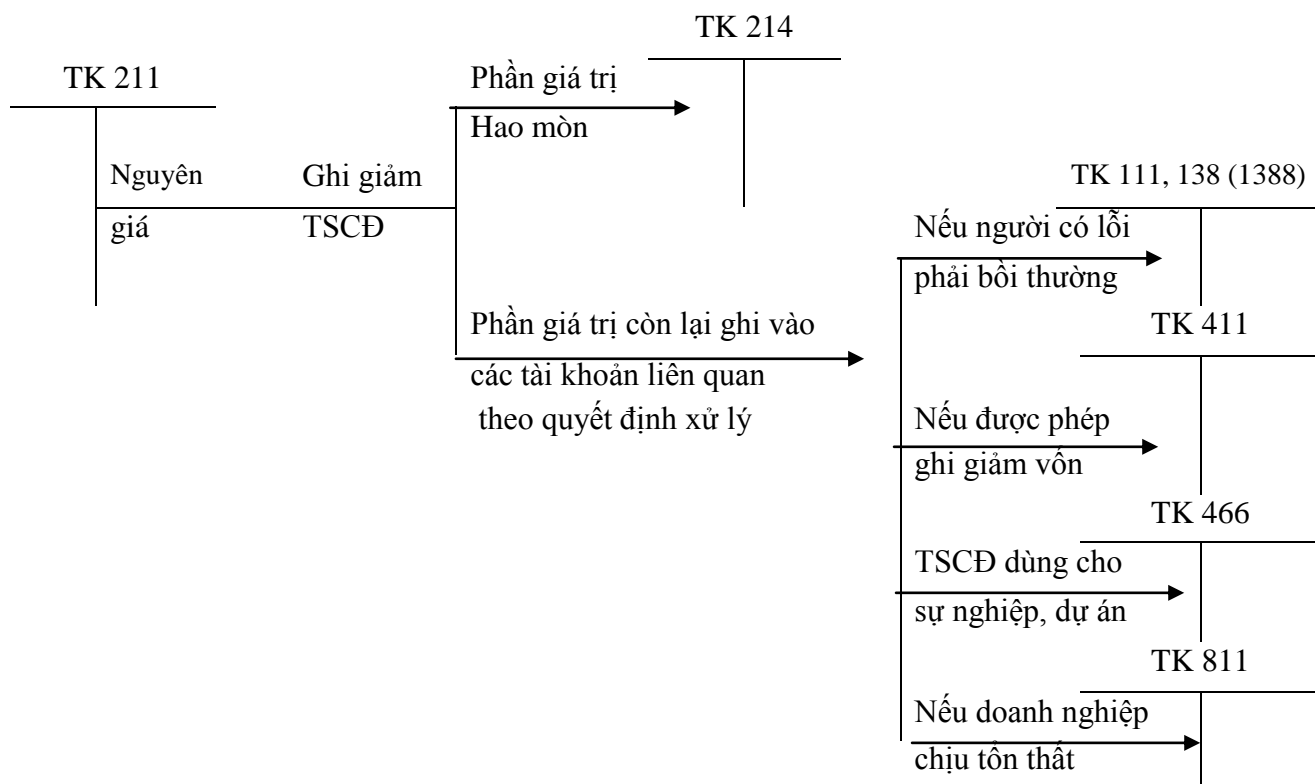
- TSCĐ phát hiện thiếu trong kiểm kê phải được truy cứu nguyên nhân xác định người chịu trách nhiệm và xử lý đúng theo quy định hiện hành của chế độ tài chính tùy theo từng trường hợp cụ thể.

Doanh nghiệp phải đánh giá lại TSCĐ theo mặt bằng giá của thời điểm đánh giá lại theo quyết định của Nhà nước. Khi đánh giá lại TSCĐ hiện có, doanh nghiệp phải thành lập hội đồng đánh giá lại TSCĐ, đồng thời phải xác định nguyên giá mới, giá trị hao mòn phải điều chỉnh tăng (giảm) so với sổ kế toán được làm căn cứ để ghi sổ. Chứng từ kế toán đánh giá lại TSCĐ là biên bản kiểm kê và đánh giá lại TSCĐ.

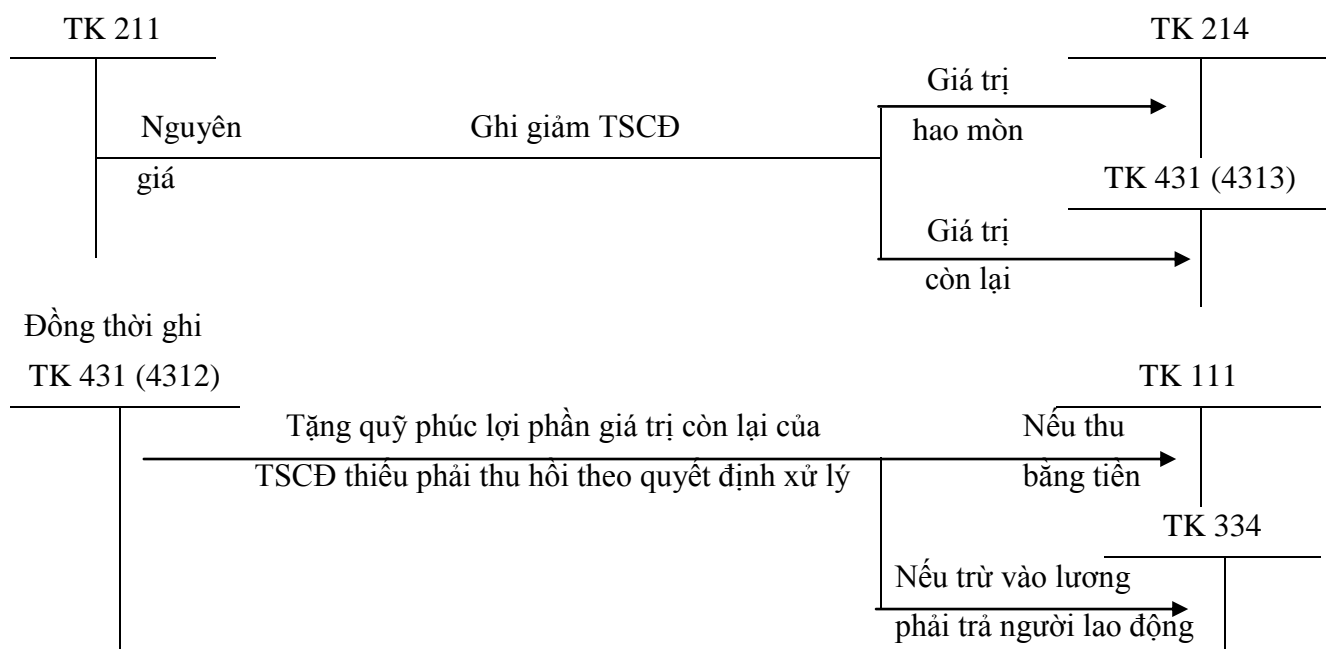
SƠ ĐỒ 21 :

**SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TSCĐ PHÁT HIỆN THIỂU
(Trường hợp có quyết định xử lý ngay)**

a) Đối với TSCĐ thiếu dùng vào hoạt động SXKD, hoạt động sự nghiệp, dự án :



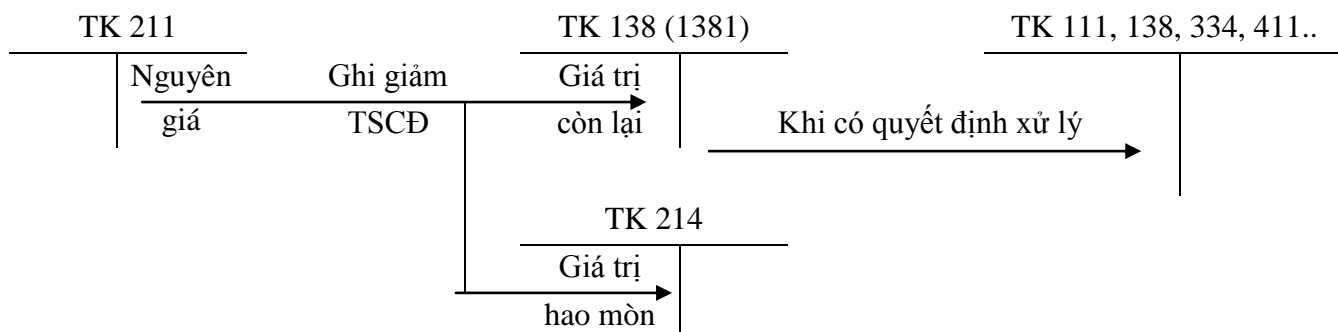
b) Đối với TSCĐ thiếu dùng vào hoạt động văn hóa, phúc lợi



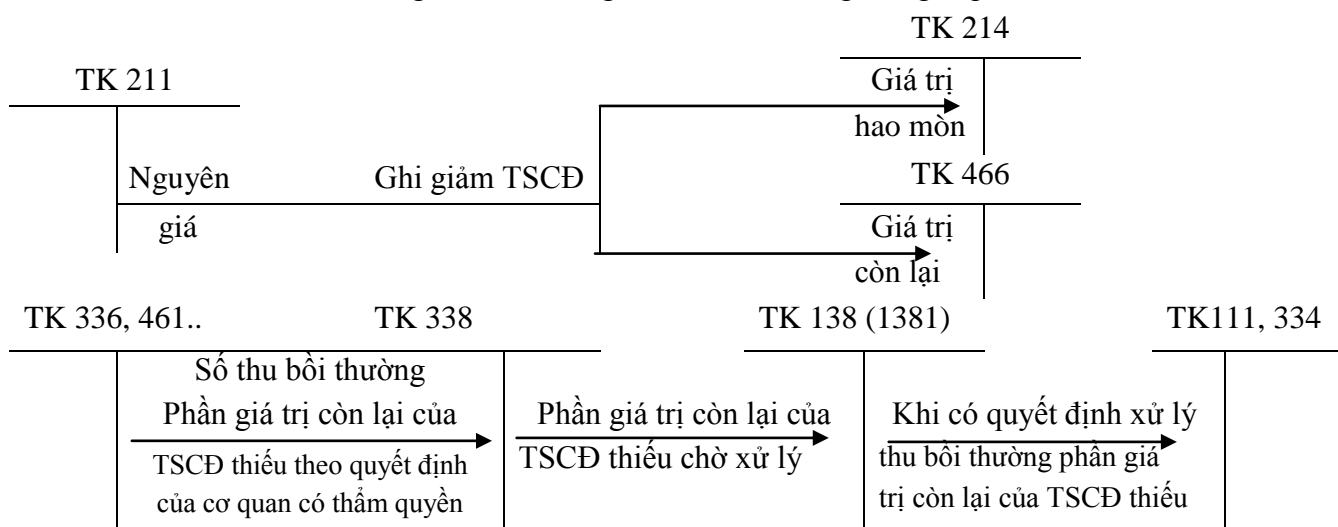
SƠ ĐỒ 22:

**SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TSCĐ PHÁT HIỆN THIẾU
(Trường hợp chưa xác định được nguyên nhân)**

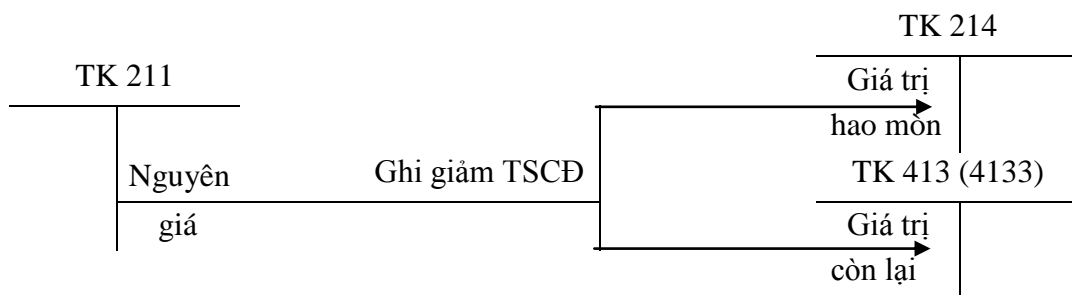
a) Đối với TSCĐ dùng vào hoạt động SXKD



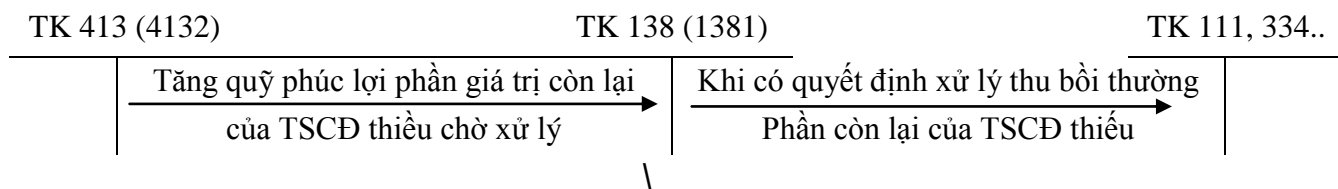
b) Đối với TSCĐ thiếu dùng vào hoạt động SXKD, hoạt động sự nghiệp, dự án :



c) Đối với TSCĐ thiếu dùng vào hoạt động văn hóa, phúc lợi :



Đồng thời ghi :



PHẦN 2:**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ
VINACOMIN - XÍ NGHIỆP VẬT TƯ & VẬN TẢI****I – LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHI NHÁNH CÔNG
TY CP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ VINACOMIN - XÍ NGHIỆP
VẬT TƯ & VẬN TẢI.****1. Quá trình hình thành và phát triển của Xí nghiệp Vật Tư & Vận Tải.**

*Tên doanh nghiệp : Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và
Dịch vụ VINACOMIN – Xí nghiệp Vật tư & Vận tải.*

*Trụ sở : số 4 Cù Chính Lan – Phường Minh Khai – Quận Hồng Bàng –
Hải Phòng.*

Điện thoại : (031) 3746547

Fax : (031) 3842984

Email : xnvattuvantai@vnn.vn

*Đơn vị chủ quản : Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ
VINACOMIN*

*Trụ sở giao dịch : số 1 Phan Đình Giót – Phường Liệt - Thanh Xuân –
Hà Nội*

Loại hình doanh nghiệp : Công ty cổ phần Nhà Nước

Quy mô doanh nghiệp : Doanh nghiệp lớn.

Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ VINACOMIN – Xí nghiệp Vật tư & Vận tải đóng tại số 4 Cù Chính Lan – Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng tiền thân là một tổng kho thiết bị của Bộ Công nghiệp nặng được hình thành từ thời kỳ chiến tranh chống Mỹ cứu nước (1969) làm nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản, cung cấp thiết bị máy móc cho ngành Công nghiệp trong thời chiến.

Khi đất nước thống nhất, Xí nghiệp lúc đó là Tổng kho II thuộc Công ty Vật tư – Bộ Điện và Than, Xí nghiệp vẫn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiếp nhận và bảo quản hàng hóa dự trữ của Bộ Điện và Than.

Đến năm 1988, Tổng kho II sát nhập với Xí nghiệp Giao nhận Vận chuyển lấy tên là Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Vật tư và Vận tải thuộc Công ty Coalimex – Bộ Mỏ và Than. Lúc này ngoài nhiệm vụ tiếp nhận và bảo quản hàng hóa dự trữ, Xí nghiệp còn được giao nhiệm vụ vận tải thủy, vận tải bộ vật tư thiết bị cho ngành Than (Bộ Mỏ và Than sau này chuyển thành Bộ Năng Lượng).

Khi nhà nước thành lập một số tổng công ty như: tổng công ty 90, Tổng công ty 91... Trong đó có Tổng công ty Than Việt Nam được thành lập năm 1995, Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ & Vận tải tách khỏi công ty Coalimex và trực thuộc Công ty Thương mại và Dịch vụ.

Thực hiện chương trình đổi mới nhà nước cũng như ngành Than, đến năm 2005, Xí nghiệp Vật tư & Vận tải với tên gọi đầy đủ : Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Dịch vụ - TKV – Xí nghiệp Vật tư và Vận tải thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - TKV Tổng công ty Than Việt Nam theo quyết định 1214 TVN / TCSN Tổng công ty Than Việt Nam ngày 4/7/1995 nay là Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng Sản Việt Nam.

Tên *Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Dịch vụ - VINACOMIN – Xí nghiệp Vật tư và Vận tải* được đổi tên từ Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Dịch vụ - TKV– Xí nghiệp Vật tư và Vận tải theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200170658-001 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06/11/2010 (vì Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Dịch vụ – TKV đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Dịch vụ - VINACOMIN theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200170658 do Phòng đăng ký kinh doanh số 03 – Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 14/11/2005)

2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của xí nghiệp Vật Tư & Vận Tải.

2.1- Cơ sở vật chất kỹ thuật của Xí nghiệp.

Trụ sở tại số 4 Cù Chính Lan – Hồng Bàng – Hải Phòng có diện tích 4.211m² gồm: Nhà làm việc 3 tầng, 2 kho hàng, nhà xưởng sân bãi, phương tiện vận tải (xe với trọng tải 400 tấn), phương tiện vận tải thủy có 07 đoàn tàu, trong đó có 06 tàu đẩy và 01 đoàn kéo.

Tại phường Đông Hải – Hải An – Hải Phòng có diện tích 49.091 m² bao gồm: 01 nhà làm việc 2 tầng, 01 kho hàng và toàn bộ sân bãi để hàng của Xí nghiệp.

Tại phường Lãm Hà – Kiến An – Hải Phòng với diện tích 24.830 m² bao gồm: nhà làm việc, xưởng sửa chữa phương tiện thủy.

Tại cây số 7 thị xã Quảng Yên – Hưng Yên – Quảng Ninh có diện tích 4000 m² bao gồm: nhà văn phòng làm việc, 04 kho sân bãi.

2.2 – Ngành nghề kinh doanh của Xí nghiệp

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200170658-001 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06/11/2010, ngành nghề kinh doanh của đơn vị bao gồm:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	29.300
2	Đóng tàu và cầu kiện nổi (đóng tàu đẩy 150-200 mã lực, sà lan 250-500 tấn)	30.110
3	Bán ô tô và xe có động cơ khác	451
4	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4.530
5	Đại lý (bán hàng cho các hãng nước ngoài trừ chứng khoán và bảo hiểm)	46.101
6	Bán buôn hàng may mặc	46.413
7	Bán buôn giày dép	46.414
8	Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng	46.591
9	Bán buôn máy móc thiết bị điện, vật liệu điện	46.592
10	Bán buôn máy móc thiết bị, phụ tùng máy khác	46.599
11	Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	46.613
12	Bán buôn sắt thép	46.622
13	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4.933
14	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy	50
45	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa	5.210
16	Cải tạo phương tiện thủy, bộ các loại	

3. Thuận lợi, khó khăn và thành tích đạt được của xí nghiệp trong những năm gần đây.

3.1 – Thuận lợi

Là một đơn vị có bề dày về hoạt động tiếp nhận, vận chuyển vật tư hàng hóa với 07 đoàn xà lan thì 06 đoàn được đóng gần đây nhất, phù hợp với hoạt động vận chuyển đường thủy hiện nay.

Bên cạnh đó được sự giúp đỡ của Bộ Năng Lượng, cùng với mối quan hệ làm ăn lâu dài đã tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp phát triển.

Đội ngũ nhân viên có trình độ nghiệp vụ, trình độ tay nghề cao đã tạo nên một bộ máy tổ chức đồng bộ, ăn khớp, hoạt động có hiệu quả, góp phần tạo nên sự vững mạnh của xí nghiệp.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của Xí nghiệp, chính sự lãnh đạo của Ban giám đốc cùng với sự đoàn kết tập thể, sự nhất trí trong mọi hoàn cảnh, mọi hoạt động của cán bộ công nhân viên là yếu tố cơ bản giúp Xí nghiệp luôn đạt được những thành tích trong sản xuất kinh doanh và thực hiện tốt nghĩa vụ của mình với Nhà nước, trở thành đơn vị dẫn đầu toàn Công ty Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - Tổng công ty Than Việt Nam.

3.2 – Khó khăn

Phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp chủ yếu trong ngành Than nhưng do cơ chế thị trường, Xí nghiệp vẫn chịu ảnh hưởng rất lớn của sự cạnh tranh giữa các đơn vị trong ngành có cùng đặc điểm sản xuất kinh doanh, chưa kể đến những đơn vị ngoài ngành.

Do nguồn vốn vay chiếm gần 76%, lại chịu lãi suất lớn trong thời kỳ ban đầu, nên Xí nghiệp vẫn tồn tại những khó khăn cần khắc phục như phương tiện vận tải bộ còn lạc hậu, không đảm bảo tốt cho việc khai thác vận chuyển trong thời kỳ hiện nay.

3.3 – Thành tích đạt được của Xí nghiệp trong 2 năm gần đây

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2009	Năm 2010
1	GT tổng sản lượng	VNĐ	251.414.234.653	282.162.697.930
2	Lao động BQ	Người	199	202
3	Tiền lương BQ	VNĐ	6.471.000	7.877.000
4	Doanh thu thuần	VNĐ	288.471.354.945	388.418.052.320
5	Tổng chi phí	VNĐ	285.801.950.898	386.242.383.253
6	Lợi nhuận	VNĐ	2.669.404.047	2.175.669.067

Thông qua số liệu ở bảng trên ta thấy:

Có thể nói trong năm 2010 hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp Vật tư và Vận tải hiệu quả hơn năm 2009. Các chỉ tiêu giá trị tổng sản lượng, doanh thu thuần của năm 2010 đều tăng so với năm 2009.

–Giá trị tổng sản lượng của Xí nghiệp năm 2010 tăng so với năm 2009 là : 30.712.463.277 (đồng) (= 282.126.697.930 - 251.414.234.653)

–Doanh thu thuần năm 2010 so với năm 2009 đã tăng : 99.946.706.375 (đồng) (=388.418.052.320 - 288.471.354.945)

Đặc biệt là chỉ tiêu tiền lương bình quân năm 2010 đã tăng so với năm 2009 là: 1.406.000(đồng/người) (=7.877.000đ - 6.471.000đ) mặc dù số lượng lao động cũng tăng thêm 3 người, điều đó cho thấy Xí nghiệp khá quan tâm đến đời sống và các chế độ đãi ngộ giành cho người lao động.

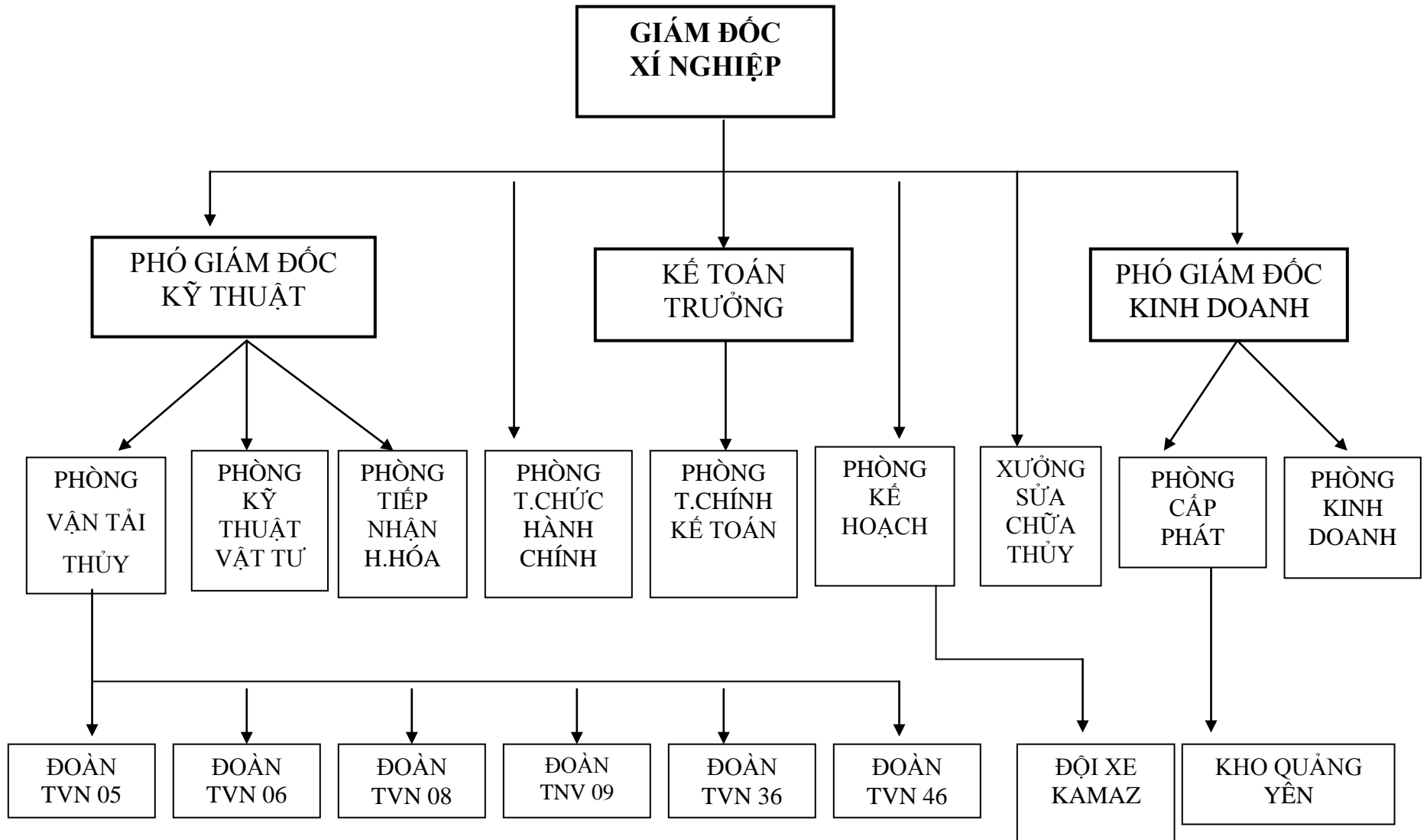
–Tuy chỉ tiêu Lợi nhuận năm 2010 giảm so với năm 2009 : 493.734.980 (đồng), nhưng Tổng chi phí năm 2010 cũng tăng so với năm 2009 : 100.440.432.355 (đồng) (=386.242.383.253 - 285.801.950.898)

4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của xí nghiệp Vật Tư & Vận Tải.

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng hoạt động SXKD, hoạt động quản lý, Xí nghiệp tổ chức cơ cấu cán bộ SXKD, phòng ban nghiệp vụ, bố trí lao động một cách hợp lý đảm bảo mọi hoạt động SXKD, mọi quan hệ công tác được diễn ra đồng bộ, ăn khớp trong toàn Xí nghiệp và sự thống nhất chỉ đạo tập trung dân chủ.

Cơ cấu bố trí, sắp xếp, nhiệm vụ của ban lãnh đạo các phòng ban, tổ đội, chi nhánh trong xí nghiệp như sau:

**Sơ đồ 1.1: SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ SXKD
CN CT CP ĐTTM & DV – VINACOMIN – XN VẬT TƯ VẬN TẢI**



➤ Giám đốc Xí nghiệp:

Là người điều hành mọi hoạt động SXKD của Xí nghiệp.

Là người chịu trách nhiệm trước Công ty và các cơ quan quản lý, cơ quan pháp luật Nhà nước về toàn bộ hoạt động của Xí nghiệp về thu nộp các khoản phải nộp cho Nhà nước và cấp trên.

Điều hành trực tiếp và giao nhiệm vụ tham mưu cho 2 phó giám đốc theo chức năng của mỗi người.

- Điều hành trực tiếp một số phòng nghiệp vụ về hoạt động SXKD bao gồm:
- Phòng tổ chức hành chính về tổ chức nhân sự, lao động tiền lương.
- Phòng kế hoạch về kế hoạch SXKD và ký kết các hoạt động kinh tế.
- Phòng kế toán tài chính về quản lý tài chính, quản lý chi phí trong hoạt động SXKD về báo cáo tài chính và các khoản thu nộp.
- Đội vận tải về kế hoạch SXKD của đội và các hợp đồng vận tải hàng hóa cho các nhà máy điện, đạm.
- Chi nhánh kho Quảng Yên về tổ chức nhân sự quản lý SXKD chung.
- Xưởng sửa chữa phương tiện thủy về tổ chức nhân sự, quản lý về SXKD, sửa chữa phương tiện thủy trong và ngoài Xí nghiệp.

➤ Phó giám đốc kinh doanh:

Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Xí nghiệp về các lĩnh vực trực tiếp tham gia điều hành quản lý kinh doanh của Xí nghiệp bao gồm:

- Điều hành trực tiếp phòng kinh doanh về mua bán vật tư, hàng hóa.
- Điều hành trực tiếp phòng hàng hóa về công tác tiếp nhận hàng ủy thác, tổ chức điều hành công tác tiếp nhận, vận chuyển hàng ủy thác của Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc trong Tổng.

➤ Phó giám đốc kỹ thuật:

Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Xí nghiệp về công tác kỹ thuật, an toàn lao động tham gia điều hành :

- Điều hành trực tiếp xưởng sửa chữa về kỹ thuật, phương án sửa chữa phương tiện cho Xí nghiệp cũng như bên ngoài.
- Điều hành trực tiếp phòng vận tải thủy, bao gồm các phương tiện thủy.
- Điều hành trực tiếp phòng vật tư kỹ thuật về công tác kỹ thuật và đảm bảo chất lượng vật tư cho các công tác sửa chữa và quản lý hàng hóa dự trữ cho Tổng công ty.

➤ Phòng tổ chức hành chính:

Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Xí nghiệp về công tác nhân sự, lao động, tiền lương và các công tác nội chính trong Xí nghiệp.

Có nhiệm vụ tổ chức và quản lý nhân sự, lao động về tiền lương của toàn Xí nghiệp, tổ chức quản lý phục vụ hành chính và quản lý điều hành hoạt động của 05 xe con phục vụ trong Xí nghiệp.

➤ Phòng kế hoạch:

Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Xí nghiệp về lập kế hoạch SXKD của Xí nghiệp, ký kết các hợp đồng kinh tế, báo cáo thực hiện kế hoạch theo các kỳ báo cáo, quản lý trực tiếp đội ô tô (bao gồm 10 xe Kamaz) vận chuyển than cho các Mỏ.

➤ Phòng kế toán tài chính:

Làm công tác thống kê, kế toán, tổ chức hạch toán quá trình SXKD, quản lý tài chính của Xí nghiệp.

Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Xí nghiệp, trước bộ máy quản lý tài chính cấp trên, trước Nhà nước (thuế, tài chính...) về công tác hạch toán quá trình SXKD và việc chấp hành chế độ kế toán, tài chính.

Có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Xí nghiệp, cho các phòng ban chức năng, xưởng đội, về chế độ quản lý tài chính, chế độ tiền lương, chi phí ...trong mỗi hoạt động SXKD.

➤ Phòng tiếp nhận hàng hóa

Lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện tiếp nhận và vận chuyển hàng hóa ủy thác của Tập đoàn, Công ty và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn.

➤ Phòng kinh doanh:

Chịu sự điều hành trực tiếp của Phó giám đốc kinh doanh về công tác kinh doanh hàng hóa, vật tư, thiết bị phụ tùng cung cấp cho các đơn vị trong và ngoài ngành.

➤ Phòng kỹ thuật vật tư:

Chịu sự điều hành trực tiếp của Phó giám đốc kỹ thuật về vật tư, phụ tùng thay thế, kỹ thuật, an toàn của các phương tiện vận tải trong Xí nghiệp, theo dõi công tác sửa chữa phương tiện của Xí nghiệp.

➤ Phòng vận tải thủy:

Chịu sự điều hành trực tiếp của Phó giám đốc kinh doanh Xí nghiệp về công tác thực hiện các hợp đồng vận chuyển hàng với các đơn vị. Lập kế hoạch và tiến

độ cho 06 đoàn phương tiện thủy để vận chuyển than phục vụ cho trong và ngoài ngành.

➤ Phòng cấp phát hàng:

Chịu sự điều hành trực tiếp của Phó giám đốc kinh doanh về công tác quản lý kho bãi và cầu cảng, giao nhận hàng hóa dự trữ của tập đoàn.

➤ Xưởng sửa chữa phương tiện thủy:

Chịu sự điều hành trực tiếp của Giám đốc Xí nghiệp về cơ cấu quản lý nhân sự, quản lý kinh tế dưới sự chỉ đạo của Phó giám đốc kỹ thuật về phương diện lập dự toán sửa chữa phương tiện cho Xí nghiệp, đảm bảo đúng kỹ thuật, chất lượng cho phương tiện khi sửa chữa kể cả trong và ngoài Xí nghiệp.

➤ Đội thanh tra bảo vệ:

Chịu sự điều hành trực tiếp của phòng tổ chức hành chính làm công tác bảo vệ toàn bộ cơ sở vật chất, kỹ thuật của Xí nghiệp. Tổ chức phòng, chữa cháy cho toàn bộ hệ thống văn phòng, kho tàng, bến bãi.

5. Tổ chức công tác kế toán tại xí nghiệp Vật Tư & Vận Tải.

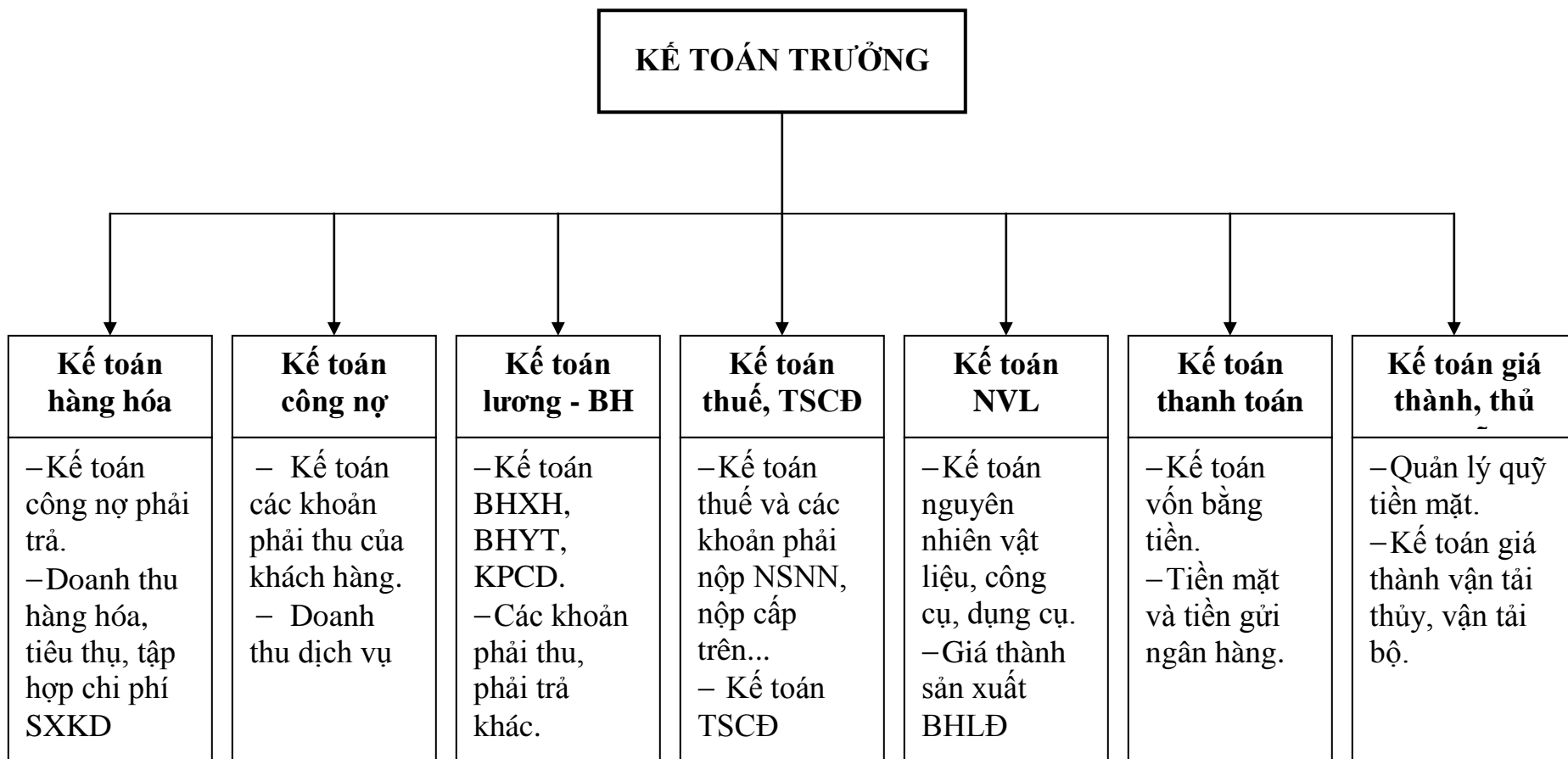
5.1 – Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Xí nghiệp.

Bộ máy kế toán Chi nhánh CT CP ĐTTM & DV – VINACOMIN – Xí nghiệp Vật tư & Vận tải được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung nhằm tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Toàn bộ các chứng từ ban đầu của các bộ phận đều được tập trung về phòng kế toán Xí nghiệp để phân loại, tổng hợp hạch toán theo đúng chế độ kế toán.

Việc tổ chức bộ máy kế toán ở Xí nghiệp tạo ra được những mối quan hệ giữa các phần hành kế toán nhằm thực hiện đầy đủ các chức năng thông tin và kiểm tra hoạt động SXKD của Xí nghiệp

**Sơ đồ 1.2 : SƠ ĐỒ BỘ MÁY KẾ TOÁN
CN CT CPĐTTM & DV – VINACOMIN – XN VẬT TƯ & VẬN TẢI**



Phòng kế toán có 07 người với nhiệm vụ của từng người:

➤ Kế toán trưởng: Là người trực tiếp phụ trách, điều hành toàn bộ nghiệp vụ của phòng kế toán. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Xí nghiệp, kế toán công ty về kết quả hoạt động của bộ máy kế toán Xí nghiệp, chịu trách nhiệm về số liệu, thông tin do bộ máy kế toán Xí nghiệp cung cấp. Trực tiếp tham gia công tác nghiệp vụ trong bộ máy kế toán của Xí nghiệp, làm công tác kế toán tổng hợp, xác định kết quả SXKD, tổng hợp báo cáo tài chính và phân tích các hoạt động kinh tế của Xí nghiệp.

➤ Kế toán hàng hóa : phụ trách các phần hành bao gồm : Theo dõi các hoạt động kinh doanh hàng hóa của Xí nghiệp (xác định doanh thu, chi phí bán hàng hóa), các khoản công nợ phải trả cho người bán, tập hợp chi phí SXKH toàn Xí nghiệp.

➤ Kế toán công nợ : Theo dõi các khoản công nợ phải thu của khách hàng, theo dõi doanh thu các hoạt động dịch vụ vận tải thủy, bộ, sửa chữa phương tiện thủy, cho thuê phương tiện, cho thuê kho bãi và cảng của Xí nghiệp.

➤ Kế toán lương và bảo hiểm: Tính và thanh toán tiền lương, thưởng và các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, các khoản vay phải trả ngân hàng và cán bộ công nhân viên.

➤ Kế toán thuế, tài sản cố định (TSCĐ) :Theo dõi tình hình biến động về tài sản, trích khấu hao TSCĐ và tình hình sửa chữa TSCĐ.

➤ Kế khai và hạch toán thuế và các khoản trích nộp cấp trên (Công ty).

➤ Kế toán nguyên vật liệu, công cụ - dụng cụ (NVL – CCDC): Theo dõi tình hình nhập - xuất, tồn kho nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, theo dõi hàng dự trữ của Tổng công ty.

➤ Kế toán thanh toán: Theo dõi kế toán vốn bằng tiền, các khoản vay, vay vốn ngân hàng.

➤ Kế toán giá thành và thủ quỹ: Theo dõi thu chi tiền mặt tại Xí nghiệp, đồng thời theo dõi giá thành của các đoàn phương tiện trong Xí nghiệp.

5.2- Tổ chức công tác kế toán tại Xí nghiệp Vật tư & Vận tải

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh cũng như trình độ và khả năng của đội ngũ kế toán, hiện nay Xí nghiệp Vật tư & Vận tải đang sử dụng phần mềm kế toán CASD2002 do Tổng công ty thuê chuyên gia lập trình và cài đặt theo hình thức Nhật ký - Chứng từ.



Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức Nhật ký – Chứng từ nên sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Các loại sổ của hình thức kế toán Xí nghiệp sử dụng: Nhật ký chứng từ, Bảng kê, Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết, Bảng tổng hợp phát sinh tài khoản.

Tất cả các đối tượng cần quản lý trong Xí nghiệp đã được mã hóa, khai báo và cài đặt trong chương trình phần mềm kế toán.

Quy trình xử lý dữ liệu trên phần mềm kế toán CASD2002 như sau:

- Khai báo các khoản danh mục chính
- Khai báo số dư đầu kỳ
- Nhập nghiệp vụ kinh tế phát sinh
- Xử lý dữ liệu
- Kiểm tra và in báo cáo

Quá trình hạch toán trên máy vi tính diễn ra như sau:



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày →
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm ⇌
- Đối chiếu, kiểm tra ←

1) Khâu đầu tiên của quá trình hạch toán trên máy vi tính là thu thập, xử lý phân loại chứng từ. Kế toán căn cứ vào thông tin nghiệp vụ kinh tế phát sinh cập nhật dữ liệu vào máy theo đúng quan hệ đối ứng tài khoản. Đây là khâu quan trọng nhất nên kế toán phải nhập dữ liệu cho máy thật đầy đủ, chính xác. Máy tính sẽ tự động vào Bảng kê, Nhật ký chứng từ, sổ chi tiết theo từng đối tượng và tự động tổng hợp ghi vào Bảng tổng hợp, Sổ cái các tài khoản theo định khoản. Các bút toán kết chuyển đã được cài đặt làm tự động nên khi kế toán chọn bút toán kết chuyển đúng, máy sẽ tự động chuyển toàn bộ giá trị dư Nợ (dư Có) hiện thời của tài khoản được kết chuyển sang bên Có (bên Nợ) của tài khoản được kết chuyển.

2) Thông tin đầu ra: Kế toán có thể in ra các Bảng kê, Nhật ký chứng từ, sổ chi tiết ... bất kỳ lúc nào; Thông tin trên các Sổ cái tài khoản được ghi chép thường xuyên trên cơ sở cộng dồn các nghiệp vụ đã được cập nhật một cách tự động và được in ra vào cuối quý. Các sổ báo cáo là kết quả của các bút toán kết chuyển chỉ có dữ liệu sau khi kế toán sử dụng bút toán kết chuyển tự động.

Công tác kế toán tại Xí nghiệp áp dụng theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01/N đến ngày 31/12/N, kỳ kế toán tính theo tháng.

Đơn vị tiền tệ: VNĐ

Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác: theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Phương pháp hạch toán HTK: theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp tính giá HTK: theo phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.

Phương pháp tính khấu hao: theo phương pháp đường thẳng.

II- CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH Ở CHI NHÁNH CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ VINACOMIN - XÍ NGHIỆP VẬT TƯ & VẬN TẢI

1. Đặc điểm tài sản cố định tại Xí nghiệp Vật Tư & Vận Tải.

- Chi nhánh công ty cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ vinacomin - Xí nghiệp Vật Tư & Vận Tải là một đơn vị vừa sản xuất vừa kinh doanh, phụ thuộc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin nên không trực tiếp mua bán, đầu tư tài sản cố định. Tất cả tài sản cố định của Xí nghiệp đều do công ty mua sắm, quyết định giao cho Xí nghiệp quản lý và sử dụng.

- Các nguồn vốn hình thành nên tài sản của Xí nghiệp:

+ Ngân sách Nhà nước (53% cổ phần Nhà nước, 47% cổ phần phổ thông)

→ Hàng quý Xí nghiệp phải trích khấu hao nộp về công ty.

+ Vốn vay → Hàng tháng Xí nghiệp trả vốn và trả lãi vay về công ty theo khế ước vay Ngân hàng.

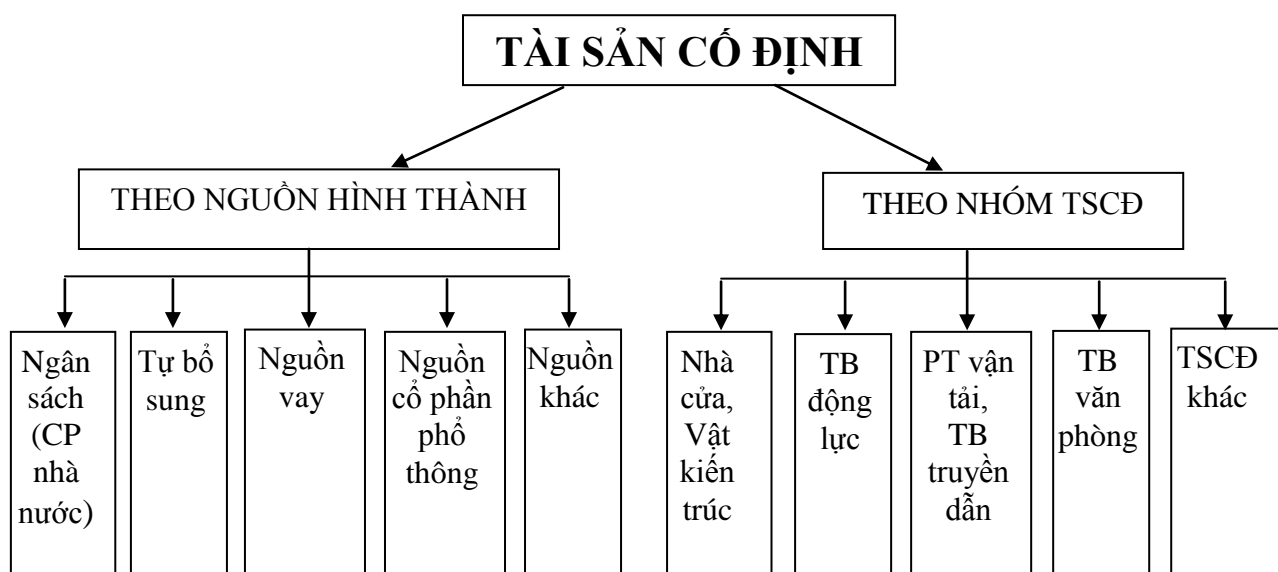
- Xác định giá trị ban đầu khi ghi nhận TSCĐ:

+ TSCĐ phải được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá hoặc giá trị còn lại của Tài sản cố định theo quyết định bàn giao tài sản cố định của Tổng công ty.

2. Phân loại TSCĐ tại Xí nghiệp Vật Tư & Vận Tải.

Tại Xí nghiệp Vật Tư & Vận Tải, nhìn chung TSCĐ khá đa dạng về chủng loại, số lượng và chất lượng, chủ yếu bao gồm: TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê mua tài chính, TSCĐ thuê ngoài.

Để quản lý chặt chẽ và có hiệu quả, xí nghiệp đã tiến hành phân loại TSCĐ của xí nghiệp **theo nguồn hình thành TSCĐ** và **theo nhóm TSCĐ** như sau:



Ngoài ra, để thuận tiện cho quá trình theo dõi tình hình tăng, giảm nguyên giá và hao mòn TSCĐ, Xí nghiệp còn kết hợp phân loại TSCĐ theo hình thức sử dụng (để theo dõi số TSCĐ đầu năm và cuối năm) như:

- Đang dùng
- Chưa dùng
- Không cần dùng
- Chờ thanh lý

3. Tình hình biến động tăng, giảm nguyên giá và hao mòn TSCĐ tại Xí nghiệp Vật Tư & Vận Tải.

Việc tổng hợp đánh giá tổng quan tình hình biến động về TSCĐ tại Xí nghiệp Vật Tư & Vận Tải có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc khai thác, quản lý TSCĐ, đặc biệt là trong hạch toán TSCĐ và trích khấu hao TSCĐ.

Biểu số 02: Tình hình tăng, giảm nguyên giá và hao mòn TSCĐ tại Xí nghiệp Vật Tư & Vận Tải trong 2 năm 2009 - 2010.

Chỉ tiêu		Năm 2009	Năm 2010
Nguyên giá TSCĐ	Số đầu năm	25.855.887.148	20.925.008.728
	Tăng trong năm	0	3.719.845.176
	Giảm trong năm	4.930.878.420	1.281.812.559
	Số cuối năm	20.925.008.728	23.363.041.345
Hao mòn TSCĐ	Số đầu năm	20.644.403.989	18.262.635.094
	Tăng trong năm	1.453.826.905	1.972.710.768
	Giảm trong năm	3.835.595.800	1.281.812.559
	Số cuối năm	18.262.635.094	18.953.533.303
Giá trị còn lại của TSCĐ	Tại ngày đầu năm	5.211.483.159	2.662.373.634
	Tại ngày cuối năm	2.662.373.634	4.409.508.042

Nhận xét: Qua số liệu trên ta thấy: năm 2010 Xí nghiệp Vật tư và Vận tải đã có sự quan tâm, chú trọng nhiều hơn về TSCĐ so với năm 2009, cụ thể :

Số lượng các TSCĐ thanh lý năm 2010 ít hơn năm 2009, cho thấy chất lượng các TSCĐ năm 2010 tốt hơn năm 2009.

Nguyên giá TSCĐ năm 2009 không tăng, năm 2010 lại tăng 3. 719.845.176đ. Mà Xí nghiệp lại là đơn vị có hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải là chủ yếu, việc xin đầu tư mới nhiều TSCĐ cho thấy quy mô hoạt động kinh doanh năm 2010 mở rộng đáng kể so với năm 2009.

4. Công tác kế toán TSCĐ tại Xí nghiệp Vật Tư & Vận Tải

– Hiện tại, chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải được áp dụng theo *Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC* ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

– Niên độ kế toán của Xí nghiệp áp dụng từ 01/01/N đến 31/12/N của năm dương lịch và kỳ kế toán tính theo tháng.

4.1 Kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ hữu hình

a. Tài khoản sử dụng

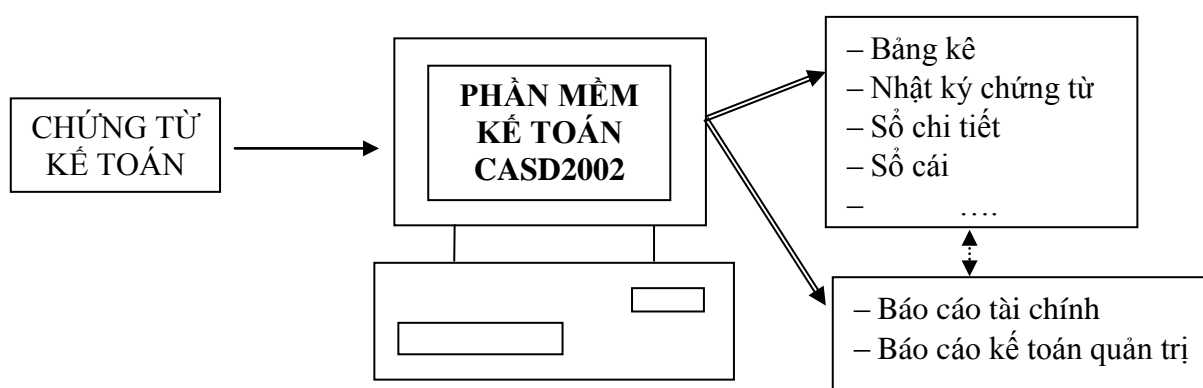
- Tài khoản 211 “ tài sản cố định hữu hình”
 - + TK 2111: Nhà cửa, vật kiến trúc
 - + TK 2112: Máy móc thiết bị
 - + TK 2113: Phương tiện vận tải
 - + TK 2114: Thiết bị văn phòng

b. Hệ thống sổ sách và chứng từ sử dụng

- Quyết định giao thiết bị đầu tư
- Hồ sơ thanh lý tài sản cố định
- Bảng kê TK211, TK 411, TK 3361
- Nhật ký chứng từ số 10
- Bảng tổng hợp phát sinh tài khoản TK 211, TK 411, TK 3361
- Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng TK 211, TK 411, TK 3361
- Sổ cái TK 211, TK 411, TK 3361

c. Quy trình hạch toán

Khi có các nghiệp vụ phát sinh thì kế toán sẽ thực hiện quy trình như sau:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ⇔

d. Kế toán tổng hợp tăng TSCĐ hữu hình.

Khi nhận được Quyết định bàn giao TSCĐ hữu hình của Công ty, xí nghiệp ghi tăng Tài sản cố định

+ Đối với TSCĐ hữu hình có nguồn từ Ngân sách Nhà nước, kế toán Xí Nghiệp ghi:

Nợ TK 211 – TSCĐ hữu hình
 Có TK 411 (4111: Vốn cổ phần nhà nước,
 4112: cổ phần phổ thông,
 4118: nguồn khác)

+Đối với TSCĐ hữu hình có nguồn đi vay, kế toán Xí Nghiệp ghi:

Nợ TK 211 – TSCĐ hữu hình
 Có TK 33611 (Vốn vay đầu tư)

Ví dụ: Ngày 10 tháng 5 năm 2010, Xí nghiệp Vật tư và Vận tải phát sinh nghiệp vụ tăng tài sản cố định hữu hình là 01 Máy Photocopy Xerox DCIII- 3007 DC với nguyên giá 66.659.000đồng, thời hạn sử dụng 03 năm, ngày đưa vào sử dụng 10 tháng 5 năm 2010, được đầu tư từ nguồn vốn khác, theo quyết định số 178/QĐ-ITASCO “V/v đưa thiết bị đầu tư vào sử dụng - 01 Máy photocopy cho Xí nghiệp Vật tư và Vận tải”.

Thủ tục tăng TSCĐ hữu hình là 01 Máy Photocopy Xerox DCIII- 3007 DC tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải diễn ra như sau:

Căn cứ nhu cầu sử dụng máy Photocopy mới của phòng tổ chức hành chính, Giám đốc Xí nghiệp Vật tư & Vận tải đã có *Đề nghị* “V/v xin đầu tư thiết bị văn phòng” trình lên Tổng giám đốc công ty và được Tổng giám đốc công ty ủy quyền “Theo ủy quyền số 402/UQ-ĐT ngày 29/04/2010 của Ông Thiệu Quang Thảo – Tổng Giám đốc Cty Cổ phần Đầu tư thương mại & dịch vụ - Vinacomin” cho phép đại diện Tổng Giám đốc Công ty đứng ra thương thảo hợp đồng mua mới **máy photocopy XEROX DCIII – 3007DC** với Công ty CP Kỹ thuật Công nghệ Hoàng Linh.

Sau khi mua mới, **máy photocopy XEROX DCIII – 3007DC** được Tổng Giám đốc công ty điều chuyển về sử dụng tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải theo quyết định số 178/QĐ-ITASCO. Việc bàn giao tài sản được tiến hành giữa các cán bộ Xí nghiệp Vật tư và Vận tải và Công ty CP Kỹ thuật Công nghệ Hoàng Linh. tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ (trích)
“V/v mua sắm vật tư, thiết bị máy văn phòng”
Số: 55_10 HĐ/HL – VTVT

– Căn cứ luật thương mại nước CHXHCN Việt Nam do Chủ tịch nước ký công bố ngày 27/6/2005.

– Căn cứ nhu cầu và khả năng cung cấp hàng hóa của hai bên.

Hôm nay, ngày 05 tháng 5 năm 2010. Tại Xi nghiệp Vật tư và Vận Tải, chúng tôi gồm:

BÊN A: CN Công ty CP đầu tư TM&DV – TKV- Xi nghiệp Vật tư và Vận tải.

+ Do Ông :Nguyễn Văn Sỹ Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

(Theo ủy quyền số 402/UQ-ĐT ngày 29/04/2010 của Ông Thiệu Quang Thảo – Tổng Giám đốc Cty Cổ phần Đầu tư thương mại & dịch vụ - Vinacomin)

BÊN B : Công ty CP Kỹ thuật Công nghệ Hoàng Linh

+Do Ông : Phạm Văn Hạnh Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Cùng nhau ký kết hợp đồng cung cấp, nội dung cụ thể như sau:

ĐIỀU I : ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG.

Nội dung: Bên B cung cấp máy photocopy cho bên A với số lượng, quy cách, giá cả cụ thể như sau:

STT	CHUNG LOẠI – ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	Số lượng	Thành tiền
1.	Photocopy XEROX DCIII – 3007DC – Tốc độ chụp: 30 bản/phút, sao chụp liên tục: 999 bản. – ... Nước sản xuất: Trung Quốc.	01 bộ	73.324.900
2.	Cộng		73.324.900

Giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt, bảo hành và thuế GTGT.

ĐIỀU II : TRI GIÁ HỢP ĐỒNG VÀ CHẤT LƯỢNG

1. Trị giá hợp đồng : 73.324.900vnd (đã bao gồm thuế GTGT)

(Bằng chữ: Bảy mươi ba triệu, ba trăm hai mươi bốn ngàn, chín trăm đồng)

2. Chất lượng: Thiết bị cung cấp phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật như điều I.

.....

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG (trích)
 Liên 2: Giao khách hàng
 Ngày 17 tháng 05 năm 2010

Mẫu số: 01 GTKT-3LL
QH/2010B

Đơn vị bán hàng:
 Địa chỉ:
 Số tài khoản:
 Điện thoại:..... MS:

CTY CP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ HOÀNG LINH
 1C Trần Quang Khải – Hồng Bàng-HP
MST: 0 2 0 0 6 8 1 1 5 5

Họ tên người mua hàng:.....
 Tên đơn vị: CN cty CP Đầu tư TM & DV- Vinacomim-Xí nghiệp Vật Tư & Vận Tải.....
 Địa chỉ: số 4 – Cù Chính Lan – Hồng Bàng - Hải Phòng.....
 Số tài khoản:.....
 Hình thức thanh toán:...TM/CK...MS:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1x2
1	Photocopy XEROX DCIII – 3007DC – Tốc độ chụp: 30 bản/phút, sao chụp liên tục: 999 bản. – Bộ nhớ 512MB (tiêu chuẩn), Bản sao chụp đầu tiên ít hơn 4,3 giây. – Độ phân giải: 600dpi x 600dpi. – Khổ giấy sao chụp, in: A5 – A3; Trữ lượng giấy: 2 khay 500 tờ + 1 khay tay 95 tờ = 1.095 tờ (standar) Trữ lượng giấy cực đại: 3095 tờ. – Chia bộ điện tử bằng cách in thành từng tập, xếp so le nhau 2-3cm – Tự động nạp và đảo bản gốc để chụp bằng RADF, tự động chụp 2 mặt – Phóng to, thu nhỏ: 25% - 400% Nước sản xuất: Trung Quốc.	Bộ	01		66.659.000

Cộng tiền hàng:	66.659.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:	6.665.900
Tổng cộng tiền thanh toán	73.324.900
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bảy mươi ba triệu, ba trăm hai mươi bốn ngàn, chín trăm đồng chẵn /</i>	

Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> Nguyễn Thị Thủy	Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> Đào T.H Thủy	Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i> GIÁM ĐỐC Phạm Văn Hạnh
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>		

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ,
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 178/QĐ- ITASCO

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**(V/v đưa thiết bị đầu tư vào sử dụng Gói thầu số 04:
01 Máy photocopy cho Xí nghiệp Vật tư và Vận tải)**

TỔNG GIÁM ĐỐC CTY CP ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ - VINACOMIN

Căn cứ quyết định số 150/QĐ-BCN ngày 01 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ thành Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ.

Căn cứ Nghị định số 12/2009.NĐ-CP ngày 12/02.2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ.

Theo đề nghị của Giám đốc Xí nghiệp Vật Tư & Vận tải.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Giao cho Xí nghiệp Vật tư và Vận tải quản lý, sử dụng 02 máy photocopy với các nội dung sau:

Photocopy XEROX DCIII – 3007DC

- Số lượng : 01 chiếc
- Giá trị tài sản : 66.659.000đồng.
(Sáu mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi chín ngàn đồng chẵn)
- Thời gian khấu hao : 03 năm.
- Ngày đưa vào sử dụng : ngày 10 tháng 05 năm 2010.
- Nguồn vốn: Nguồn vốn khác

Điều 2: Xí nghiệp Vật tư và Vận tải chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng trang thiết bị phục vụ quản lý nói trên, thực hiện chế độ của Nhà nước về quản lý và bảo toàn vốn, tài sản cố định.

Quyết định này thay thế cho Quyết định số 116/QĐ-ITASCO ngày 20 tháng 05 năm 2010.

Điều 03: Các ông Trưởng phòng nghiệp vụ Công ty, Giám đốc Xí nghiệp căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- HĐQT (b/c);
- Xí nghiệp Vật tư và Vận tải
- KTT,BKS;
- Phòng KH, KTTC, KTCD;
- Lưu ĐT,VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Thiều Quang Thảo

BIÊN BẢN BÀN GIAO THIẾT BỊ

Hôm nay, ngày 10 tháng 5 năm 2010. Tại Hải Phòng, chúng tôi gồm các bên sau đây tiến hành giao nhận thiết bị văn phòng như sau:

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN: Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.

Ông : Nguyễn Hữu Tuyên

Chức vụ: T.P Tài chính kế toán

Ông : Nguyễn Quang Hưng

Chức vụ: P.TP TCHC

Ông : Nguyễn Thê Thương

Chức vụ: CB phòng Kế hoạch – Vật tư

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO: CÔNG TY CPKT CÔNG NGHỆ HOÀNG LINH

Ông : Nguyễn Đức Tuyên

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

Ông :

Chức vụ:

Cùng tiến hành làm biên bản nghiệm thu bàn giao thiết bị với nội dung:

1/ Bàn giao các thiết bị:

STT	Chi tiết hàng hóa	ĐVT	SL bàn giao	Ghi chú
01	Photocopy XEROX DCIII – 3007DC – Tốc độ chụp: 30 bản/phút, sao chụp liên tục: 999 bản. – Bộ nhớ 512MB (tiêu chuẩn), Bản sao chụp đầu tiên ít hơn 4,3 giây. – Độ phân giải: 600dpi x 600dpi. – Khổ giấy sao chụp, in: A5 – A3; Trữ lượng giấy: 2 khay 500 tờ + 1 khay tay 95 tờ = 1.095 tờ (standar) Trữ lượng giấy cực đại: 3095 tờ. – Chia bộ điện tử bằng cách in thành từng tập, xếp so le nhau 2-3cm – Tự động nạp và đảo bản gốc để chụp bằng RADF, tự động chụp 2 mặt – Phóng to, thu nhỏ: 25% - 400%	Bộ	01	Seri máy: 111335 Model EKB-8 Made in China

2/ Nghiệm thu lắp đặt:

a/ Địa điểm bàn giao : Văn phòng số 4 Cù Chính Lan – Hồng Bàng – Hải Phòng.

b/ Đánh giá tình trạng kỹ thuật lắp đặt

Các thiết bị đúng chủng loại, xuất xứ, nguyên đai kiện, lắp đặt đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và được bàn giao đưa vào sử dụng từ ngày bàn giao.

Biên bản được lập thành 03 bản có giá trị như nhau kể từ ngày ký, bên giao giữ 01 bản, bên nhận giữ 02 bản.

Đại diện các bên tham gia bàn giao đã nhất trí với nội dung ghi ở trên và cùng ký tên dưới đây

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

1. Ông : Nguyễn Hữu Tuyên

2. Ông : Nguyễn Quang Hưng

3. Ông : Nguyễn Thê Thương

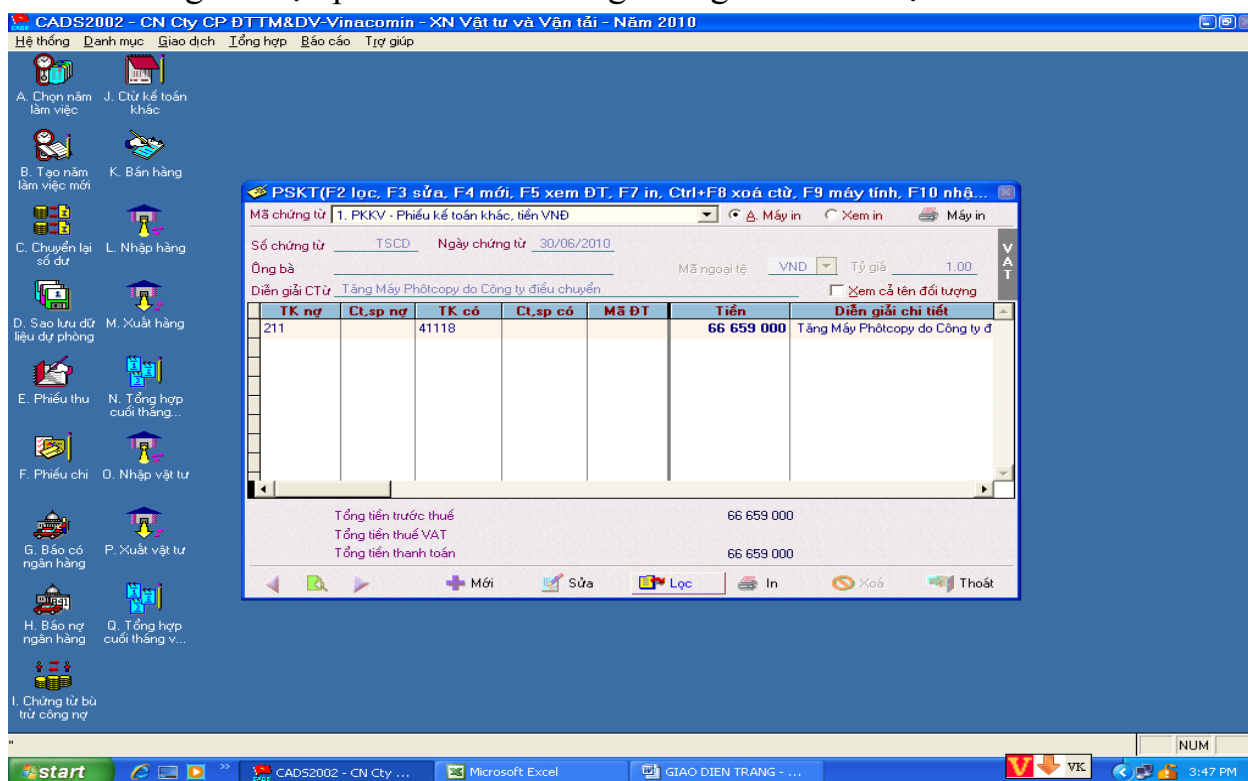
Căn cứ vào bộ chứng từ và các văn bản liên quan kèm theo, kế toán tài sản cố định của Xí nghiệp thực hiện thao tác trên phần mềm máy tính: từ menu chính trong hệ thống màn hình giao diện chính CASD2002, kế toán nháy chuột vào biểu tượng chứng từ kế toán khác/ ấn F4 (mở chứng từ mới)/ thực hiện nhập số liệu và các thông tin cần thiết/ ấn F10 (lưu).

Bút toán ghi tăng TSCĐ hữu hình theo định khoản:

Nợ TK 211 : 66 659 000đ

Có TK 41118: 66 659 000đ

Màn hình giao diện phản ánh bút toán ghi tăng tài sản cố định hữu hình:



Sau khi nhập xong dữ liệu, chương trình phần mềm sẽ tự động chuyển các số liệu vào sổ kế toán có liên quan đã cài đặt sẵn.

e. Kế toán tổng hợp giảm TSCĐ hữu hình

***Các bước tiến hành thanh lý tài sản cố định:**

Khi tài sản cố định hết khấu hao, không sử dụng được nữa, Xí nghiệp sẽ gửi lên trên Công ty hồ sơ thanh lý tài sản cố định bao gồm:

- 1) Công văn xin thanh lý TSCĐ.
- 2) Biên bản giám định kỹ thuật Tài sản cố định.
- 3) Biên bản họp hội đồng thanh xử lý.

Sau khi Công ty xem xét và đồng ý với việc thanh lý tài sản cố định sẽ gửi xuống Xí nghiệp:

- 4) Quyết định đồng ý thanh lý

Ban lãnh đạo Xí nghiệp cùng các phòng ban liên quan, căn cứ Quyết định của công ty thi hành việc thanh lý tài sản cố định, bao gồm:

- 5) Hợp hội đồng giá (lập ra giá bán tài sản)
- 6) Đơn xin mua tài sản của các đơn vị có nhu cầu (Khi Xí nghiệp chào bán tài sản cố định)
- 7) Hóa đơn thanh lý tài sản cố định (Hóa đơn GTGT + biên bản bàn giao tài sản cố định)

***Khi giảm tài sản cố định:** (thường là tài sản không còn khấu hao hoặc tài sản nhận được quyết định điều chuyển sang đơn vị khác của Tổng công ty), kế toán Xí nghiệp ghi:

Nợ TK 2141- Hao mòn TSCĐ hữu hình

Có TK 211- Tài sản cố định hữu hình

Nếu tài sản cố định giảm do đã hết khấu hao, kế toán tài sản cố định tại Xí nghiệp đồng thời có bút toán phản ánh thu hồi giá trị thanh lý TSCĐ như sau:

Nợ các TK 152, 112, 131, 111...

Có 711- thu nhập khác

Ví dụ : ngày 31/12/2010 – Xí nghiệp nhượng bán thanh lý tài sản cố định là thiết bị văn phòng : với nguyên giá là 285.716.115đồng theo quyết định số 313/QĐ- ITASCO; giá trị thu hồi bằng tiền là: 2.150.000đồng theo quyết định số 1779/QĐ-KH của Giám đốc Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.

Căn cứ vào “ Tờ trình đề nghị thanh lý công cụ bị hỏng không sử dụng” của phòng Tổ chức hành chính, giám đốc Xí nghiệp Vật tư và Vận tải gửi “ Đề nghị xin thanh lý tài sản cố định” lên Tổng công ty. Sau khi nhận được Quyết định thanh lý tài sản cố định của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin, Xí nghiệp Vật tư và Vận tải tiến hành thanh lý tài sản cố định là thiết bị văn phòng theo thủ tục sau:

**XÍ NGHIỆP VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI
PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**TỜ TRÌNH
Về việc bán thanh lý công cụ hành chính**

Kính gửi: Giám đốc Xí nghiệp

Căn cứ đề nghị của phòng TCHC về việc xử lý công cụ hành chính hỏng tồn kho đã được giám đốc phê duyệt.

Căn cứ đơn đề nghị mua hàng của hai ông Lương Sinh Quang và ông Nguyễn Đình Thanh Phòng Tổ chức hành chính trình xin Giám đốc Xí nghiệp duyệt bán thanh lý công cụ hỏng không còn giá trị sử dụng như sau:

TT	Loại công cụ	ĐVT	Số lượng	Giá các đơn vị chào mua		Ghi chú
				Ông Lương Sinh Quang	Ông Nguyễn Đình Thanh	
1	Máy điều hòa	chiếc	4	1.660.000	1.400.000	
4	Máy và công cụ khác			485.000	490.000	
	Cộng			2.145.000	1.890.000	

Căn cứ giá chào mua hàng của hai ông Lương Sinh Quang và ông Nguyễn Đình Thanh. Phòng TCHC xin đề xuất với Giám đốc bán theo từng lô máy cho mỗi bên mua có giá chào cao hơn. Cụ thể như sau:

1. Lô hàng máy điều hòa bán cho ông Lương Sinh Quang. Số tiền: 1.660.000đồng.
2. Lô hàng máy, công cụ khác bán cho ông Nguyễn Đình Thanh. Số tiền: 490.000đồng.

Tổng số tiền thu được là: **2.150.000đồng.**

Bằng chữ: Hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng.

Kính đề nghị Giám đốc xét duyệt./.

Hải Phòng, ngày 22 tháng 12 năm 2010

Người lập

Phòng TCHC

GIÁM ĐỐC DUYỆT

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ,
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ -
VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 313/QĐ- ITASCO

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định tại
Xí nghiệp Vật tư và Vận tải**

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - VINACOMIN

Căn cứ quyết định số 150/2004/QĐ- BCN ngày 01/4/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển đổi Công ty Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ thành Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ;

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - VINACOMIN;

Căn cứ Quyết định số 3908/QĐ-HĐQT ngày 15/12/2006 của Hội đồng quản trị công ty về việc đổi tên Công ty Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ thành công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - TKV; Quyết định số 24/QĐ- HĐQT ngày 07/9/2010 về việc đổi tên Công ty thành công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ -VINACOMIN.

Thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty số: 62/BB-HĐQT ngày 10/12/2010 của Hội đồng quản trị công ty về việc đồng ý thanh lý một số tài sản do các đơn vị đang quản lý, sử dụng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Bán các tài sản là thiết bị văn phòng tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải (có chi tiết kèm theo); giá bán thu hồi không thấp hơn giá thu hồi dự kiến.

Điều 2. Giám đốc Xí nghiệp Vật tư và Vận tải thực hiện việc bán tài sản thuộc đơn vị quản lý theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và quy chế tài chính của Công ty.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các phòng KTCĐ, KTTC, KH, ĐT, các phòng ban chức năng Công ty và giám đốc Xí nghiệp Vật tư và Vận tải căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:
– HĐQT (b/c);
– Ban kiểm soát
– Như điều 3

TỔNG GIÁM ĐỐC

DANH SÁCH THIẾT BỊ THANH LÝ, NHƯỢNG BÁN

(Ban hành kèm theo quyết định số 313/ Số: 313/QĐ- ITASCO , ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tổng giám đốc Công ty)

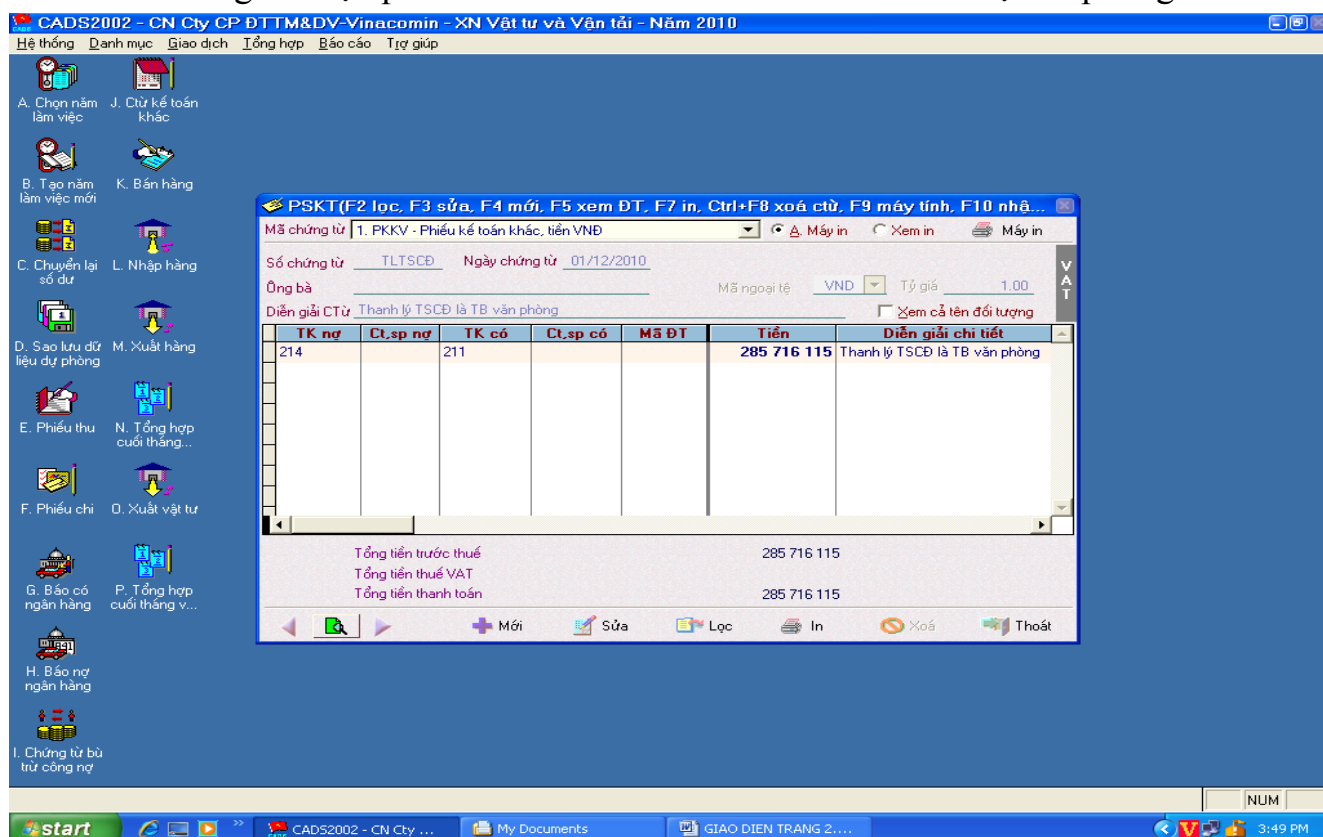
TT	Tên thiết bị	Nguyên giá (đ)	Đã khấu hao (đ)	Giá trị còn lại (đ)	Giá thu hồi dự kiến (đ, đã có VAT)
1	Máy vi tính	24 953 000	24 953 000	0	50 000
2	Máy vi tính C440 + máy in	13 790 000	13 790 000	0	80 000
3	Máy tính PIII	32 767 306	32 767 306	0	100 000
4	Tổng đài	11 580 000	11 580 000	0	50 000
5	Máy điều hòa nhiệt độ	11 200 000	11 200 000	0	70 000
6	Máy photocopy	18 469 000	18 469 000	0	150 000
7	Máy vi tính P450	14 321 714	14 321 714	0	100 000
8	Máy vi tính 486	27 693 185	27 693 185	0	100 000
9	Máy vi tính com P5/200	14 450 400	14 450 400	0	50 000
10	03 bộ máy tính	38 263 500	38 263 500	0	350 000
11	Máy photocopy	13 630 000	13 630 000	0	200 000
12	Máy vi tính (03 bộ)	43 688 919	43 688 919	0	450 000
13	Máy điều hòa LG	20 909 091	20 909 091	0	250 000
	Tổng cộng	285 716 115	285 716 115	0	2 000 000

Căn cứ Quyết định số 313/QĐ- ITASCO về thanh lý tài sản cố định của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin, kế toán tài sản cố định Xí nghiệp tiến hành thao tác trên phần mềm máy tính: từ menu chính trong hệ thống màn hình giao diện chính CASD2002, kế toán nháy chuột vào biểu tượng chứng từ kế toán khác/ ấn F4 (mở chứng từ mới)/ thực hiện nhập số liệu và các thông tin cần thiết/ ấn F10 (lưu)

Nợ TK 214: 285.716.115đ

Có TK 211: 285.716.115đ

Màn hình giao diện phản ánh bút toán xóa sổ TSCĐ là thiết bị văn phòng:



Sau khi nhập xong dữ liệu, chương trình phần mềm sẽ tự động chuyển các số liệu vào sổ kế toán có liên quan đã cài đặt sẵn.

CN CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 10

Ghi Có Tk 411: Nguồn vốn kinh doanh
 Từ ngày: 01/04/2010 đến ngày: 30/06/2010

Số dư đầu tháng: **3 307 586 095**

Ngày	Cộng ps nợ	TK có 336	Cộng ps nợ	TK nợ 211				
10/05	19 172 265	19 172 265	66 659 000	66 659 000				
16/06			1 200 639	1 200 639				
Cộng	19 172 265	19 172 265	67 859 639	67 859 639				

Số dư cuối tháng: **3 356 273 469**

Kế toán ghi sổ

Ngày 30 tháng 6 năm 2010
 Kế toán trưởng

CN CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 9

Ghi Có Tk 211: TSCĐ hữu hình

Tk 212 – TSCĐ thuê tài chính

Tk 213 – TSCĐ vô hình

Tk 217 – Bất động sản đầu tư

Từ ngày: 01/01/2010 đến ngày: 31/12/2010

Ngày	Ghi có TK 211, ghi nợ các TK					Ghi có TK 212, ghi nợ các TK					...
	TK 214	TK 811	TK 222	...	Cộng có TK 211	TK 211	TK 213	TK 214	...	Cộng có TK 212	
24/03	434 782 500				434 782 500						...
01/12	285 716 115				285 716 115						...
01/12	561 313 944				561 313 944						...
Cộng	1 281 812 559				1 281 812 559						...

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng

CN CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG

Từ ngày: 01/01/2010 đến ngày: 31/12/2010

Tài khoản 211 – Tài sản cố định hữu hình

Dur nợ đầu ngày	20 925 008 728
Phát sinh nợ	578 845 905
Phát sinh có	1 281 812 559
Dur nợ cuối ngày	20 222 042 074

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK ĐƯ	Ps nợ	Ps có
16/01	TCSĐ	Nhận 01 xe 16 chỗ biển số 16K-8827 TOYOTA HIACE ()	214	360 878 571	
24/03	GTSCĐ	Giảm xe 16K-5774 do thanh lý()	214		434 782 500
16/06	QĐ 124	Hao mòn LK của máy phát điện Cty điều chuyển về XN()	214	138 611 745	
		GTCL nguồn vay máy phát điện Cty điều chuyển về XN (Vốn vay đầu tư phải nộp Cty)	3361	11 495 950	
		GTCL nguồn khác máy phát điện Cty điều chuyển về XN ()	41118	1 200 639	
10/05	TSCĐ	Tặng máy Photocopy do công ty điều chuyển ()	41118	66 659 000	
01/12	TLTSCĐ	Thanh lý kho tiếp chứa vẽ ()	214		561 313 944
01/12	TLTSCĐ	Thanh lý TSCĐ là thiết bị văn phòng ()	214		285 716 115

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng

(Trích nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Xí nghiệp Vật tư và Vận tải)

CN CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG

Từ ngày: 01/04/2010 đến ngày: 30/06/2010

Tài khoản 411 – Nguồn vốn kinh doanh

Dư nợ đầu ngày	3 307 586 095
Phát sinh nợ	19 172 265
Phát sinh có	67 859 639
Dư nợ cuối ngày	3 356 273 469

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK ĐƯ'	Ps nợ	Ps có
10/05	TSCĐ	Tăng máy Photocopy do Công ty điều chuyển	211		66 659 000
16/06	QĐ124	GTCL nguồn khác Máy phát điện Cty điều chuyển về XN ()	211		1 200 639
30/06	KHTSCĐ	Nộp KHTSCĐ quý 2 về Công ty (Vốn khấu hao TSCĐ nộp Cty)	3362	19 172 265	30/06

Kế toán ghi sổ

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Kế toán trưởng

(Trích nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Xi nghiệp Vật tư và Vận tải)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN TÀI KHOẢN: 211

Năm: 2010

TK ĐƯ'	Ps tháng 1	Ps tháng 2	Ps tháng 3	Ps tháng 4	Ps tháng 5	Ps tháng 6	Ps tháng 7	Ps tháng 8	Ps tháng 9	Ps tháng 10	Ps tháng 11	Ps tháng 12	Tổng PS
Dư nợ 1	20 925 008 728	21 285 887 299	21 285 887 299	20 851 104 799	20 851 104 799	20 917 763 799	21 069 072 133	21 069 072 133	21 069 072 133	21 069 072 133	21 069 072 133	21 069 072 133	20 925 008 728
Dư có 1													
Ps Nợ	360 878 571				66 659 000	151 308 334							578 845 905
Ps Có			434 782 500									847 030 059	1 281 812 559
Dư nợ 2	21 285 887 299	21 285 887 299	20 851 104 799	20 851 104 799	20 917 763 799	21 069 072 133	21 069 072 133	21 069 072 133	21 069 072 133	21 069 072 133	21 069 072 133	20 222 042 074	20 222 042 074
Dư có 2													
.....													
214	360 878 571					138 611 745							499 490 316
3361						11 495 950							11 495 950
41118						67 859 639							67 859 639
.....													
214			434 782 500									847 030 059	1 281 812 559

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng

(Trích nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Xi nghiệp Vật tư và Vận tải)

CN CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

SỔ CÁI TÀI KHOẢN TÀI KHOẢN: 411

Quý : 2 Năm: 2010

TK ĐƯ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Ps Nợ tháng 04	Ps Có tháng 04	Ps Nợ tháng 05	Ps Có tháng 05	Ps Nợ tháng 06	Ps Có tháng 06	Lũy kế Ps Nợ	Lũy kế Ps Có
Dư đầu		3 307 586 095		3 307 586 095		3 307 586 095		3 307 586 095		3 326 586 841
Tổng ps	19 172 265	67 859 639					19 172 265	67 859 639	38 173 011	67 859 639
Dư cuối		3 356 273 469		3 307 586 095		3 307 586 095		3 356 273 469		3 356 273 469
211		67 859 639				66 659 000		1 200 639		67 859 639
3362	19 172 265						19 172 265		38 173 011	

Kế toán ghi sổ

Ngày 30 tháng 6 năm 2010

Kế toán trưởng

(Trích nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Xí nghiệp Vật tư và Vận tải)

Tiếp theo, kế toán tài sản cố định tiến hành phản ánh bút toán thu hồi giá trị thanh lý tài sản cố định, căn cứ vào “ Đơn đề nghị - V/v mua máy văn phòng đã qua sử dụng” của Ông Lương Sinh Quang và Ông Nguyễn Đình Thanh và các chứng từ:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ,
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VINACOMIN
XÍ NGHIỆP VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
————— ✨ ★ ✨ —————

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG GIÁ

Căn cứ quyết định số 313/QĐ- ITASCO ngày 31/12/2010 của Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và dịch vụ - VINACOMIN “Về việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định tại Xí nghiệp Vật tư và Vận tải”.

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2010, tại văn phòng Xí nghiệp Vật tư và Vận tải, chúng tôi gồm:

- | | |
|-------------------------|---------------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Sỹ | Chức vụ: Giám đốc – Chủ tịch Hội đồng |
| 2. Ông Lê Văn Nhuận | Chức vụ: P. Giám đốc – P. Chủ tịch HĐ |
| 3. Ông Nguyễn Hữu Tuyên | Chức vụ: Trưởng phòng TCKT - Ủy viên |
| 4. Bà Nguyễn Thanh Thủy | Chức vụ: Trưởng phòng KHVT - Ủy viên |
| 5. Ông Nguyễn Đăng Kiên | Chức vụ: Trưởng phòng KTAT - Ủy viên |

Đã tiến hành họp, duyệt giá chào bán lô thiết bị văn phòng đã hết khấu hao không sử dụng được như sau:

I.Lô thứ nhất

Số TT	Tên tài sản	Giá bán thanh lý (đồng)	Ghi chú
1	Máy điều hòa nhiệt độ	100.000	(đã bao gồm thuế VAT)
2	Máy điều hòa nhiệt độ LG	300.000	(đã bao gồm thuế VAT)
	Tổng cộng	400.000	

Người mua: Ông Lương Sinh Quang

Địa chỉ: 10A/319 Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng.

II. Lô thứ hai

Số TT	Tên tài sản	Giá bán thanh lý (đồng)	Ghi chú
1	Máy vi tính	60.000	(đã bao gồm thuế VAT)
2	Máy vi tính C440 + máy in	85.000	(đã bao gồm thuế VAT)
3	Máy tính III	100.000	(đã bao gồm thuế VAT)
4	Tổng đài	55.000	(đã bao gồm thuế VAT)
5	Máy photocopy	150.000	(đã bao gồm thuế VAT)
6	Máy vi tính P450	100.000	(đã bao gồm thuế VAT)
7	Máy vi tính 486	100.000	(đã bao gồm thuế VAT)
8	Máy vi tính com P5/200	60.000	(đã bao gồm thuế VAT)
9	3 bộ máy tính	350.000	(đã bao gồm thuế VAT)
10	Máy photo	220.000	(đã bao gồm thuế VAT)
11	Máy vi tính (03 bộ)	470.000	(đã bao gồm thuế VAT)
	Tổng cộng	1.750.000	(đã bao gồm thuế VAT)

Người mua : Ông Nguyễn Đình Thanh

Địa chỉ: Số 69 Dư Hàng – Hải Phòng

Tổng cộng toàn bộ: 2.150.000 đồng

Bằng chữ: Hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.

Biên bản được thông qua cuộc họp, các thành viên nhất trí với nội dung trên.

CÁC THÀNH VIÊN

1. Ông Lê Văn Nhuận
2. Ông Nguyễn Hữu Tuyên
3. Bà Nguyễn Thanh Thủy
4. Ông Nguyễn Đăng Kiên

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Nguyễn Văn Sỹ

Số : 1779/QĐ-KH

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC XÍ NGHIỆP VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

V/v: **Nhượng bán tài sản cố định đã thanh lý**

(trích)

GIÁM ĐỐC XÍ NGHIỆP VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

- Căn cứ quyết định số 39/QĐ-HĐQT ngày 29 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - vinacomin
- Căn cứ quyết định số 313/QĐ- ITASCO ngày 31/12/2010.....
- Căn cứ biên bản hội họp đồng giá Xí nghiệp ngày 31/12/2010.
- Theo đề nghị của phòng Kế hoạch vật tư Xí nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bán thanh lý các tài sản sau:

Số TT	Tên tài sản	Giá bán thanh lý (đồng)	Ghi chú
1	Máy vi tính	60.000	(đã bao gồm thuế VAT)
2	Máy vi tính C440 + máy in	85.000	(đã bao gồm thuế VAT)
3	Máy tính III	100.000	(đã bao gồm thuế VAT)
...
11	Máy vi tính (03 bộ)	470.000	(đã bao gồm thuế VAT)
	Tổng cộng	1.750.000	(đã bao gồm thuế VAT)

Cho ông: Nguyễn Đình Thanh

Địa chỉ: Số 69 Dư Hàng – Hải Phòng

Và các tài sản

Số TT	Tên tài sản	Giá bán thanh lý (đồng)	Ghi chú
1	Máy điều hòa nhiệt độ	100.000	(đã bao gồm thuế VAT)
2	Máy điều hòa nhiệt độ LG	300.000	(đã bao gồm thuế VAT)
	Tổng cộng	400.000	(đã bao gồm thuế VAT)

Cho ông : Lương Sinh Quang

Địa chỉ: 10A/319 Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng.

.....

<p>TẬP ĐOÀN CN THAN- KHOÁNG SẢN VIỆT NAM Địa chỉ: 226 Lê Duẩn- Đống Đa- Hà Nội Mã số thuế: 5700100256</p>	<h2 style="margin: 0;">HOÁ ĐƠN (GTGT)</h2> <p>Liên 3: Thanh toán nội bộ Ngày 31 tháng 12 năm 2010</p>	<p>Mẫu số: 01 GTKT- 3LL-01 Được sử dụng theo CV số: 2408/CT-AC ngày 13/3/2006 của cục thuế TP Hà Nội</p> <p>Ký hiệu: AA/2007T Số: 0238480</p>			
<h1 style="margin: 0;">TKV</h1>					
Đơn vị bán hàng: CN CTY CP ĐẦU TƯ TM & DV VINACOMIN Địa chỉ: XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI Số tài khoản: Số 4 Cù Chính Lan -P Minh Khai - Q Hồng Bàng - HP Điện thoại: MS: MST: 0 2 0 0 1 7 0 6 5 8 - 0 0 1					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Đình Thanh Tên đơn vị: Địa chỉ: Số 69 Dư Hàng, Hải PhòngSố tài khoản: Hình thức thanh toán: TM..... MS: x x x x x.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	TSCĐ thanh lý				1.590.909
2	Công cụ, dụng cụ thanh lý (Bảng kê kèm theo)				445.455
	/				
Cộng tiền:					2.036.364
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			203.636
Tổng cộng tiền thanh toán					2.240.000
Số tiền viết bằng chữ: (Hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn)					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Căn cứ hóa đơn GTGT số 0238480 ,Kế toán tài sản cố định Xí nghiệp tiến hành thao tác trên phần mềm máy tính: từ menu chính trong hệ thống màn hình giao diện chính CASD2002, kế toán nháy chuột vào biểu tượng chứng từ kế toán khác/ ấn F4 (mở chứng từ mới)/ thực hiện nhập số liệu và các thông tin cần thiết/ ấn F10 (lưu)

Nợ TK 131: 1 590 909 (Xuất bán thanh lý TSCĐ)

Có TK 711: 1 590 909

Nợ TK 131: 445 455 (Xuất bán CCDC)

Có TK 711: 445 455

Để phản ánh thuế GTGT đầu ra, kế toán kích chuột vào biểu tượng VAT ở góc trên bên phải giao diện/ nhập số liệu và các thông tin theo yêu cầu đã cài đặt sẵn theo định khoản:

Nợ TK 1312 : 159 090(Xuất bán thanh lý TSCĐ)

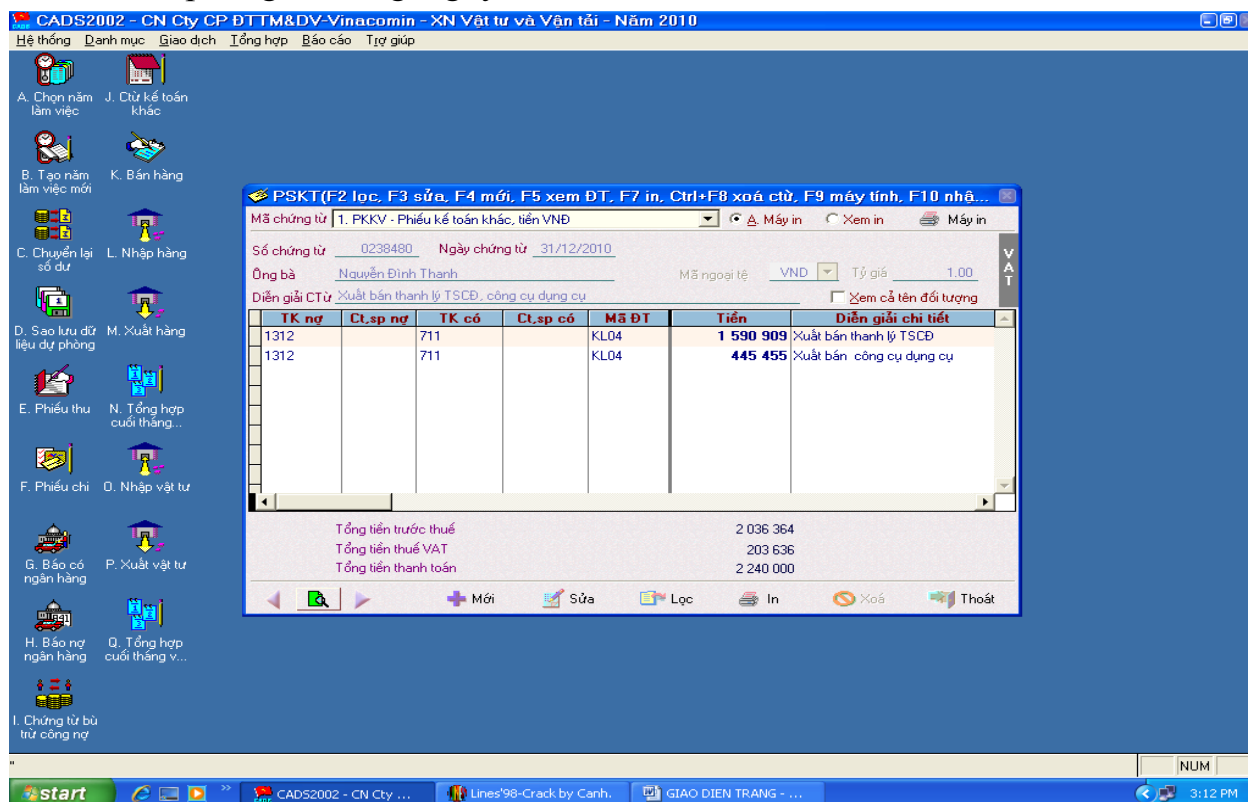
Có TK 3331: 159 090

Nợ TK 1312 : 45 544(Xuất bán CCDC)

Có TK 3331: 45 544

Ấn F10 (lưu)

Màn hình giao diện phản ánh bút toán thu hồi giá trị thanh lý tài sản cố định là thiết bị văn phòng cho ông Nguyễn Đình Thanh như sau:



Sau khi nhập xong dữ liệu, chương trình phần mềm sẽ tự động chuyển các số liệu vào sổ kế toán có liên quan đã cài đặt sẵn.

<p>TẬP ĐOÀN CN THAN- KHOÁNG SẢN VIỆT NAM Địa chỉ: 226 Lê Duẩn- Đống Đa- Hà Nội Mã số thuế: 5700100256</p>	<h2 style="margin: 0;">HOÁ ĐƠN (GTGT)</h2> <p>Liên 3: Thanh toán nội bộ Ngày 31 tháng 12 năm 2010</p>	<p>Mẫu số: 01 GTKT- 3LL-01 Được sử dụng theo CV số: 2408/CT-AC ngày 13/3/2006 của cục thuế TP Hà Nội</p> <p>Ký hiệu: AA/2007T Số: 0238479</p>			
TKV					
Đơn vị bán hàng: CN CTY CP ĐẦU TƯ TM & DV VINACOMIN Địa chỉ: XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI Số tài khoản: Số 4 Cù Chính Lan -P Minh Khai - Q Hồng Bàng - HP Điện thoại: MST: 0 2 0 0 1 7 0 6 5 8 - 0 0 1					
Họ tên người mua hàng: Lương Sinh Quang Tên đơn vị: Địa chỉ: 10A/319 Đà Nẵng Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM MST: x x x x x					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT (đồng)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	TSCĐ thanh lý (Bảng kê kèm theo)				363.636
2	Công cụ, dụng cụ thanh lý				1.509.091
	/				
Cộng tiền:					1.872.727
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			187.273
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.060.000
Số tiền viết bằng chữ: (Hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn)/					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Căn cứ hóa đơn GTGT số 0238479 ,Kế toán tài sản cố định Xí nghiệp tiến hành thao tác trên phần mềm máy tính: từ menu chính trong hệ thống màn hình giao diện chính CASD2002, kế toán nháy chuột vào biểu tượng chứng từ kế toán khác/ ấn F4 (mở chứng từ mới)/ thực hiện nhập số liệu và các thông tin cần thiết theo định khoản:

Nợ TK 131: 363 636 (Xuất bán thanh lý TSCĐ)

Có TK 711: 363 636

Nợ TK 131: 1 509 091 (Xuất bán CCDC)

Có TK 711: 1 509 091

Để phản ánh thuế GTGT đầu ra, kế toán kích chuột vào biểu tượng VAT ở góc trên bên phải giao diện/ nhập số liệu và các thông tin theo yêu cầu đã cài đặt sẵn theo định khoản:

Nợ TK 1312 : 36 363 (Xuất bán thanh lý TSCĐ)

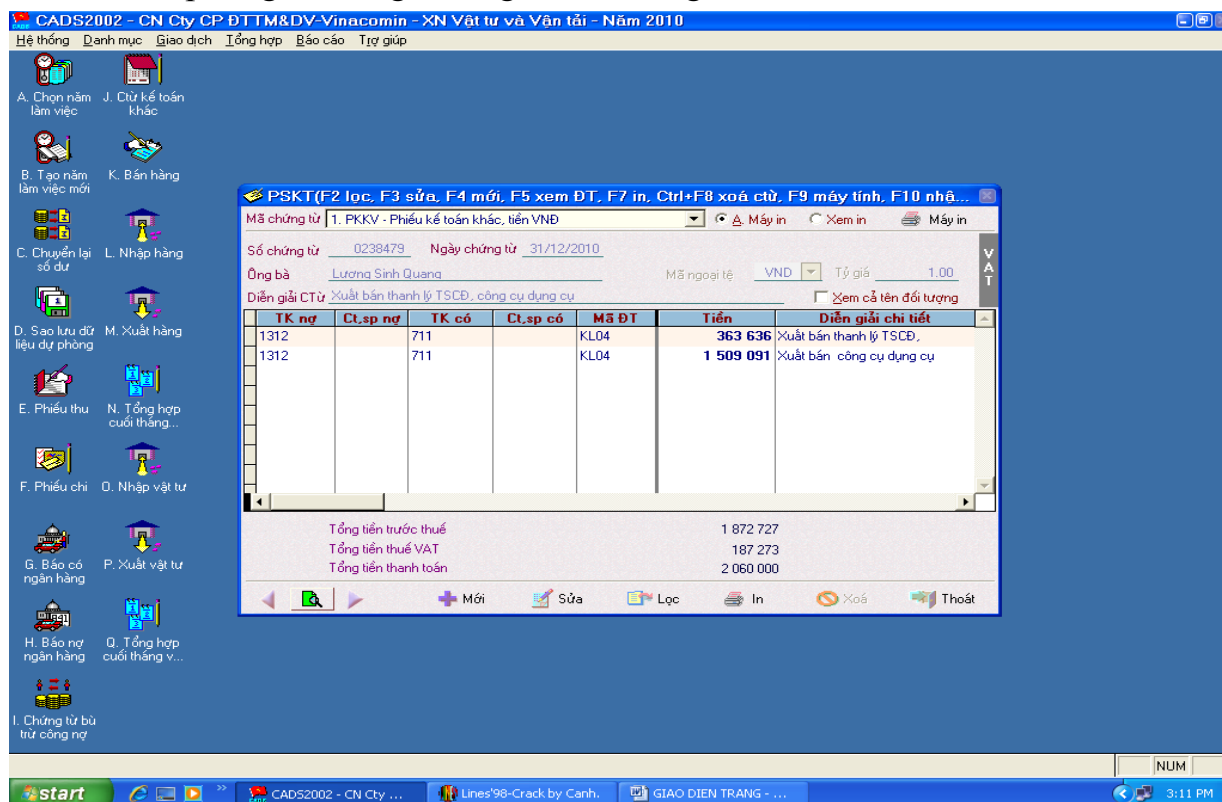
Có TK 3331: 36 363

Nợ TK 1312 : 150 909 (Xuất bán CCDC)

Có TK 3331: 150 909

Ấn F10 (lưu)

Màn hình giao diện phản ánh bút toán thu hồi giá trị thanh lý tài sản cố định là thiết bị văn phòng cho ông Lương Sinh Quang như sau:



Sau khi nhập xong dữ liệu, chương trình phần mềm sẽ tự động chuyển các số liệu vào sổ kế toán có liên quan đã cài đặt sẵn.

CN CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG

Từ ngày: 01/01/2010 đến ngày: 31/12/2010

Tài khoản 1312 – Phải thu của khách hàng ngoài TVN

Dư nợ đầu ngày	127 374 040
Phát sinh nợ	10 652 500
Phát sinh có	194 347 905
Dư có cuối ngày	56 321 365

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK ĐƯ	Ps nợ	Ps có
01/12	283	Thu tiền thuê kho bãi (Nguyễn Thế Kiệt)	1111		15 840 000
08/12	08/HHVN	Thu tiền công nợ (CN Cty Cp Hàng Hải liên kết Việt Nam tại Hà Nội)	1121		11 526 405
27/12	0238477	Thuế GTGT đầu ra (Khách lẻ VPXN) Xuất bán hàng khởi công từ Ferado	33311 51111	337 500 3 375 000	
30/12	30/SD10	Thu tiền bán hàng máy khoan (Cty CP Sông Đà 10)	1121		160 629 000
31/12	315	Thu tiền hàng (Nguyễn Quang Hưng)	1111		3 712 500
31/12	316	Thu tiền thuê văn phòng T12/2010 (Nguyễn Thị Bấy)	1111		2 640 000
31/12	0238479	Xuất bán thanh lý TSCĐ (Lương Sinh Quang) Xuất bán thanh lý CCDC (Lương Sinh Quang) Thuế GTGT	711 711 33311	1 509 091 363 636 187 273	
31/12	0238480	Xuất bán thanh lý TSCĐ (Nguyễn Đình Thanh) Xuất bán thanh lý CCDC (Nguyễn Đình Thanh) Thuế GTGT	711 711 33311	445 455 1 590 909 203 636	
31/12	0238482	Phí thuê văn phòng T12/2010 (Cty TNHH Năng Lượng) Thuế GTGT đầu ra (Cty Năng Lượng)	5115 33311	2 400 000 240 000	

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng

CN CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG

Từ ngày: 01/12/2010 đến ngày: 31/12/2010

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Dư nợ đầu ngày **0**
 Phát sinh nợ **17 753 527**
 Phát sinh có **17 753 527**
 Dư nợ cuối ngày **0**

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK ĐƯ	Ps nợ	Ps có
29/12	0238478	Thu tiền bồi thường bảo hiểm (Cty CP bảo hiểm SHB-Vinacomin CN HP)	1311		13 843 636
31/12	1282	KC thu nhập khác 711 → 911 ()	911	17 753 527	
31/12	0238479	Xuất bán thanh lý TSCĐ (Lương Sinh Quang)	1312		1 509 091
31/12	0238479	Xuất bán thanh lý CCDC (Lương Sinh Quang)	1312		363 636
31/12	0238480	Xuất bán thanh lý TSCĐ (Nguyễn Đình Thanh)	1312		445 455
31/12	0238480	Xuất bán thanh lý CCDC (Nguyễn Đình Thanh)	1312		1 590 909
31/12	ĐCCN	Hạch toán điều chỉnh nợ phải trả (Cty CP thép An Hải)	3312		800

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng

(Trích nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Xi nghiệp Vật tư và Vận tải)

CN CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

BẢNG KÊ SỐ 11
Phải thu của khách hàng
(TK 1312 - khách hàng ngoài TVN)
Từ ngày: 01/12/2010 đến ngày: 31/12/2010

Số dư đầu tháng: **127 374 040**

Ngày	Ghi nợ TK 131, ghi có các TK						Ghi có TK 131, ghi nợ các TK					
	TK 333	TK 5111	TK 5115	TK711	...	Cộng nợ TK 131	TK 111	TK 112	TK 521	TK 531	...	Cộng có TK 131
01/12							15 840 000					15 840 000
08/12								11 526 405				11 526 405
27/12	337 500	3 375 000				3 712 500						
30/12								160 629 000				160 629 000
31/12							3 712 500					3 712 500
31/12							2 640 000					2 640 000
31/12	187 273			1 872 727		2 050 000						
31/12	203 636			2 036 364		2 240 000						
31/12	240 000		2 400 000			2 640 000						
Cộng	968 409	3 375 000	2 400 000	3 909 091		10 652 500	22 192 500	172 155 405				194 347 905

Số dư cuối tháng: **56 321 365**

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Kế toán trưởng

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8

Ghi Có các Tk: 155, 156, 157, 158, 159, 131, 511, 512, 531, 532, 632, 635, 641, 642, 711, 811, 821, 911

Từ ngày: 01/12/2010 đến ngày: 31/12/2010

Số TT	Số hiệu TK ghi nợ	Các TK ghi có		...	131	511	...	642	...	711	...	911	Cộng
		Các TK ghi nợ	Cộng										
1	111	Tiền mặt	...	22 192 500									
2	112	Tiền gửi ngân hàng	...	172 155 405									
3	113	Tiền đang chuyển	...										
4	131	Phải thu của khách hàng	...		31 325 622 846					17 753 527			
5	138	Phải thu khác	...					2 104 500					
6	142	Chi phí trả trước ngắn hạn	...					79 657 666					
7	241	Xây dựng cơ bản dở dang	...					77 548 182					
...					
...	511	Doanh thu bán hàng	...									31 325 622 846	
...	711	Thu nhập khác	...									17 753 527	
...	911	Xác định kết quả kinh doanh	...					3 402 758 062					
		Cộng	...		194 347 905	31 325 622 846		3 562 068 410		17 753 527			

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng

4.2 Kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính

a. Tài khoản sử dụng

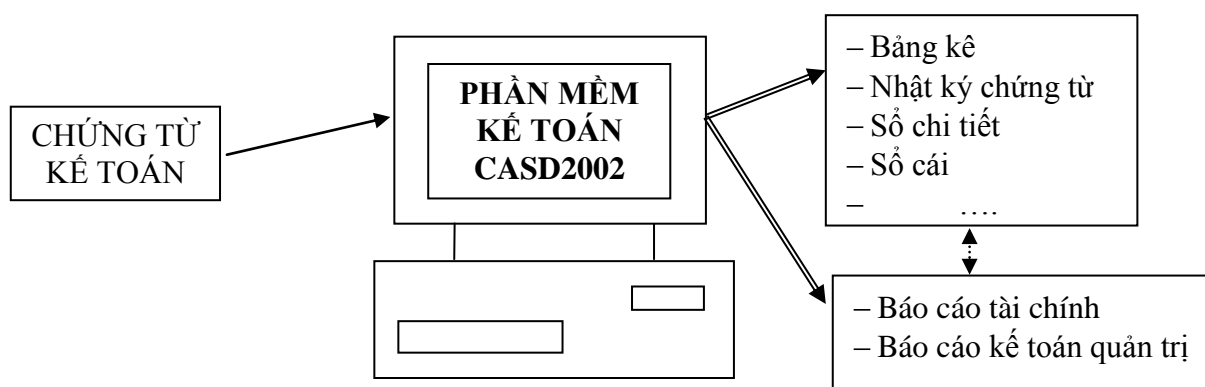
Tài khoản 212 “ tài sản cố định thuê tài chính”

b. Hệ thống sổ sách và chứng từ sử dụng

- Quyết định giao thiết bị đầu tư
- Hồ sơ thanh lý tài sản cố định
- Bảng kê TK 212, TK 3361, TK 3362...
- Nhật ký chứng từ số 10
- Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng TK 212, TK 3361, TK 3362...
- Sổ cái TK 212, TK 3361, TK 3362...

c. Quy trình hạch toán

Khi có các nghiệp vụ phát sinh thì kế toán sẽ thực hiện quy trình như sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

Đối chiếu, kiểm tra



d. Kế toán tổng hợp tăng TSCĐ thuê tài chính.

Khi nhận được Quyết định bàn giao TSCĐ thuê tài chính của Công ty, kế toán TSCĐ Xí nghiệp ghi tăng Tài sản cố định thuê tài chính:

Nợ TK 212 – TSCĐ thuê tài chính

Có TK 33612 (Nguồn vốn thuê tài chính)

Có TK 33622 (Nguồn vay ngắn hạn)

Ví dụ: Trong tháng 12 năm 2010, xí nghiệp phát sinh nghiệp vụ tăng tài sản cố định thuê tài chính là 05 xe ô tô đầu kéo FREIGHT LINER_C và 05 xe somi romooc theo quyết định số 328/ QĐ- ITASCO.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - VINACOMIN**

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN

**Dự án : Đầu tư 05 xe ô tô đầu kéo somi romooc theo hình thức thuê tài chính
cho Xí nghiệp Vật tư và Vận tải**

DVT: Đồng

TT	Nội dung	Giá thiết bị	VAT t.bị	Thuế trước bạ	Phí đăng ký	Phí đăng kiểm + Lệ phí cấp giấy	VAT phí đăng kiểm	Phí thẩm định tài sản, phí giao dịch đảm bảo và phí chuyển tiền thanh toán	VAT phí thẩm định TS	Giá trị sau thuế	Giá trị trước thuế
	05 xe ô tô đầu kéo somi romooc										
1	05 xe ô tô đầu kéo FREIGHT LINER_C	2.445.454.546	244.545.454	53.800.000	750.000	2.053.180	181.820	893.637	36.364	2.747.715.000	2.502.951.362,5
2	05 xe somi romooc	613.636.362	61.363.638	22.363.638	500.000	825.910	59.090	893.637	36.364	699.507.000	638.047.908,5
	Cộng	3.059.090.908	305.909.092	75.992.000	1.250.000	2.879.090	240.910	1.787.273	72.727	3.447.222.000	3.140.999.271

TỔNG GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN 3.140.999.271

(Ba tỷ một trăm bốn mươi triệu, chín trăm chín mươi chín ngàn, hai trăm bảy mươi một đồng)

Người lập biểu

Hà nội, ngày 29 tháng 12 năm 2010
Tổ tư vấn đầu tư

Vũ Thị Hồng Nhung

Nguyễn Đăng Thắng

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH (trích)

Về việc phê duyệt quyết toán bổ sung dự án đầu tư 05 xe ô tô đầu kéo, somi romooc theo hình thức thuê mua tài chính cho Xí nghiệp Vật tư và Vận tải

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - VINACOMIN

-
- Căn cứ biên bản họp số: 51/BB-HĐQT ngày 03/11/2010 của Hội đồng quản trị công ty về việc đồng ý chủ trương đầu tư 05 xe ô tô đầu kéo, somi romooc theo hình thức thuê mua tài chính cho Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.
 - Căn cứ Tổng quyết toán được lập ngày 28/12/2010;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Tổng quyết toán bổ sung dự án “Đầu tư 05 xe ô tô đầu kéo, somi romooc” theo hình thức thuê mua tài chính cho Xí nghiệp Vật tư và Vận tải với những nội dung sau:

1. Giá trị quyết toán: 3.140.999.271 đồng (Ba tỷ một trăm bốn mươi triệu chín trăm chín mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi một đồng)

TT	Nội dung	Số lượng	Tổng mức đầu tư (đ)	Quyết toán xin duyệt(đ)	Quyết toán được duyệt(đ)
1	Giá trị thiết bị		3.365.000.000	3.059.090.908	3.059.090.908
2	Chi phí khác (chi phí trước bạ, phí đăng ký, phí đăng kiểm, phí thẩm định tài sản, phí giao dịch đảm bảo, phí chuyển tiền thanh toán)	05 xe ô tô đầu kéo, somi romooc		81.908.363	81.908.363
	Cộng			3.140.999.271	3.140.999.271

2. Tổng nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án: vốn Công ty và vốn thuê mua tài chính.

a/ Vốn của Công ty	:	1.106.092.960	đồng
Trong đó	:	1.089.984.000	đồng (thiết bị +VAT)
	:	9.878.960	đồng (thuế trước bạ)
	:	3.120.000	đồng (phí đăng kiểm+VAT+lệ phí cấp)
	:	1.250.000	đồng(phí đăng ký)
	:	1.860.000	đồng(phí thẩm định TS+VAT, phí giao dịch đảm bảo và phí chuyển tiền thanh toán)
b/ Vốn thuê mua tài chính	:	2.341.129.040	đồng
Trong đó	:	2.275.016.000	đồng(thiết bị +VAT)
	:	66.113.040	đồng(thuế trước bạ)
Cộng a+b	:	3.447.222.000	đồng

(Ba tỷ bốn trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm hai mươi hai ngàn đồng chẵn)

- Quyết định này thay thế Quyết định số : 283A/QĐ-Itasco ngày 21/12/2010
-

Số: 328/QĐ- ITASCO

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH (trích)

Về việc phê duyệt quyết toán bổ sung dự án đầu tư 05 xe ô tô đầu kéo, somi romooc theo hình thức thuê mua tài chính cho Xí nghiệp Vật tư và Vận tải

**TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ,
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - VINACOMIN**

Căn cứ biên bản họp số: 51/BB-HĐQT ngày 03/11/2010 của Hội đồng quản trị công ty về việc đồng ý chủ trương đầu tư 05 xe ô tô đầu kéo, somi romooc theo hình thức thuê mua tài chính cho Xí nghiệp Vật tư và Vận tải.

Căn cứ biên bản bàn giao xe ngày 14/12/2010 giữa Công ty cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - VINACOMIN, Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu và Công ty cổ phần Vận tải Phương Cường;

Căn cứ quyết định số 327/QĐ- ITASCO ngày 31/12/2010 của Tổng giám đốc Công ty về việc phê duyệt quyết toán bổ sung dự án “Đầu tư 05 xe ô tô đầu kéo, somi romooc” theo hình thức thuê mua tài chính cho Xí nghiệp Vật tư và Vận tải;

Xét đề nghị của Ông trưởng phòng đầu tư Công ty.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Giao cho xí Nghiệp Vật tư và Vận tải quản lý và sử dụng 05 xe ô tô đầu kéo, somi romooc theo hình thức thuê mua tài chính, với những nội dung sau:

+Chí phí thiết bị bao gồm: (chi tiết xem bảng kê đính kèm)

- Giá trị xe: là hàng hóa bán ra theo hóa đơn GTGT của nhà cung cấp.

- Thuế trước bạ, phí đăng ký, phí và lệ phí đăng kiểm : căn cứ trên các hóa đơn thu phí, lệ phí theo quy định của Nhà nước.

1.1. Tổng giá trị thiết bị đầu tư là : 3.140.999.271 đồng (giá trước thuế)

(Ba tỷ, một trăm bốn mươi triệu, chín trăm chín mươi chín ngàn, hai trăm bảy mươi một đồng)

1.2. Tổng nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án: vốn Công ty và vốn thuê mua tài chính.

a/ Vốn của Công ty	:	1.106.092.960 đồng
Trong đó	:	1.089.984.000 đồng (thiết bị +VAT)
	:	9.878.960 đồng (thuế trước bạ)
	:	3.120.000 đồng (phí đăng kiểm+VAT+lệ phí cấp)
	:	1.250.000 đồng(phí đăng ký)
	:	1.860.000 đồng(phí thẩm định TS+VAT, phí giao dịch đảm bảo và phí chuyển tiền thanh toán)
b/ Vốn thuê mua tài chính	:	2.341.129.040 đồng
Trong đó	:	2.275.016.000 đồng(thiết bị +VAT)
	:	66.113.040 đồng(thuế trước bạ)
Cộng a+b	:	3.447.222.000 đồng

(Ba tỷ bốn trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm hai mươi hai ngàn đồng chẵn)

- Thời gian khấu hao : 04 năm
- Ngày đưa vào sử dụng : 14/12/2010.

.....

Căn cứ vào quyết định của Công ty và các văn bản liên quan kèm theo, kế toán tài sản cố định của Xí nghiệp thực hiện thao tác trên phần mềm máy tính: từ menu chính trong hệ thống màn hình giao diện chính CASD2002, kế toán nhấp chuột vào biểu tượng chứng từ kế toán khác/ ấn F4 (mở chứng từ mới)/ thực hiện nhập số liệu và các thông tin cần thiết/ ấn F10 (lưu).

Bút toán ghi tăng TSCĐ thuê tài chính theo định khoản:

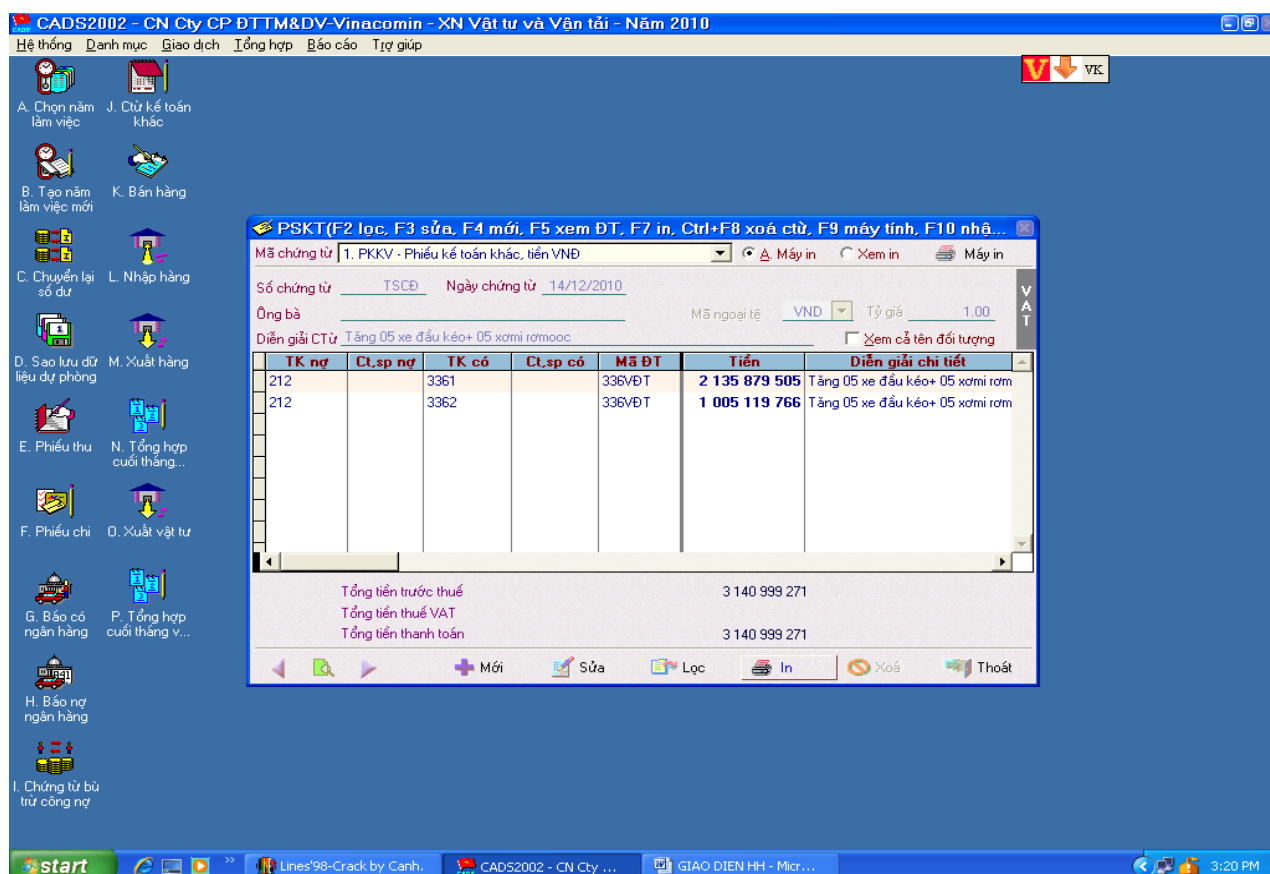
Nợ TK 212 : 2 135 879 505 đ

Có TK 3361: 2 135 879 505đ (Vốn vay đầu tư phải nộp cty)

Nợ TK 212 : 1 005 119 766 đ

Có TK 3362: 1 005 119 766 đ (Vốn vay ngắn hạn)

Màn hình giao diện phản ánh nghiệp vụ ghi tăng tài sản thuê tài chính như sau:



Sau khi nhập xong dữ liệu, chương trình phần mềm sẽ tự động chuyển các số liệu vào sổ kế toán có liên quan đã cài đặt sẵn.

CN CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 10

Ghi Có Tk 3361: Vốn vay đầu tư
 Từ ngày: 01/12/2010 đến ngày: 31/12/2010

Số dư đầu tháng: 0

Ngày	Cộng PS nợ	Cộng PS có	TK nợ 212						
14/12		2 135 879 505	2 135 879 505						
Cộng		2 135 879 505	2 135 879 505						

Số dư cuối tháng: 2 135 879 505

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Kế toán trưởng

CN CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 10

Ghi Có Tk 3362: Các khoản phải trả khác

Từ ngày: 01/12/2010 đến ngày: 31/12/2010

Ngày	Cộng PS nợ	TK có 136	TK có 336	TK có 338	TK có 421	Cộng PS có	TK nợ 111	TK nợ 138	TK nợ 212
14/12						1 005 119 766			1 005 119 766
31/12	6 945 039 889	2 129 870 752	126 594	80 362 000	4 734 680 543	9 428 087 410	6 000 000	126 594	
Cộng	6 945 039 889	2 129 870 752	126 594	80 362 000	4 734 680 543	10 433 207 176	6 000 000	126 594	1 005 119 766

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng

CN CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG

Từ ngày: 01/01/2010 đến ngày: 31/12/2010

Tài khoản 212 – TSCĐ thuê tài chính

Dư nợ đầu ngày	0
Phát sinh nợ	3 140 999 271
Phát sinh có	0
Dư nợ cuối ngày	3 140 999 271

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK ĐƯ	Ps nợ	Ps có
14/12	TSCĐ	Tặng 05 xe đầu kéo + 05 xomi romooc (Vốn vay đầu tư phải nộp cty)	3361	2 135 879 505	
		Tặng 05 xe đầu kéo + 05 xomi romooc (Vốn vay đầu tư phải nộp cty)	3362	1 005 119 766	

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng

CN CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

SỔ CÁI TÀI KHOẢN TÀI KHOẢN: 212
Năm: 2010

TK ĐƯ	Ps tháng 1	Ps tháng 2	Ps tháng 3	Ps tháng 4	Ps tháng 5	Ps tháng 6	Ps tháng 7	Ps tháng 8	Ps tháng 9	Ps tháng 10	Ps tháng 11	Ps tháng 12	Tổng PS
Dư nợ 1													
Dư có 1													
Ps Nợ												3 140 999 271	3 140 999 271
Ps Có													
Dư nợ 2												3 140 999 271	3 140 999 271
Dư có 2													
.....													
3361												2 135 879 505	2 135 879 505
3362												1 005 119 766	1 005 119 766
.....													

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng

(Trích nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Xí nghiệp Vật tư và Vận tải)

e. Kế toán tổng hợp giảm TSCĐ thuê tài chính

- **Khi giảm tài sản cố định thuê tài chính:** (thường là tài sản không còn khấu hao hoặc tài sản cố định thuê tài chính giảm do quyết định điều chuyển sang đơn vị khác của công ty), kế toán Xí nghiệp ghi:

Nợ TK 2142 – Hao mòn TSCĐ thuê tài chính

Có TK 212 – TSCĐ thuê tài chính.

Trong năm tài chính 2010, Xí nghiệp Vật tư và Vận tải không phát sinh nghiệp vụ giảm tài sản cố định thuê tài chính.

4.3 Kế toán tài sản cố định vô hình tại Xí nghiệp Vật tư & Vận tải.

Trong năm 2010, tại Xí nghiệp Vật tư Vận tải chưa có tài sản cố định vô hình nên không có nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tài sản cố định vô hình.

4.4 Kế toán khấu hao TSCĐ tại Xí nghiệp Vật tư & Vận tải

- Mức khấu hao TSCĐ ở Xí nghiệp được căn cứ vào nguyên giá TSCĐ và thời gian sử dụng định mức của từng loại TSCĐ. Việc xác định thời gian tính khấu hao TSCĐ căn cứ vào khung thời gian cho mỗi nhóm loại TSCĐ quy định tại *phụ lục 1* ban hành kèm theo *Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC* ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính khấu hao đường thẳng (khấu hao đều). Theo phương pháp này số khấu hao hàng năm không thay đổi trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

+ Xác định mức trích khấu hao trung bình hàng năm theo công thức:

$$\text{Mức trích khấu hao bình quân năm} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ (giá trị còn lại theo quyết định của công ty)}}{\text{Số năm sử dụng(Năm sử dụng còn lại)}}$$

+ Xác định mức trích khấu hao trung bình hàng tháng theo công thức

$$\text{Mức trích khấu hao bình quân tháng} = \frac{\text{Số khấu hao phải trích cả năm}}{12}$$

a. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 214 “ Hao mòn tài sản cố định”

b. Hệ thống sổ sách và chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ khấu hao
- Bảng kê chứng từ TK 214
- Bảng tổng hợp phát sinh TK 214

- Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng TK 214
- Sổ cái TK 214

***Bút toán phản ánh nghiệp vụ trích khấu hao TSCĐ**

Nợ TK 641 – Chi phí bán hàng

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 627 – Chi phí sản xuất chung

Nợ TK 811 – Chi phí khác

Có TK 2141 – Khấu hao TSCĐ

Ví dụ: Phản ánh tình hình trích khấu hao tài sản cố định hữu hình là máy Photocoy Xerox tăng trong tháng 5/2010 tại xí nghiệp như sau:

+ Xác định mức trích khấu hao trung bình hàng năm theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{bình quân năm} \end{array} = \frac{66\,659\,000}{3} = 22\,219\,667\text{đ}$$

+ Xác định mức trích khấu hao trung bình hàng tháng theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{bình quân tháng} \end{array} = \frac{22\,219\,667}{12} = 1\,851\,639\text{đ}$$

+ Xác định mức trích khấu hao trung bình tháng 5/2010 cho TSCĐ hữu hình là máy Photocoy Xerox theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{bình quân tháng} \end{array} = \frac{1\,851\,639 \times 22}{30} = 1\,357\,869\text{đ}$$

CN CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN
 XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

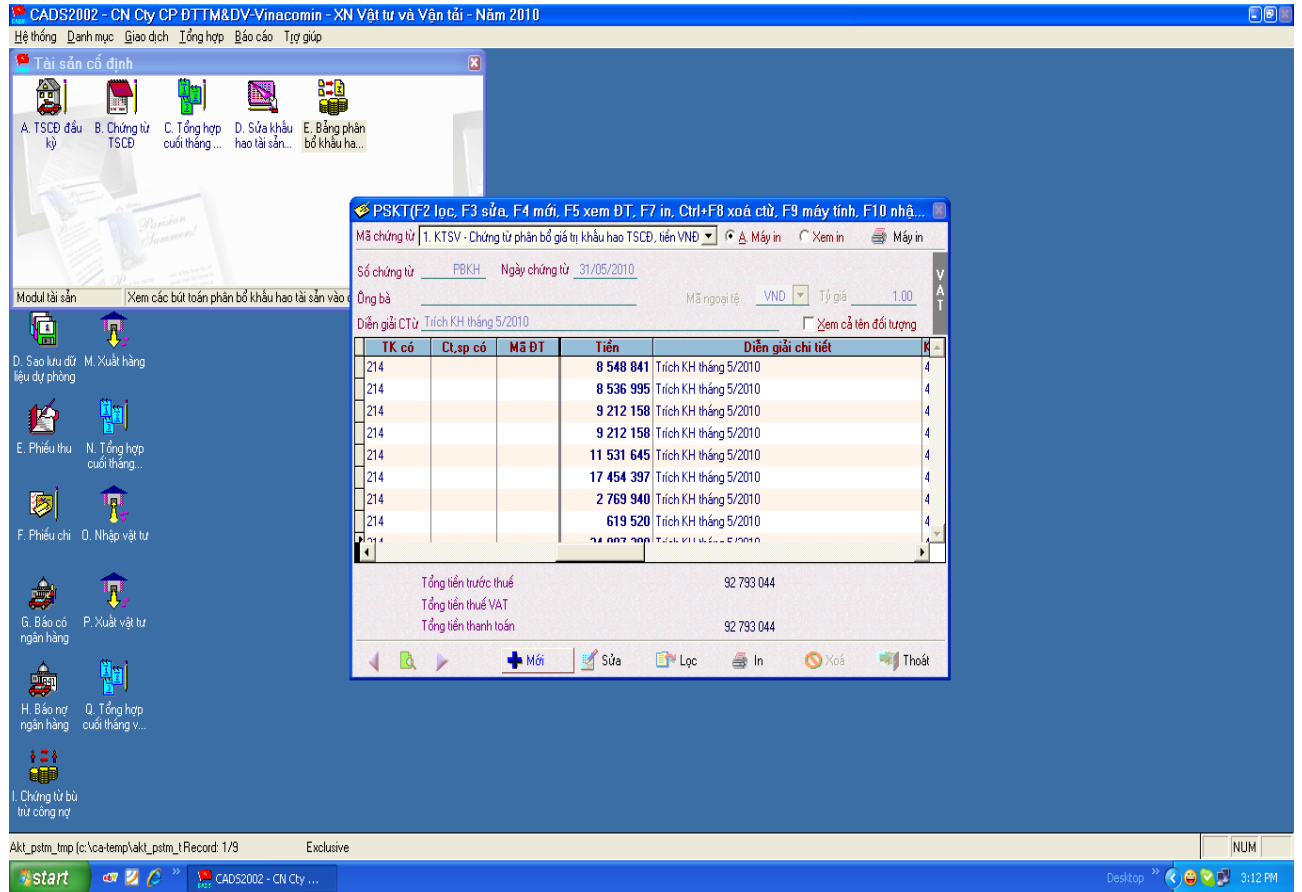
BẢNG PHÂN BỔ KHẤU HAO TSCĐ THÁNG 5 NĂM 2010

T T	TÊN TÀI SẢN	NGUYÊN GIÁ ĐẾN 01/01/2010					GIÁ TRỊ CÒN LẠI ĐẾN 30 THÁNG 4 /2010					MỨC KHẤU HAO THÁNG 5/2010					TÀI KHOẢN Đ.Ứ
		T/CỘNG	NGÂN SÁCH NGUỒN CP NN	NGUỒN CP PHỔ THÔNG	TÍN DỤNG	NGUỒN KHÁC	T/CỘNG	NGÂN SÁCH NGUỒN CP NN	NGUỒN CP PHỔ THÔNG	TÍN DỤNG	NGUỒN KHÁC	T/CỘNG	NGÂN SÁCH NGUỒN CP NN	NGUỒN CP PHỔ THÔNG	TÍN DỤNG	NGUỒN KHÁC	
A	TSCĐ HỮU HÌNH		<u>2.191.987.804</u>	<u>1.653.604.833</u>			<u>2.296.632.934</u>	<u>77.456.462</u>	<u>59.412.044</u>	<u>2.082.976.030</u>	<u>76.797.398</u>	<u>92.793.044</u>	<u>2.142.941</u>	<u>1.739.101</u>	<u>85.101.593</u>	<u>3.809.409</u>	
	TSCĐ CÒN PHẢI TRÍCH KH		<u>376.170.248</u>	<u>283.777.554</u>			<u>2.296.632.934</u>	<u>77.456.462</u>	<u>59.412.044</u>	<u>2.082.976.030</u>	<u>76.797.398</u>	<u>92.793.044</u>	<u>2.142.941</u>	<u>1.739.101</u>	<u>85.101.593</u>	<u>3.809.409</u>	
I	NHÀ CỬA . V . K. TRÚC	<u>1.044.609.055</u>	<u>376.170.248</u>	<u>283.777.554</u>	<u>150.000.000</u>	<u>234.661.253</u>	<u>151.174.148</u>	<u>77.456.462</u>	<u>59.412.044</u>	<u>12.380.952</u>	<u>1.924.690</u>	<u>5.670.247</u>	<u>2.142.941</u>	<u>1.739.101</u>	<u>1.547.619</u>	<u>240.586</u>	
1	Nhà văn phòng CV mới	153.533.396	87.514.036	66.019.360			94.167.151	53.675.277	40.491.874	-	-	619.520	353.126	266.394			TK 1545
2	Nhà làm việc số 4 CCL	91.960.109	52.428.662	39.551.447			7.178.896	3.533.384	3.645.512	-	-	897.361	441.673	455.688			TK642
3	Nhà làm việc 3 tầng	535.080.218	184.530.276	139.207.049		211.342.893	27.668.551	15.771.073	11.897.478	-	-	1.383.426	788.553	594.873			TK 642
4	Nâng cấp triển đả X.thủy	173.318.360			150.000.000	23.318.360	15.681.189	784.062	591.485	12.380.952	1.924.690	1.960.147	98.007	73.935	1.547.619	240.586	TK 6274
5	Nhà xưởng xưởng thủy	90.696.972	51.697.274	38.999.698			6.478.361	3.692.666	2.785.695	-	-	809.793	461.582	348.211			TK 6274
II	THIẾT BỊ ĐỘNG LỰC	<u>151.308.334</u>	-	-	<u>137.000.000</u>	<u>14.308.334</u>						-	-	-	-	-	
1	Máy phát điện 30 KVA – 24KW	151.308.334			137.000.000	14.308.334											
III	THIẾT BỊ VĂN PHÒNG	<u>66.659.000</u>	-	-	-	<u>66.659.000</u>						<u>1.357.869</u>	-	-	-	<u>1.357.869</u>	
1	Máy Photocopy Xerox DC III – 3007DC(từ 10/5/2010)	66.659.000				66.659.000						1.357.869				1.357.869	TK 642
IV	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI	<u>15.372.292.005</u>	-	-	<u>15.239.927.416</u>	<u>132.364.589</u>	<u>2.145.458.786</u>			<u>2.070.586.078</u>	<u>74.872.708</u>	<u>85.764.928</u>	-	-	<u>83.553.974</u>	<u>2.210.954</u>	
1	Tầu đẩy HP 0878 (TVN05)	460.046.330			460.046.330					14.263.915		1.782.989			1.782.989		TK 1543105
2	Sà lan 0874	436.778.730			436.778.730					13.531.709		1.691.463			1.691.463		TK 1543105
3	Sà lan 0875	436.778.730			436.778.730					13.531.709		1.691.463			1.691.463		TK 1543105
4	Sà lan 0876	436.778.730			436.778.730					13.531.709		1.691.463			1.691.463		TK 1543105
5	Sà lan 0877	436.778.730			436.778.730					13.531.709		1.691.463			1.691.463		TK 1543105
6	Tầu đẩy HP 0880(TVN06)	460.046.330			460.046.330					14.246.422		1.780.803			1.780.803		TK 1543106
7	Sà lan 0881	436.778.730			436.778.730					13.512.387		1.689.048			1.689.048		TK 1543106

T T	TÊN TÀI SẢN	NGUYÊN GIÁ ĐẾN 01/01/2010					GIÁ TRỊ CÒN LẠI ĐẾN 30 THÁNG 4 /2010					MỨC KHẤU HAO THÁNG 5/2010					TÀI KHOẢN Đ.Ứ
		T/CỘNG	NGÂN SÁCH NGUỒN CP NN	NGUỒN CP PHỔ THÔNG	TÍN DỤNG	NGUỒN KHÁC	T/CỘNG	NGÂN SÁCH NGUỒN CP NN	NGUỒN CP PHỔ THÔNG	TÍN DỤNG	NGUỒN KHÁC	T/CỘNG	NGÂN SÁCH NGUỒN CP NN	NGUỒN CP PHỔ THÔNG	TÍN DỤNG	NGUỒN KHÁC	
8	Sà lan 0882	436.778.730			436.778.730		13.512.387			13.512.387		1.689.048			1.689.048		TK 1543106
9	Sà lan 0883	436.778.730			436.778.730		13.512.387			13.512.387		1.689.048			1.689.048		TK 1543106
10	Sà lan 0884	436.778.730			436.778.730		13.512.387			13.512.387		1.689.048			1.689.048		TK 1543106
11	Tàu đẩy HP 0886(TVN08)	453.034.330			453.034.330		15.185.230			15.185.230		1.898.154			1.898.154		TK 1543108
12	Sà lan 0887	436.778.730			436.778.730		14.628.014			14.628.014		1.828.501			1.828.501		TK 1543108
13	Sà lan 0888	436.778.730			436.778.730		14.628.014			14.628.014		1.828.501			1.828.501		TK 1543108
14	Sà lan 0889	436.778.730			436.778.730		14.628.014			14.628.014		1.828.501			1.828.501		TK 1543108
15	Sà lan 0890	436.778.730			436.778.730		14.628.014			14.628.014		1.828.501			1.828.501		TK 1543108
16	Tàu đẩy HP 0893 (TVN09)	453.034.330			453.034.330		15.185.230			15.185.230		1.898.154			1.898.154		TK 1543109
17	Sà lan 0894	436.778.730			436.778.730		14.628.014			14.628.014		1.828.501			1.828.501		TK 1543109
18	Sà lan 0895	436.778.730			436.778.730		14.628.014			14.628.014		1.828.501			1.828.501		TK 1543109
19	Sà lan 0896	436.778.730			436.778.730		14.628.014			14.628.014		1.828.501			1.828.501		TK 1543109
20	Sà lan 0897	436.778.730			436.778.730		14.628.014			14.628.014		1.828.501			1.828.501		TK 1543109
21	Tàu đẩy HP502 (TVN36)	503.631.946			503.631.946		117.495.734			117.495.734		2.670.357			2.670.357		TK 1543136
21	Sà lan TVN 63	417.811.947			417.811.947		97.474.203			97.474.203		2.215.322			2.215.322		TK 1543136
23	Sà lan TVN 64	417.811.947			417.811.947		97.474.203			97.474.203		2.215.322			2.215.322		TK 1543136
24	Sà lan TVN 73	417.811.946			417.811.946		97.474.203			97.474.203		2.215.322			2.215.322		TK 1543136
25	Sà lan TVN 82	417.811.946			417.811.946		97.474.203			97.474.203		2.215.322			2.215.322		TK 1543136
26	Tàu đẩy HP 1084 (TVN46)	503.631.946			503.631.946		117.495.735			117.495.735		2.670.357			2.670.357		TK 1543146
27	Sà lan TVN 37	417.811.947			417.811.947		97.474.203			97.474.203		2.215.322			2.215.322		TK 1543146
28	Sà lan TVN 54	417.811.947			417.811.947		97.474.203			97.474.203		2.215.322			2.215.322		TK 1543146
29	Sà lan TVN 55	417.811.946			417.811.946		97.474.203			97.474.203		2.215.322			2.215.322		TK 1543146
30	Sà lan TVN 91	417.811.946			417.811.946		97.474.203			97.474.203		2.215.322			2.215.322		TK 1543146
31	Sà lan TVN 32	417.636.667			417.636.667		165.837.058			165.837.058		2.961.376			2.961.376		TK 1543146
32	Sà lan TVN 31	417.636.666			417.636.666		165.837.057			165.837.057		2.961.376			2.961.376		TK 1543146
33	Xe FORD Ghia 29Y-0456	511.324.286		537.273.619	14.050.667	75.041.361				73.125.908	1.912.453	9.380.170			9.141.114	239.056	TK 642
34	Xe Hyundai Santafe 30L- 7558	713.313.922		595.000.000	118.313.922	439.876.924				366.916.669	72.960.255	11.888.564			9.916.666	1.971.898	TK 642

Căn cứ bảng phân bổ khấu hao tháng 5/2010, kế toán TSCĐ tiến hành thao tác trên phần mềm máy tính: từ menu chính trong hệ thống màn hình giao diện chính CASD2002, kế toán nháy chuột vào biểu tượng “Giao dịch”/D. TSCĐ/E. Bảng phân bổ khấu hao/tiến hành nhập số liệu và thông tin cần thiết/F10 (lưu).

Màn hình giao diện phản ánh nghiệp vụ:



Sau khi nhập xong dữ liệu, chương trình phần mềm sẽ tự động chuyển các số liệu vào sổ kế toán có liên quan đã cài đặt sẵn.

CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI
 CN CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

Số phiếu: PBKH

CHỨNG TỪ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ, TIỀN VNĐ

Ngày 31 tháng 5 năm 2010

Số tiền : **93 471 978 ĐỒNG**

Viết bằng chữ : Chín mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng chẵn.

Kèm theo :chứng từ gốc.

TK nợ	TK có	Số tiền	Diễn giải
1543105	214	8 548 841	Trích KH tháng 5/2010
1543106	214	8 536 995	Trích KH tháng 5/2010
1543108	214	9 212 158	Trích KH tháng 5/2010
1543109	214	9 212 158	Trích KH tháng 5/2010
1543136	214	11 531 645	Trích KH tháng 5/2010
1543146	214	17 454 397	Trích KH tháng 5/2010
1545	214	619 520	Trích KH tháng 5/2010
6274	214	2 769 940	Trích KH tháng 5/2010
642	214	24 907 390	Trích KH tháng 5/2010

Người lập phiếu

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Kế toán trưởng

CN CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 7
 Ghi Có Tk 2141: Hao mòn tài sản cố định hữu hình
 Từ ngày: 01/01/2010 đến ngày: 31/12/2010

Số dư đầu tháng: 18 262 635 094

Ngày	Cộng ps có	TK nợ 154	TK nợ 211	TK nợ 627	TK nợ 642	Dư cuối ngày		
16/01	360 878 571		360 878 751			17 901 756 523		
29/01	91 435 175	65 115 714		2 769 940	23 549 521	17 810 321 348		
28/02	91 435 175	65 115 714		2 769 940	23 549 521	17 718 886 173		
31/03	91 435 175	65 115 714		2 769 940	23 549 521	18 062 233 498		
29/04	91 435 175	65 115 714		2 769 940	23 549 521	17 970 798 323		
31/05	92 793 044	65 115 714		2 769 940	24 907 390	17 877 326 345		
16/06	138 611 745		138 611 745			17 738 714 600		
30/06	95 285 775	65 115 714		2 769 940	27 400 121	17 643 428 825		
31/07	95 285 775	65 115 714		2 769 940	27 400 121	17 548 143 050		
31/08	95 285 775	65 115 714		2 769 940	27 400 121	17 452 857 275		
30/09	190 571 550	130 231 428		2 769 940	54 800 242	17 262 285 725		
30/10	95 285 775	65 115 714		2 769 940	27 400 121	17 166 999 950		
31/12	409 592 998	380 904 169		2 769 940	25 918 859	17 571 736 885		
Cộng	1 940 010 642	1 097 177 023	499 490 316	33 239 310	310 103 993			

Số dư cuối tháng: 18 920 154 243

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Kế toán trưởng

CN CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG

Từ ngày: 01/01/2010 đến ngày: 31/12/2010

Tài khoản 2141 – Hao mòn tài sản cố định hữu hình

Dư nợ đầu ngày	18 262 635 094
Phát sinh nợ	1 281 812 559
Phát sinh có	1 939 331 708
Dư nợ cuối ngày	18 920 154 243

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK ĐƯ	Ps nợ	Ps có
..
31/5	PBKH	Trích KH tháng 5/2010 ()	1543105		8 548 841
		Trích KH tháng 5/2010 ()	1543106		8 536 995
		Trích KH tháng 5/2010 ()	1543108		9 212 158
		Trích KH tháng 5/2010 ()	1543109		9 212 158
		Trích KH tháng 5/2010 ()	1543136		11 531 645
		Trích KH tháng 5/2010 ()	1543146		17 454 397
		Trích KH tháng 5/2010 ()	6274		2 769 940
		Trích KH tháng 5/2010 ()	1545		619 520
		Trích KH tháng 5/2010 ()	642		24 907 390
...
...
...
01/12	TLTSCĐ	Thanh lý TSCĐ là TB vẫn phòng ()	211	285 716 115	
...

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng

(Trích nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Xi nghiệp Vật tư và Vận tải)

CN CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

SỔ CÁI TÀI KHOẢN TÀI KHOẢN: 2141

Năm: 2010

TK ĐƯ	Ps tháng 1	Ps tháng 2	Ps tháng 3	Ps tháng 4	Ps tháng 5	Ps tháng 6	Ps tháng 7	Ps tháng 8	Ps tháng 9	Ps tháng 10	Ps tháng 11	Ps tháng 12	Tổng PS
Dư nợ 1													
Dư có 1	18 262 635 094	18 714 948 840	18 806 384 015	18 463 036 690	18 554 471 865	18 647 264 909	18 881 162 429	18 976 448 204	19 071 733 979	19 262 305 529	19 357 591 304	19 357 591 304	18 262 635 094
Ps Nợ			434 782 500									847 030 059	1 281 812 559
Ps Có	452 313 746	91 435 175	91 435 175	91 435 175	92 793 044	233 897 520	95 285 775	95 285 775	190 571 550	95 285 775		409 592 998	1 939 331 708
Dư nợ 2													
Dư có 2	18 714 948 840	18 806 384 015	18 463 036 690	18 554 471 865	18 647 264 909	18 881 162 429	18 976 448 204	19 071 733 979	19 262 305 529	19 357 591 304	19 357 591 304	18 920 154 243	18 920 154 243
.....													
211			434 782 500									847 030 059	1 281 812 559
.....													
1543105	8 548 841	8 548 841	8 548 841	8 548 841	8 548 841	8 548 841	8 548 841	8 548 841	17 097 682	8 548 841		8 548 841	102 586 115
1543106	8 536 995	8 536 995	8 536 995	8 536 995	8 536 995	8 536 995	8 536 995	8 536 995	17 097 682	8 536 995		8 537 05	102 443 950
1543108	9 212 158	9 212 158	9 212 158	9 212 158	9 212 158	9 212 158	9 212 158	9 212 158	18 424 316	9 212 158		9 212 180	110 545 918
1543109	9 212 158	9 212 158	9 212 158	9 212 158	9 212 158	9 212 158	9 212 158	9 212 158	18 424 316	9 212 158		9 212 180	110 545 918
1543136	11 531 645	11 531 645	17 454 397	11 531 645	11 531 645	17 454 397	17 454 397	17 454 397	28 986 042	17 454 397		153 403 684	315 788 291
1543146	17 454 397	17 454 397	11 531 645	17 454 397	17 454 397	11 531 645	11 531 645	11 531 645	28 986 042	11 531 645		191 370 727	347 832 582
1545	619 520	619 520	619 520	619 520	619 520	619 520	619 520	619 520	1 239 040	619 520		619 529	7 434 249
211	360 878 571					138 611 745							499 490 316
6274	2 769 940	2 769 940	2 769 940	2 769 940	2 769 940	2 769 940	2 769 940	2 769 940	5 539 880	2 769 940		2 769 970	33 239 310
642	23 549 521	23 549 521	23 549 521	23 549 521	24 907 390	27 400 121	27 400 121	27 400 121	54 800 242	27 400 121		25 918 859	309 425 059

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

c. Khi trích & nộp khấu hao:

*Xí nghiệp nộp khấu hao tài sản về công ty theo mức khấu hao hàng tháng của tài sản và nộp theo quý:

+ Với tài sản cố định hữu hình có nguồn từ Ngân sách Nhà nước, kế toán Xí Nghiệp ghi:

Nợ TK 411:

Có TK 33621:

+ Với tài sản cố định hữu hình có nguồn đi vay đầu tư, kế toán Xí Nghiệp ghi:

Nợ TK 3361:

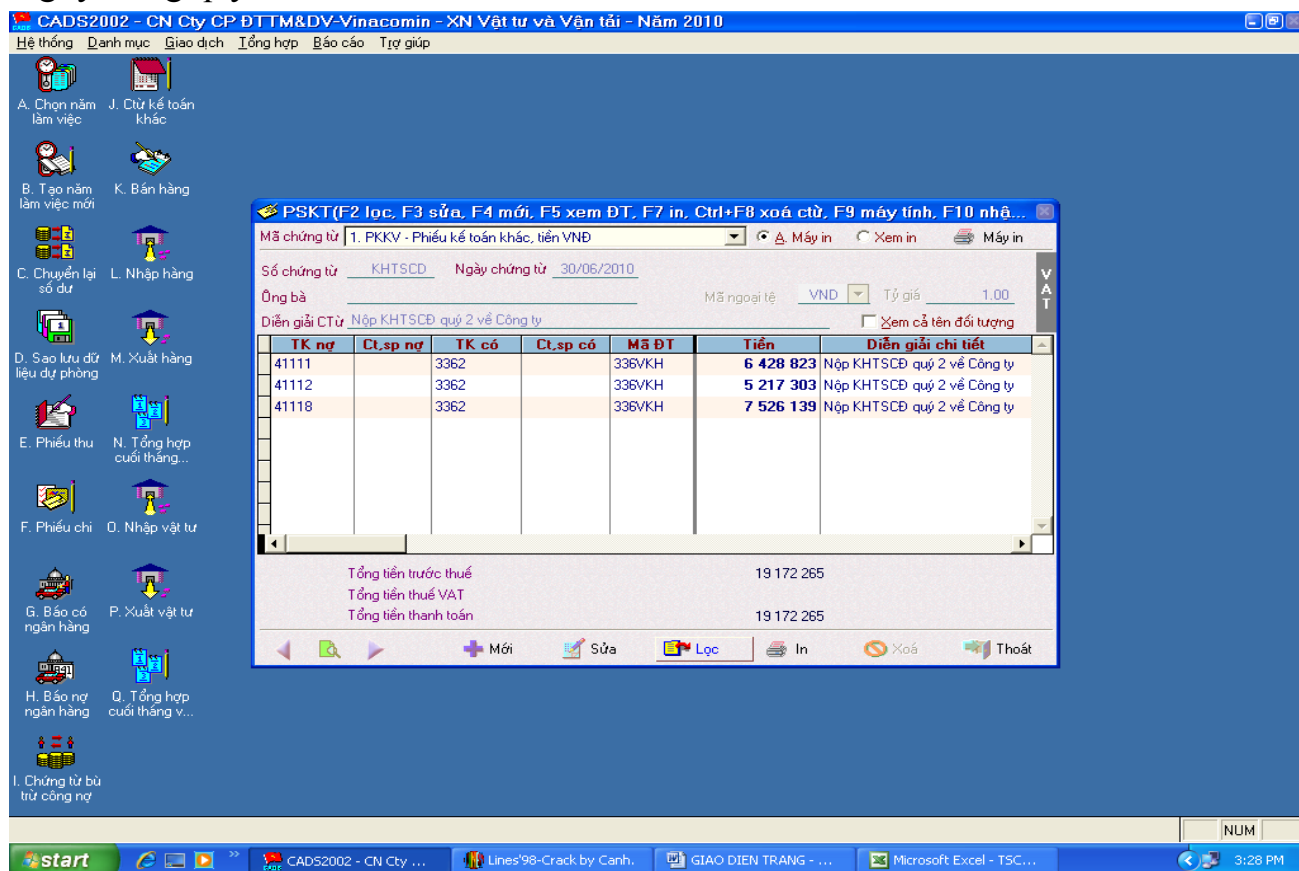
Có TK 33621:

Nợ TK 635 (Lãi vay đầu tư)

Có TK 33621:

***Các bút toán phản ánh khấu hao và trích nộp khấu hao tài sản thuê tài chính** được thực hiện tương tự đối với tài sản cố định hữu hình.

Ví dụ: Bút toán trích nộp khấu hao tài sản cố định hữu hình của Xí nghiệp về công ty trong quý II/2010 theo định khoản như sau:



Sau khi nhập xong dữ liệu, chương trình phần mềm sẽ tự động chuyển các số liệu vào sổ kế toán có liên quan đã cài đặt sẵn.

CN CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 10
Ghi Có Tk 3362 – Các khoản phải trả khác
Từ ngày: 01/04/2010 đến ngày: 30/06/2010

Số dư đầu tháng: **96 805 030**

Ngày	Cộng ps nợ	TK có 136	Cộng ps có	TK nợ 136	TK nợ 334	...	TK nợ 351	TK nợ 411	TK nợ 635	TK nợ 642
29/04			113 470 068		95 069 683	...	13 385 385		5 015 000	
30/04			473 482 431			...				473 482 431
31/05			546 774 573		97 637 239	...	15 157 647		5 015 000	428 964 687
30/06	3 747 890 074	3 747 890 074	2 710 968 032	1 932 706 192	97 892 408	...	15 258 387	19 172 265	3 695 035	270 805 203
Cộng	3 747 890 074	3 747 890 074	3 844 695 104	1 932 706 192	290 599 330	...	43 801 419	19 172 265	12 725 035	1 173 252 321

Số dư cuối tháng: **0**

Kế toán ghi sổ

Ngày 30 tháng 6 năm 2010
 Kế toán trưởng

CN CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG

Từ ngày: 01/04/2010 đến ngày: 30/06/2010
Tài khoản 3362 – Các khoản phải trả khác

Dư nợ đầu ngày 96 805 030
Phát sinh nợ 3 747 890 074
Phát sinh có 3 844 695 104
Dư nợ cuối ngày 0

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK ĐƯ	Ps nợ	Ps có
30/06	BTCNNB	Phải thu khác (Các khoản phải trả, phải nộp khác)	3385	3 747 890 074	
30/06	BTCNNB	Đ/c theo KT Công nợ NB phải thu (Cty CP đầu tư, thương mại & DV – Vinacomin)	1361		1 932 706 192
		Đ/c theo công nợ NB của vốn vay ĐT(Vốn vay phải nộp cty)	3361		256 495 950
30/06	KHTSCĐ	Nộp KHTSCĐ quý 2 về cty(Vốn khấu hao TSCĐ nộp Cty)	41111		6 428 823
		Nộp KHTSCĐ quý 2 về cty(Vốn khấu hao TSCĐ nộp Cty)	41112		5 217 303
		Nộp KHTSCĐ quý 2 về cty(Vốn khấu hao TSCĐ nộp Cty)	41118		7 526 139
30/06	LVDT	Lãi vay đầu tư tháng 6/2010(Lãi vay phải nộp cty)	635		2 695 035
30/06	PNCT	Phí nộp cty theo QC khoản T6 (Phí nộp cty theo quy chế khoán)	642		270 805 203

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng

(Trích nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Xí nghiệp Vật tư và Vận tải)

CN CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

SỔ CÁI TÀI KHOẢN TÀI KHOẢN: 3362

Quý : 2 Năm: 2010

TK ĐƯ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Ps Nợ tháng 04	Ps Có tháng 04	Ps Nợ tháng 05	Ps Có tháng 05	Ps Nợ tháng 06	Ps Có tháng 06	Lũy kế Ps Nợ	Lũy kế Ps Có
Dư đầu	96 805 030		96 805 030			490 147 469		1 036 922 042		2 294 073 068
Tổng ps	3 747 890 074	3 844 695 104		586 952 499		546 774 573	3 747 890 074	2 710 968 032	7 379 079 472	5 085 006 404
Dư cuối				490 147 469		1 036 922 042				
1361	3 747 890 074	1 932 706 192					3 747 890 074	1 932 706 192	7 379 079 472	1 932 706 192
3341		64 099 330		19 569 683		22 137 239		22 392 408		122 012 497
3345		226 500 000		75 500 000		75 500 000		75 500 000		453 000 000
3361		256 495 950						256 495 950		256 495 950
3382		77 255 950						77 255 950		125 731 586
3385		38 686 642						38 686 642		38 686 642
351		43 801 419		13 385 385		15 157 647		15 258 387		83 245 434
41111		6 428 823						6 428 823		12 857 646
41112		5 217 303						5 217 303		10 434 606
41118		7 526 139						7 526 139		14 880 759
635		12 725 035		5 015 000		5 015 000		2 695 035		27 770 035
642		1 173 252 321		473 482 431		428 964 687		270 805 203		2 007 185 057

Kế toán ghi sổ

Ngày 30 tháng 6 năm 2010

Kế toán trưởng

Ví dụ:Phản ánh tình hình trích khấu hao tài sản thuê tài chính trong tháng 12/2010 tại xí nghiệp:

+ Xác định mức trích khấu hao trung bình hàng năm cho TSCĐ theo công thức:

$$\text{Mức trích khấu hao bình quân năm} = \frac{3\,140\,999\,271}{4} = 785\,249\,818 \text{ đ}$$

+ Xác định mức trích khấu hao trung bình hàng tháng cho TSCĐ theo công thức:

$$\text{Mức trích khấu hao bình quân tháng} = \frac{785\,249\,818}{12} = 65\,437\,484 \text{ đ}$$

+ Xác định mức trích khấu hao trung bình tháng 12/2010 :

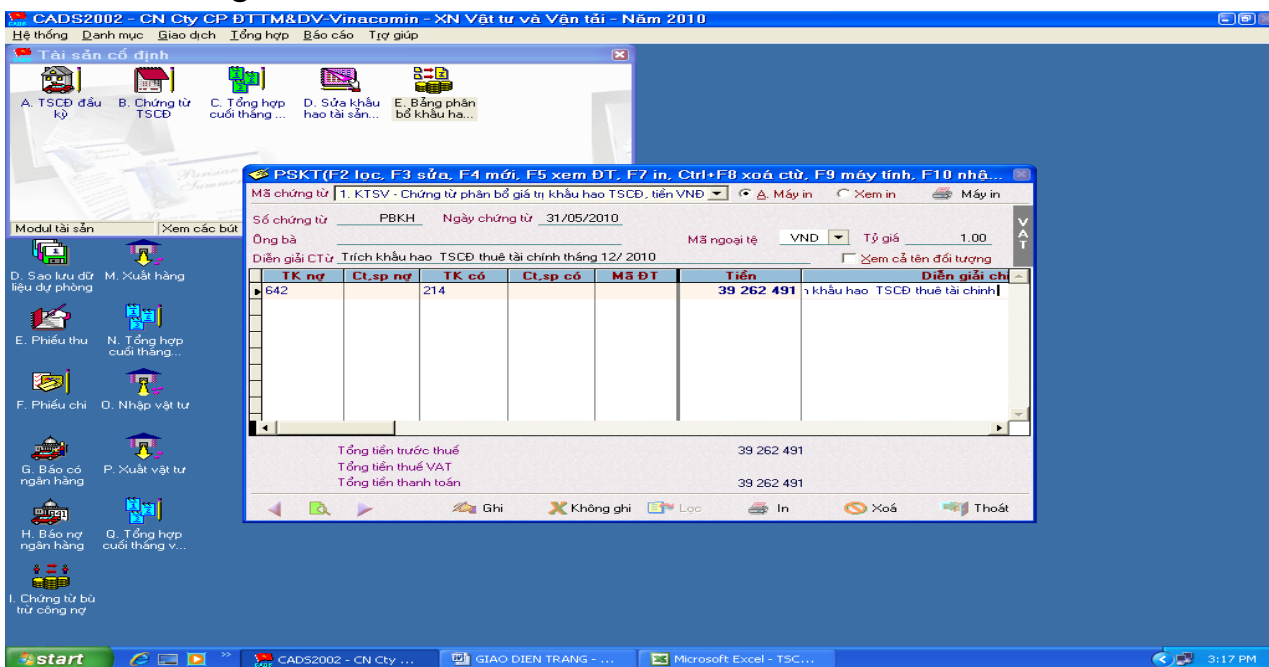
$$\text{Mức trích khấu hao bình quân tháng} = \frac{65\,437\,484 \times 18}{30} = 39\,262\,491 \text{ đ}$$

Kế toán tài sản cố định của Xí nghiệp thực hiện thao tác với phần mềm máy tính: từ menu chính trong hệ thống màn hình giao diện chính CADS2002, chứng từ kế toán khác/ ấn F4 (mở chứng từ mới)/ thực hiện nhập số liệu và các thông tin cần thiết/ ấn F10 (lưu). Bút toán trích khấu hao tài sản thuê tài chính theo định khoản:

Nợ TK 642 : 39 262 491 đ

Có TK 214: 39 262 491 đ

Màn hình giao diện như sau:



Sau khi nhập xong dữ liệu, chương trình phần mềm sẽ tự động chuyển các số liệu vào sổ kế toán có liên quan đã cài đặt sẵn.

CN CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

BẢNG TRÍCH KHẤU HAO TSCĐ THUÊ TÀI CHÍNH THÁNG 12 NĂM 2010

TT	TÊN TÀI SẢN	NGUYÊN GIÁ ĐẾN NGÀY 14/12/2010			MỨC KHẤU HAO THÁNG 12/2010			HAO MÒN LŨY KẾ ĐẾN 31/12/2010		
		T/CỘNG	TÍN DỤNG	NGUỒN VAY	T/CỘNG	TÍN DỤNG	NGUỒN VAY	T/CỘNG	TÍN DỤNG	NGUỒN VAY
	<u>TSCĐ THUÊ TÀI CHÍNH</u>	<u>3.140.999.271</u>	<u>2.135.879.505</u>	<u>1.005.119.766</u>	<u>39.262.491</u>	<u>26.698.492</u>	<u>12.563.999</u>	<u>39.262.491</u>	<u>4.191.839</u>	<u>12.563.999</u>
IV	<u>PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI</u>	<u>3.140.999.271</u>	<u>2.135.879.505</u>	<u>1.005.119.766</u>	<u>39.262.491</u>	<u>26.698.492</u>	<u>12.563.999</u>	<u>39.262.491</u>	<u>4.191.839</u>	<u>12.563.999</u>
1	Xe ô tô đầu kéo 29C - 00304 16M - 2103	530.321.181	360.618.403	169.702.778	6.629.014	4.507.730	2.121.284	6.629.014	4.507.730	2.121.284
2	Xe ô tô đầu kéo 29C – 00305 16L – 8847	493.157.545	335.347.131	157.810.414	6.164.469	4.191.839	1.972.630	6.164.469	4.191.839	1.972.630
3	Xe ô tô đầu kéo 29C – 00306 16L – 8935	493.157.545	335.347.131	157.810.414	6.164.469	4.191.839	1.972.630	6.164.469	4.191.839	1.972.630
4	Xe ô tô đầu kéo 29C – 00307 16L – 8524	493.157.546	335.347.131	157.810.415	6.164.469	4.191.839	1.972.630	6.164.469	4.191.839	1.972.630
5	Xe ô tô đầu kéo 29C – 00308 16L – 8755	493.157.546	335.347.131	157.810.415	6.164.469	4.191.839	1.972.630	6.164.469	4.191.839	1.972.630
6	Sơ mi romooc 29R – 00026 16R – 3319	131.016.637	89.091.313	41.925.324	1.637.709	1.113.641	524.068	1.637.709	1.113.641	524.068
7	Sơ mi romooc 29R – 00027 16R – 3609	132.336.637	89.988.913	42.347.724	1.654.208	1.124.861	529.347	1.654.208	1.124.861	529.347
8	Sơ mi romooc 29R – 00028 16R – 3477	90.107.545	61.273.131	28.834.414	1.126.344	765.914	360.430	1.126.344	765.914	360.430
9	Sơ mi romooc 29R – 00029 16R - 4029	153.570.454	104.427.909	49.142.545	1.919.632	1.305.349	614.283	1.919.632	1.305.349	614.283
10	Sơ mi romooc 29R - 00030 16R-3233	131.016.637	89.091.312	41.925.323	1.637.708	1.1136.641	524.067	1.637.708	1.113.641	524.067
	TỔNG CỘNG	3.140.999.271	2.135.879.505	1.005.119.766	39.262.491	26.698.492	12.563.999	39.262.491	4.191.839	12.563.999

CN CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 7

Ghi Có Tk 2142: Hao mòn tài sản cố định thuê tài chính

Từ ngày: 01/01/2010 đến ngày: 31/12/2010

Số dư đầu tháng: 0

Ngày	Cộng ps có	TK nợ 642			Dư cuối ngày			
31/12		39 262 491			39 262 491			
Cộng		39 262 491			39 262 491			

Số dư cuối tháng: 39 262 491

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng

CN CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG

Từ ngày: 01/01/2010 đến ngày: 31/12/2010

Tài khoản 2142 – Hao mòn tài sản cố định thuê tài chính

Dư nợ đầu ngày	0
Phát sinh nợ	0
Phát sinh có	39 262 491
Dư nợ cuối ngày	39 262 491

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK ĐƯ	Ps nợ	Ps có
31/12	PBKH	Trích khấu hao tháng 12/2010 ()	642		39 262 491

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng

(Trích nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Xí nghiệp Vật tư và Vận tải)

CN CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

SỔ CÁI TÀI KHOẢN TÀI KHOẢN: 2142
Năm: 2010

TK ĐƯ	Ps tháng 1	Ps tháng 2	Ps tháng 3	Ps tháng 4	Ps tháng 5	Ps tháng 6	Ps tháng 7	Ps tháng 8	Ps tháng 9	Ps tháng 10	Ps tháng 11	Ps tháng 12	Tổng PS
Dư nợ 1													
Dư có 1													
Ps Nợ													
Ps Có												39 262 491	39 262 491
Dư nợ 2													
Dư có 2												39 262 491	39 262 491
.....													
642												39 262 491	39 262 491

Kế toán ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng

(Trích nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính Xi nghiệp Vật tư và Vận tải)

4.6 Kế toán sửa chữa TSCĐ

Là một doanh nghiệp vừa sản xuất vừa kinh doanh và có hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ vận tải nên TSCĐ chiếm tỉ trọng và có giá trị lớn trong tổng nguồn vốn của Xí nghiệp Vật tư và Vận tải (chủ yếu là các phương tiện vận tải đường thủy và đường bộ phục vụ trong ngành than). Hoạt động vận tải diễn ra ngoài trời và trên sông nước, vì vậy các phương tiện này hư hỏng chủ yếu do các nguyên nhân khách quan như: mưa, bão, điều kiện môi trường tác động... Xí nghiệp luôn có kế hoạch để sửa chữa và thay thế các phương tiện, thiết bị hư hỏng một cách kịp thời để tránh làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh.

Việc sửa chữa và thay thế này có thể do Xí nghiệp tự làm hoặc thuê ngoài. Đối với các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, thiết bị văn phòng và các phương tiện vận tải đường bộ, mọi hoạt động sửa chữa thay thế đều được Xí nghiệp thuê ngoài. Còn đối với các phương tiện vận tải thủy mọi hoạt động sửa chữa thay thế đều được Xí nghiệp tự làm vì Xí nghiệp có xưởng sửa chữa phương tiện vận tải thủy.

Đối với các nghiệp vụ sửa chữa thường xuyên, diễn ra trong thời gian ngắn, chi phí nhỏ thì chi phí sửa chữa được hạch toán một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ(TSCĐ thuộc bộ phận nào thì hạch toán vào chi phí của bộ phận đó).

+ Nghiệp vụ sửa chữa thường xuyên TSCĐ được thực hiện qua các chứng từ sau:

- Đơn đề nghị sửa chữa TSCĐ.
- Tờ trình về việc sửa chữa TSCĐ (của bộ phận quản lý TSCĐ)
- Báo giá sửa chữa
- Biên bản kiểm tháo kỹ thuật.
- Biên bản nghiệm thu và bảo hành kỹ thuật.
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Giấy đề nghị thanh toán.

* Khi phát sinh nghiệp vụ sửa chữa thường xuyên TSCĐ, kê toán phản ánh theo định khoản:

Nợ TK 641, TK 642, TK 627...

Có TK 111, TK 331,...

Đối với nghiệp vụ sửa chữa lớn, diễn ra trong thời gian dài, chi phí lớn thì toàn bộ chi phí sửa chữa sẽ được lập dự toán trước khi sửa chữa và sau khi quyết toán sẽ được phân bổ dần trong kỳ.

- + **Nghiệp vụ sửa chữa lớn TSCĐ được thực hiện qua các chứng từ sau:**
 - Đơn đề nghị sửa chữa TSCĐ.
 - Tờ trình về việc sửa chữa TSCĐ (của bộ phận quản lý TSCĐ)
 - Biên bản khảo sát mức độ hỏng hóc.
 - Dự toán chi phí sửa chữa TSCĐ.
 - Hợp đồng sửa chữa TSCĐ (trường hợp thuê ngoài).
 - Phiếu nhập + phiếu xuất vật tư theo dự toán phục vụ sửa chữa.
 - Biên bản nghiệm thu TSCĐ sửa chữa bàn giao.
 - Báo cáo quyết toán chi phí sửa chữa.
 - Biên bản quyết toán chi phí.

* Công tác kế toán sửa chữa lớn TSCĐ tại Xí Nghiệp như sau:

a) Nếu sửa chữa có kế hoạch

- Hàng tháng kế toán sẽ trích một khoản chi phí sẽ phải trả (chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch)

Nợ TK 627, TK 641, TK 642

Có TK 335 : Số theo kế hoạch.

- Khi tiến hành sửa chữa TSCĐ thì toàn bộ chi phí thực tế phát sinh kế toán ghi

Nợ TK 2413 : Số thực tế phát sinh

Nợ TK 133:

Có TK 111, TK112, TK331:

- Khi công việc sửa chữa hoàn thành kế toán quyết toán và số tiền theo kế hoạch và số tiền thực tế phát sinh.

+ Nếu số kế hoạch lớn hơn số thực tế

Nợ TK 335: Số kế hoạch

Có TK 2413 : Số thực tế phát sinh

Có TK 627,641,642

+ Nếu số kế hoạch nhỏ hơn số thực tế phát sinh

Nợ TK 335

Nợ TK 627,641,642

Có TK 2413

+ Nếu số thực tế bằng số kế hoạch

Nợ TK 335

Có TK 2413

b) Hoạt động sửa chữa ngoài kế hoạch

- Khi tiến hành sửa chữa, kế toán phản ánh chi phí thực tế phát sinh :

Nợ TK 2413: Số thực tế

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331

- Khi công việc sửa chữa hoàn thành kế toán kế chuyển để phân bổ dần

Nợ TK 242,142

Có TK 2413 : Số thực tế.

- Hàng tháng kế toán phân bổ dần 1 khoảng chi phí sản xuất kinh doanh

Nợ TK 627, 641, 642

Có TK 242,142.

Ví dụ: nghiệp vụ sửa chữa nhỏ TSCĐ

Trong tháng 12 năm 2010, Xí nghiệp có phát sinh nghiệp vụ thay dầu máy (định kỳ) và má phanh cho xe ô tô mang biển số: 30L – 7558 (do phòng tổ chức hành chính trực tiếp quản lý). Việc thay thế phụ tùng này được Xí nghiệp thuê ngoài. Quá trình sửa chữa diễn ra như sau:

- Đến ngày phải thay thế dầu máy xe theo định kỳ, cùng với việc phải thay thế má phanh xe đã bị mòn, lái xe viết đơn đề nghị sửa chữa xe (có đầy đủ ý kiến và chữ ký của phòng tổ chức hành chính và phòng kỹ thuật vật tư) trình lên giám đốc Xí nghiệp.

- Khi đã được Giám đốc phê duyệt đồng ý “cho phép xe 30L – 7558 vào xưởng thay thế dầu máy định kỳ và thay thế má phanh nếu mòn”, phòng tổ chức hành chính tiến hành tham khảo chi phí cho hoạt động sửa chữa trên qua “Báo giá sửa chữa” của Công ty TNHH ô tô Huy Hoàng – trung tâm sửa chữa ô tô du lịch Huy Hoàng với chi phí 2.013.000đ (đã có VAT); và xưởng sửa chữa ô tô Trung Kiên với chi phí : 2.222.000đ (đã có thuế VAT 10%) cho việc thay thế Má phanh trước + má phanh sau + 5 lít dầu máy.

- Phòng tổ chức hành chính trình “ Tờ trình – về việc thay thế vật tư cho xe 30L – 7558” lên Giám đốc Xí nghiệp giải trình chi phí việc thay thế vật tư và với nội dung “ Đề nghị Giám đốc xét duyệt cho thay dây và má phanh tại Cty TNHH Huy Hoàng”.

- Được sự phê duyệt tờ trình của Giám đốc, Ông Mai Văn Cảnh – phó phòng Kỹ thuật an toàn, Ông Nguyễn Quang Hưng – phó phòng tổ chức hành chính, Ông Bùi Văn Dương – Lái xe tiến hành lập biên bản bàn giao xe và kiểm thảo kỹ thuật với công ty TNHH Huy Hoàng, thực hiện hoạt động thay thế, sửa chữa thường xuyên cho xe 30L – 7558.

– Sau khi hoạt động sửa chữa, thay thế hoàn thành, đại diện Xí nghiệp và Cty TNHH Huy Hoàng cùng nhau lập “Biên bản nghiệm thu và bảo hành kỹ thuật” và giao Hóa đơn giá trị gia tăng:

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CTY TNHH HUY HOÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
=== o0o ===

BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ BẢO HÀNH KỸ THUẬT

Hải phòng, ngày 13 tháng 12 năm 2010. Trung tâm sửa chữa và bảo hành xe du lịch thuộc công ty TNHH Huy Hoàng.

Thành phần:

Bên A:	CN Cty CP đầu tư TM&DV VINACOMIN – XN Vật tư & vận tải	
Ông :	Mai Văn Cảnh	Chức vụ: P.P KT an toàn
	Hoàng Thị Thận	P.P TC KT
	Nguyễn Quang Hưng	P.P TC hành chính
	Bùi Văn Dương	Lái xe
Bên B :	Công ty TNHH Ô TÔ Huy Hoàng	
Ông:	Nguyễn Minh Vĩnh	Chức vụ: P. Giám đốc

Phần nghiệm thu:

Sau khi kiểm tra, chạy thử phương tiện mang biển số: 30L – 7558 và đối chiếu các hạng mục sửa chữa, thay thế bao gồm: má phanh trước 01 bộ, má phanh sau 01 bộ, dầu máy 05 lít. Hai bên nhất trí phương tiện hoạt động tốt, đảm bảo đúng tiêu chuẩn đã ký kết. Đồng ý nghiệm thu phương tiện và bàn giao cho bên A.

Bên B có trách nhiệm bảo hành các hạng mục công việc do bên B thực hiện sửa chữa, thay thế trong thời gian 06 tháng kể từ ngày bên A nhận bàn giao xe.

Khi bàn giao xe, các trang thiết bị đảm bảo đầy đủ và đúng thực trạng.

Phần bảo hành:

**THỜI GIAN BẢO HÀNH
PHẦN SỬA CHỮA THAY THẾ: 06 THÁNG**

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		NB/2010B			
Liên 2: Giao khách hàng					
Ngày 03 tháng 12 năm 2010		0024425			
Đơn vị bán hàng:		CTY TNHH Ô TÔ HUY HOÀNG			
Địa chỉ:		245 TÔ HIỆU-LÊ CHÂN-HẢI PHÒNG			
Số tài khoản:		MST: 0 2 0 0 6 4 8 1 0 1			
Điện thoại:..... MS: <input type="text"/>		<input type="text"/>			
Họ tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị: CN Cty CP Đầu tư TM&DV – Vinacomin - Xí nghiệp Vật Tư & Vận Tải.					
Địa chỉ: số 4 – Cù Chính Lan – Minh Khai - Hồng Bàng - Hải Phòng.....					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán:... TM...MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1x2
1	Má phanh trước	Bộ	01	580.000	580.000
2	Má phanh sau	Bộ	01	600.000	600.000
3	Dầu máy	lít	05	80.000	400.000
4	Nhân công thay thế vật tư				250.000
Cộng tiền hàng:					1 830 000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					183 000
Tổng cộng tiền thanh toán					2 013 000
Tiền viết bằng chữ: Hai triệu không trăm hai mươi ba ngàn đồng chẵn/.....					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Phòng tổ chức hành chính tập hợp chứng từ liên quan đến hoạt động sửa chữa, thay thế thiết bị cho xe ô tô 30L – 7558 và gửi giấy đề nghị thanh toán trình lên Giám đốc để thanh toán chi phí sửa chữa:

XÍ NGHIỆP VẬT TƯ & VẬN TẢI
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Kính gửi : Giám đốc Xí nghiệp vật tư và vận tải.

Tên tôi là : Nguyễn Quang Hưng

Bộ phận công tác : Phòng TCHC

Đề nghị Giám đốc duyệt chi về việc: thay dầu định kỳ, thay má phanh xe 30L – 7558.

Tổng số tiền thanh toán là 2.013.000 VNĐ (*Bằng chữ: Hai triệu không trăm hai mươi ba ngàn đồng chẵn*). Có chứng từ kèm theo.

Kính mong Giám đốc quan tâm giải quyết!

Hải Phòng, ngày 14 tháng 12 năm 2010

Người đề nghị

Phòng TCKT

Giám đốc

(*Nguồn: Phòng kế toán tài chính Xí nghiệp Vật tư và Vận tải*)

Căn cứ các chứng từ liên quan, kế toán TSCĐ của Xí nghiệp phản ánh nghiệp vụ thay thế dầu xe và má phanh cho xe 30L- 7558 bằng cách thực hiện thao tác trên phần mềm máy tính: từ menu chính trong hệ thống màn hình giao diện chính CASD2002, kế toán nháy chuột vào biểu tượng chứng từ kế toán khác/ ấn F4 (mở chứng từ mới)/ thực hiện nhập số liệu và các thông tin cần thiết theo định khoản:

Nợ TK 642 : 1.830.000đ

Có TK 111: 1.830.000đ

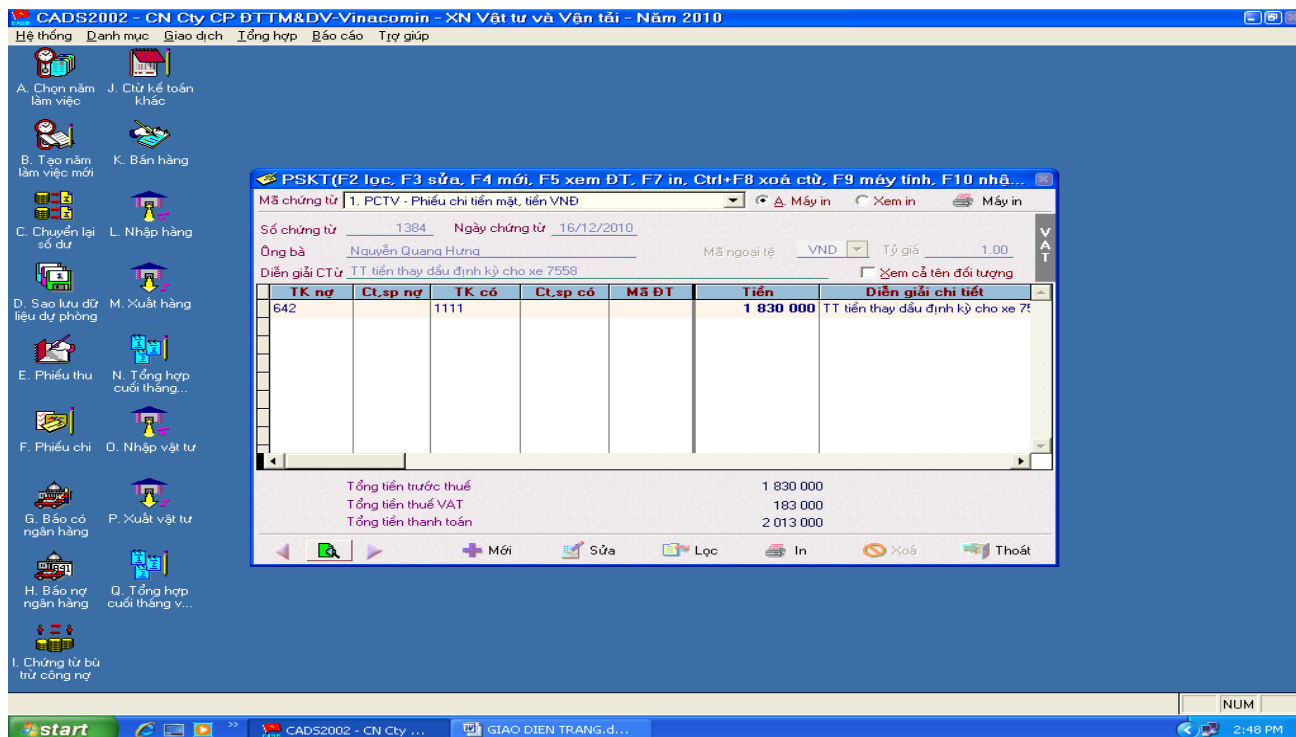
Để phản ánh thuế GTGT đầu vào, kế toán kích chuột vào biểu tượng VAT ở góc trên bên phải giao diện/ nhập số liệu và các thông tin theo yêu cầu đã cài đặt sẵn theo định khoản:

Nợ TK 1331 : 183.000đ

Có TK 1111: 183.000đ

Ấn F10 (lưu)

Màn hình giao diện như sau:



Sau khi nhập xong dữ liệu, chương trình phần mềm sẽ tự động chuyển các số liệu vào sổ kế toán có liên quan đã cài đặt sẵn.

CN CTY CP ĐTTM&DV-VINACOMIN – XN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ
 Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
 Phát sinh nợ
 Phát sinh có

183 576 431

Ngày	Số CT	Diễn giải	TK ĐƯ	PS nợ	PS có
TIỀN MẶT (1111)					
...
26/7	849	TT tiền s/c xe ô tô 29Y-0456	1111	8 330 000	
30/10	1223	TT tiền mua lốp xe, thay thế bảo dưỡng xe 7558	1111	745 000	
30/11	1333	TT tiền s/c xe ô tô 29Y-0456	1111	3 700 000	
16/12	184	TT tiền bảo dưỡng định kỳ cho xe 7558	1111	1 830 000	
				104 964 613	
PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN					
01/12	3599	Cty CP Bạch Đằng 7 (Sc hệ thống khuôn viên XN)	3312H	52 290 909	
23/12	15907	Cty CP Bạch Đằng 7(Sửa chữa sân và hệ thống thoát nước XN)	3312H	26 320 909	
				78 611 818	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

PHẦN 3 :**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CHI
NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ -
VINACOMIN – XÍ NGHIỆP VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI****I – Một số nhận xét về công tác kế toán tại Xí nghiệp Vật Tư & Vận Tải.****1. Đánh giá những ưu điểm của công tác kế toán tại Xí nghiệp Vật Tư & Vận Tải.****1.1 Về bộ máy quản lý**

Tổ chức bộ máy quản lý của Xí nghiệp: Xí nghiệp có một bộ máy quản lý chặt chẽ từ cấp cao cho đến các bộ phận nhỏ nhất, đảm bảo được chức năng, nhiệm vụ của mỗi bộ phận. Bộ máy quản lý chặt chẽ nhưng vẫn gọn nhẹ, phân cấp rõ ràng. Điểm nổi bật trong bộ máy quản lý của Xí nghiệp là giữa các phòng ban, giữa các bộ phận có sự phối hợp nhịp nhàng, tạo hiệu quả cao trong công việc. Các phòng ban, bộ phận trong Xí nghiệp được trang bị đầy đủ các thiết bị, máy móc và phương tiện vật chất hỗ trợ nên năng suất lao động của nhân viên rất cao. Việc phân công, phân nhiệm, điều lệ chặt chẽ đã khiến cho nhân viên trong Xí nghiệp làm việc nghiêm túc với ý thức chấp hành tốt các quy định của Xí nghiệp cũng như của công ty, của ngành Than. Đồng thời bộ máy kiểm soát của Xí nghiệp cũng làm việc có hiệu quả, phát hiện được những sai sót trong hoạt động của Xí nghiệp để báo cáo lên cấp trên và có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

1.2 Bộ máy kế toán**1.2.1 Về tổ chức bộ máy kế toán**

Bộ máy kế toán của Xí nghiệp được tổ chức một cách chặt chẽ và hợp lý, thể hiện:

Thứ nhất, ở sự phân công lao động kế toán. Số lượng nhân viên kế toán trong Xí nghiệp và công việc của từng người được sắp xếp phù hợp với khả năng, trình độ và được trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc. Vì vậy, tuy nhân viên làm việc trong không khí nghiêm túc nhưng vẫn hăng say và có sự phối hợp nhịp nhàng, tạo hiệu quả cao trong công việc.

Thứ hai, bộ máy kế toán được tổ chức theo kiểu trực tuyến và xây dựng mô hình kế toán tập trung. Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình này cũng đáp ứng được yêu cầu hạch toán và tương đối phù hợp với hình thức hoạt động của Xí nghiệp – là đơn vị chịu sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ của Tổng công ty. Vì vậy, với mô hình kế toán tập trung sẽ thuận tiện cho công tác kiểm tra, giám sát của Tổng công ty : không có sự chông chéo, mỗi quyết định, thông tin, dữ liệu đều là

duy nhất, hạn chế rắc rối khi có nhiều dị bản. Hoạt động xuyên suốt, ít trở ngại, việc cung cấp thông tin nhanh và chính xác vì mọi thông tin, số liệu đều được tập trung tại một địa điểm.

Thứ ba, Tổng công ty đã trang bị cho bộ phận kế toán của Xí nghiệp một hệ thống máy tính hiện đại và phần mềm kế toán cads 2002 ver 8.0 đã được cài đặt sẵn. Các phần hành kế toán nhờ có sự hỗ trợ của kế toán máy được thực hiện một cách khoa học, chính xác, theo đúng quy định của pháp luật, chế độ tài chính, kế toán hiện hành. Hệ thống kế toán máy đã giúp cho các phần hành kế toán được thực hiện nhanh chóng, kịp thời, hữu ích cho công tác quản trị nội bộ. Nhờ có sự hỗ trợ của phần mềm kế toán máy nên việc tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ ; kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản); kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép theo hình thức Nhật ký – chứng từ được phát huy cao độ. Sự chính xác của hệ thống kế toán máy làm cho nhân viên không mất thời gian đối chiếu giữa hạch toán chi tiết và hạch toán tổng hợp mà hệ thống sổ sách vẫn được kiểm soát chặt chẽ.

Thứ tư, công tác tổ chức kiểm tra kế toán, kiểm tra quá trình hạch toán, kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh... được tiến hành ngay tại phòng kế toán của Xí nghiệp. Các nhân viên kế toán có mối quan hệ kiểm tra, đối chiếu, so sánh với nhau trong việc phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào phần mềm nên có thể phát hiện kịp thời các sai sót về số liệu, về quy trình hạch toán.

1.1.2 Về công tác kế toán nói chung

Qua số liệu, tài liệu kế toán và đặc biệt là các báo cáo kế toán tài chính (như bảng tổng kết tài sản, báo cáo tăng giảm vốn kinh doanh, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh) cho thấy công tác tổ chức kế toán là tốt, đã giúp cho ban quản lý nắm được số vốn hiện có cả về mặt giá trị và hiện vật, nguồn hình thành và các biến động tăng giảm vốn trong kỳ, mức độ đảm bảo vốn lưu động, tình hình và khả năng thanh toán,... Nhờ đó mà Xí nghiệp cũng như Công ty đề ra các giải pháp đúng đắn xử lý kịp thời các vấn đề tài chính nhằm đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh được tiến hành thuận lợi theo các chương trình, kế hoạch đã đề ra như : huy động vốn bổ xung, xử lý vốn thừa, thu hồi các khoản nợ, thanh toán các khoản nợ đến hạn phải trả... Điều đó được thể hiện cụ thể ở các mặt sau:

Về hệ thống chứng từ kế toán: Chứng từ kế toán vừa là cơ sở hạch toán vừa là cơ sở pháp lý cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chế độ chứng từ kế toán được Xí nghiệp chấp hành nghiêm chỉnh theo đúng quy định và hướng dẫn của Bộ tài chính, tập đoàn và công ty. Quá trình luân chuyển chứng từ được kiểm tra chặt chẽ, an toàn. Bên cạnh đó, Xí nghiệp còn thực hiện đầy đủ chế độ kiểm mẫu kế toán phục vụ riêng cho ngành Than một cách kịp thời, chính xác.

Sau khi luân chuyển, chứng từ được lưu trữ ở hồ sơ từng bộ phận riêng biệt tạo thuận lợi cho công việc kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Việc lập, luân chuyển và lưu trữ chứng từ được thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

Về hệ thống tài khoản kế toán: Tổ chức tài khoản kế toán là việc thiết lập chế độ kế toán cho các đối tượng hạch toán nhằm cung cấp các thông tin tổng quát về từng loại tài sản, nguồn vốn, quá trình kinh doanh. Hệ thống tài khoản kế toán của Xí nghiệp là một hệ thống đầy đủ, chặt chẽ, phù hợp với quản lý, đảm bảo phản ánh được đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Những tài khoản kế toán của Xí nghiệp đã tuân theo những quy định thống nhất chế độ chung và chế độ riêng của ngành. Đặc biệt, Xí nghiệp đã vận dụng một cách sáng tạo hệ thống tài khoản, có các tài khoản nhiều cấp chi tiết theo dõi từng đối tượng cụ thể. Điều này rất quan trọng vì giúp cho việc quản lý các đối tượng dễ dàng, tiện lợi và không ảnh hưởng đến khả năng xử lý thông tin.

Về hệ thống sổ sách kế toán: Với sự trang bị của hệ thống máy vi tính, ứng dụng phần mềm tin học vào công tác kế toán đã giúp cho việc cập nhật thông tin kế toán được thực hiện nhanh chóng. Sổ sách kế toán được in bằng máy từng tờ rời và đóng lại nên đảm bảo tính rõ ràng, không tẩy xóa. Trong quá trình theo dõi sổ sách và các nghiệp vụ phát sinh, kế toán còn lập các bảng kê, sổ nhật ký chuyên dùng, sổ chi tiết. Điều này làm cho việc kiểm tra, đối chiếu và theo dõi tình hình biến động, tăng giảm của các loại tài sản, nguồn vốn của Xí nghiệp được dễ dàng. Cung cấp thông tin quản lý cụ thể, kịp thời theo yêu cầu của lãnh đạo.

Về hệ thống báo cáo kế toán: Nhìn chung, Xí nghiệp đã tuân thủ một cách chặt chẽ các quy định của chế độ kế toán về cách thức lập báo cáo tài chính, đặc biệt đối với các báo cáo bắt buộc như : Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, thuyết minh báo cáo tài chính. Các báo cáo này được Xí nghiệp lập và gửi đúng thời hạn cho các cơ quan quản lý Nhà nước và Tổng công ty theo đúng quy định. Ngoài ra, Xí nghiệp còn có những báo cáo để phục vụ cho công tác quản lý rất hữu hiệu như : Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo giá thành sản phẩm

dịch vụ, báo cáo chi tiết công nợ, báo cáo chi tiết nhân sự... Các báo cáo này có kết cấu đơn giản, dễ kiểm tra giúp kế toán đảm bảo tính kịp thời trong việc cung cấp thông tin cho quản lý cũng như cho các đối tượng sử dụng thông tin khác. Các khoản mục trên các báo cáo này cũng đơn giản, dễ đọc, dễ hiểu, dễ phân tích làm cho các báo cáo này có thể cung cấp thông tin cho các đối tượng cả trong và ngoài Xí nghiệp. Xí nghiệp cũng không ngừng nâng cao chất lượng báo cáo phục vụ công tác quản lý.

Về quy trình hạch toán kế toán: Cán bộ trong phòng kế toán đã tổ chức vận dụng đúng đắn, nghiêm chỉnh các chính sách, thể lệ chế độ về kế toán trong công tác hạch toán kế toán. Do vậy, công tác kế toán của Xí nghiệp đạt hiệu quả cao. Các thông tin về tình hình hoạt động của Xí nghiệp được phản ánh nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện cho ban lãnh đạo Xí nghiệp đề ra các phương án hoạt động kinh doanh kịp thời, giúp cho hoạt động quản lý kinh tế đạt hiệu quả cao.

1.2 Về công tác hạch toán kế toán và công tác quản lý TSCĐ.

+ Phân loại và kiểm kê

Kế toán TSCĐ của Xí nghiệp đã phân loại TSCĐ hiện có của Xí nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước, theo nguồn hình thành, theo loại hình TSCĐ, được đánh giá theo nguyên giá và giá trị còn lại. Bên cạnh đó, TSCĐ được Xí nghiệp kiểm kê, đánh giá lại theo đúng thời gian quy định (tùy theo từng loại tài sản). Việc này đã giúp cho Xí nghiệp trong việc quản lý, kiểm soát được tình hình giá trị và hiện trạng của TSCĐ, từ đó đưa ra biện pháp quản lý tốt hơn.

+ Hạch toán chi tiết TSCĐ

Việc hạch toán chi tiết tăng, giảm và trích khấu hao TSCĐ tại Xí nghiệp được thực hiện trên hệ thống sổ Nhật ký chứng từ và sổ chi tiết tương đối đầy đủ và đúng trình tự. Tất cả các nghiệp vụ phát sinh được phản ánh kịp thời trên cơ sở các chứng từ gốc hợp lý, hợp lệ và hợp pháp.

Đối với các nghiệp vụ sửa chữa lớn TSCĐ Xí nghiệp đã lập dự toán trích trước chi phí, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sửa chữa cũng như giám sát chặt chẽ công tác sửa chữa. Sau khi hoạt động sửa chữa kết thúc mới lập quyết toán chi phí sửa chữa và phân bổ dần chi phí đó vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

2. Đánh giá những hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán TSCĐ tại Xí nghiệp Vật Tư & Vận Tải.

2.1 Về công tác kế toán nói chung

Do sự thay đổi thường xuyên của chế độ kế toán tài chính, việc áp dụng nhất quán các chính sách của Bộ tài chính luôn luôn bị động dẫn đến thời gian chưa kịp thời, mất nhiều công đoạn, ảnh hưởng đến tình hình cập nhật và nắm bắt thông tin còn bị hạn chế.

Phòng kế toán của Xí nghiệp nhìn chung, các nhân viên đều là những người có trình độ, kinh nghiệm và chuyên môn vững vàng, song vẫn còn có một số ít nhân viên mới chưa có kinh nghiệm và hiệu quả chưa cao.

Mô hình kế toán tập trung tại Xí nghiệp tuy thuận tiện cho hoạt động kiểm tra của tổng công ty nhưng lại cần một số lượng nhân viên kế toán đông, khối lượng công việc nhiều, áp lực công việc lớn vì Xí nghiệp vừa sản xuất vừa kinh doanh cung cấp dịch vụ vận tải đường thủy và đường bộ không chỉ cho trong và ngoài ngành Than. Cũng chính vì vậy mà, một số nhân viên kế toán nhiều kinh nghiệm tại Xí nghiệp phải kiêm nhiệm nhiều công việc cùng một lúc.

2.2 Về công tác hạch toán kế toán và công tác quản lý TSCĐ.

+ Hạch toán chi tiết

Mặc dù là đơn vị hạch toán độc lập chịu sự giám sát, quản lý của Tổng công ty nhưng các hoạt động (nghiệp vụ) tăng, giảm TSCĐ hữu hình hay TSCĐ thuê tài chính Xí nghiệp đều bị phụ thuộc quá nhiều vào các quyết định của Công ty.

Xí nghiệp chưa có thẻ TSCĐ (sổ chi tiết TSCĐ) cho từng TSCĐ cụ thể. Xí nghiệp có sổ chi tiết theo dõi theo từng loại hình TSCĐ, từng nhóm TSCĐ và theo tình trạng sử dụng của TSCĐ, chứ không theo dõi chi tiết tình hình sử dụng về số lượng và nguyên giá TSCĐ của từng bộ phận sử dụng hoặc quản lý, chưa ràng buộc trách nhiệm vật chất của người sử dụng TSCĐ trong trường hợp gây ra mất mát, hư hỏng.

+ Hạch toán tổng hợp

TSCĐ được hạch toán căn cứ vào chứng từ phát sinh phù hợp, tuy nhiên việc tổ chức hạch toán trên máy còn nhiều hạn chế. Các bút toán khấu hao TSCĐ phản ánh trên giao diện phần mềm chỉ mang tính tổng hợp chung của từng bộ phận sử dụng, không chi tiết cho từng TSCĐ cụ thể.

Hiện nay, Xí nghiệp áp dụng phương pháp tính khấu hao đường thẳng cho tất cả các TSCĐ bao gồm: TSCĐ dùng cho hoạt động quản lý, TSCĐ dùng trong sản xuất, TSCĐ thuê tài chính.... Theo phương pháp này thì số khấu hao hàng năm

không thay đổi, tuy nhiên nó lại có nhược điểm là thu hồi vốn chậm, gây khó khăn cho việc đổi mới, đầu tư không kịp thời làm cho TSCĐ lạc hậu, không đáp ứng yêu cầu trong sản xuất kinh doanh.

II – Một số ý kiến đề xuất & giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kế toán tại Xí nghiệp Vật Tư & Vận Tải.

a. Công tác kế toán nói chung

Về tổ chức bộ máy hạch toán kế toán của Xí nghiệp: Thứ nhất, việc tổ chức bộ máy kế toán của Xí nghiệp theo mô hình tập trung, mô hình này là phù hợp với Xí nghiệp. Tuy nhiên, nhằm giảm khối lượng và áp lực công việc cho các nhân viên phòng kế toán, đồng thời giúp việc hạch toán được nhanh chóng, đầy đủ hơn những nghiệp vụ kinh tế phát sinh ở các bộ phận như: xưởng may bảo hộ lao động, xưởng sửa chữa vận tải thủy, phòng vận tải thủy, bãi xe container... thì Xí nghiệp nên áp dụng mô hình kế toán vừa phân tán – vừa tập trung, hoặc có nhân viên phụ trách công tác kế toán riêng cho từng bộ phận, chịu trách nhiệm trực tiếp giám sát, thu thập thông tin, số liệu liên quan các nghiệp vụ phát sinh tại bộ phận đó.

Thứ hai, đội ngũ lao động luôn là vấn đề mà mỗi doanh nghiệp luôn muốn phát triển. Giải pháp cho vấn đề này là luôn luôn chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các bộ, công nhân viên của Xí nghiệp; tuyển dụng các cán bộ thông qua hệ thống thi tuyển, có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế cận đảm đương các nhiệm vụ theo yêu cầu mới của Xí nghiệp; sắp xếp, bố trí cán bộ giỏi vào những vị trí chủ chốt; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, công nhân viên; khuyến khích phát huy khả năng sáng tạo của các cán bộ, công nhân viên trong Xí nghiệp...

Về hệ thống chứng từ kế toán: Xí nghiệp luôn luôn đổi mới, tìm biện pháp xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ một cách khoa học, chặt chẽ và trang bị phương tiện kỹ thuật hiện đại hơn cho việc lập chứng từ. Phương hướng của Xí nghiệp trong thời gian tới là nên đơn giản hóa nội dung chứng từ, giảm bớt số lượng chứng từ theo hướng sử dụng chứng từ liên hợp, chứng từ nhiều lần; tăng cường việc kiểm tra tuân thủ chế độ ghi chép ban đầu; làm rõ trách nhiệm của từng cá nhân trong từng khâu luân chuyển chứng từ.

Về hệ thống báo cáo kế toán: hệ thống báo cáo kế toán của Xí nghiệp không chỉ cho thấy tình hình tài chính của Xí nghiệp mà còn cho thấy phương hướng để Xí nghiệp phát triển trong tương lai. Để hệ thống báo cáo kế toán có hiệu quả hơn nữa. Xí nghiệp có thể tăng cường sự kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị trong cùng một bộ máy kế toán. Theo hình thức này, bộ máy kế toán của Xí

nghiệp được tổ chức thống nhất, dễ phân công chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện tiết kiệm thời gian và chi phí mà không ảnh hưởng đến chất lượng thông tin. Theo quan điểm này, để thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán quản trị, doanh nghiệp cần tiến hành mở các sổ chi tiết, báo cáo phân tích trên cơ sở báo cáo kế toán. Việc kết hợp này có rất nhiều ưu điểm. Trước hết, hệ thống kế toán Việt Nam hiện nay được tổ chức theo mô hình kế toán động nên việc tổ chức thu thập, xử lý và cung cấp thông tin có tính thường xuyên, do đó tổ chức kế toán quản trị kết hợp với kế toán tài chính sẽ thuận tiện hơn cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin, tiết kiệm thời gian và chi phí cho việc tổ chức bộ máy kế toán đầy đủ. Thứ hai là trình độ của các cán bộ kế toán trong các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay cũng chưa được đào tạo chuyên sâu theo ngành kế toán quản trị nên khi làm thêm công việc của kế toán quản trị sẽ tốt hơn làm riêng biệt. Thứ ba, việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán tài chính và kế toán quản trị cũng dựa trên cùng một thông tin đầu vào sẽ thuận tiện hơn cho việc cơ giới hóa công tác kế toán.

b. Công tác hạch toán kế toán và công tác quản lý TSCĐ.

+ Đối với phân loại TSCĐ

Để giúp các nhà quản lý quản lý tốt TSCĐ của Xí nghiệp thì kế toán TSCĐ của Xí nghiệp nên phân loại TSCĐ theo tình trạng sử dụng. Việc phân loại TSCĐ theo tiêu thức này sẽ giúp cho Xí nghiệp nắm bắt được thông tin về TSCĐ và ra các quyết định đầu tư hoặc thanh lý, thu hồi vốn kịp thời hơn. Bao gồm:

- TSCĐ dùng cho bộ phận sản xuất
- TSCĐ dùng cho bộ phận kinh doanh.
- TSCĐ dùng cho quản lý.
- TSCĐ dùng cho hoạt động khác.
- TSCĐ chờ xử lý.

+ Đối với công tác hạch toán TSCĐ.

Kế toán TSCĐ của Xí nghiệp nên cập nhật thông tin và áp dụng kịp thời các thông tư, chế độ quy định mới nhất của Nhà nước về việc hạch toán TSCĐ. Hiện tại, Xí nghiệp vẫn đang áp dụng chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định theo *Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC* ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Mà chưa áp dụng chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 203/2009 /TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính được áp dụng từ ngày 01/01/2010. Điều đó có thể gây thiệt thòi cho Xí nghiệp trong việc xác định chi phí được trừ khi tính thuế TNDN cho mọi doanh nghiệp được thành

lập và hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật. Và các yếu tố khác nữa trong quá trình quản lý, hạch toán và sử dụng TSCĐ của Xí nghiệp. Vì Thông tư mới có nhiều điểm khác biệt quy định rõ ràng, cụ thể, chi tiết hơn.

+ Đối với công tác quản lý TSCĐ

Kế toán TSCĐ tại Xí nghiệp nên lập thẻ TSCĐ cho từng TSCĐ cụ thể và có sổ sách ghi chép công tác bàn giao và ràng buộc trách nhiệm sử dụng TSCĐ cho từng bộ phận quản lý và sử dụng tài sản.

Mẫu thẻ Tài sản cố định

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số S23-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số:

Ngày tháng năm lập thẻ.....

Căn cứ vào Biên bản giao nhận TSCĐ số ngày tháng năm

Tên, mã ký hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Số hiệu TSCĐ

Nước sản xuất (xây dựng) Năm sản xuất

Bộ phận quản lý, sử dụng Năm đưa vào sử dụng

Công suất (diện tích thiết kế)

Đình chỉ sử dụng TSCĐ ngày tháng năm

Lý do đình chỉ:

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn tài sản cố định		
	Ngày, tháng, năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4

DỤNG CỤ, PHỤ TÙNG KÈM THEO

Số thứ tự	Tên, quy cách dụng cụ, phụ tùng	Đơn vị	Số lượng	Giá trị
A	B	C	1	2

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số ngày tháng năm

Lý do giảm:

Ngày tháng năm

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

+ Đối với thủ tục để ghi tăng, giảm hoặc thanh lý TSCĐ

Mặc dù là đơn vị trực thuộc Tổng công ty, hoạt động theo các mục tiêu, phương hướng do Tổng công ty đề ra, hàng quý, hàng năm phải nộp lãi về Tổng công ty nhưng Xí nghiệp Vật tư và Vận tải lại là đơn vị hạch toán độc lập, nên Xí nghiệp nên có đề xuất được phép chủ động có giám sát trong hoạt động tăng, giảm TSCĐ với Tổng công ty. Bên cạnh đó vẫn có sự kết hợp với việc chấp hành nghiêm túc mọi quyết định phân phối, điều chuyển TSCĐ của Tổng công ty. Nhằm tạo thế chủ động, kịp thời hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp.

+ Đối với phương pháp tính và phân bổ khấu hao

Là một doanh nghiệp vừa sản xuất, vừa kinh doanh, hoạt động trong lĩnh vực vận tải là chủ yếu, TSCĐ chiếm tỷ trọng lớn. Việc áp dụng một phương pháp khấu hao (phương pháp khấu hao đường thẳng) theo em là chưa phù hợp. Theo em, phương pháp này chỉ nên áp dụng cho những TSCĐ tham gia gián tiếp vào quá trình sản xuất kinh doanh như: nhà cửa, vật kiến trúc, thiết bị văn phòng... Còn đối với các loại TSCĐ trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh thì Xí nghiệp nên áp dụng phương pháp khấu hao theo sản phẩm.

Nội dung phương pháp như sau:

Tài sản cố định trong doanh nghiệp được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm như sau:

- Căn cứ vào hồ sơ kinh tế - kỹ thuật của tài sản cố định, doanh nghiệp xác định tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của tài sản cố định, gọi tắt là sản lượng theo công suất thiết kế.
- Căn cứ tình hình thực tế sản xuất, doanh nghiệp xác định số lượng, khối lượng sản phẩm thực tế sản xuất hàng tháng, hàng năm của tài sản cố định.
- Xác định mức trích khấu hao trong tháng của tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trong tháng của tài sản cố định} = \text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong tháng} \times \text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}$$

Trong đó:

$$\text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Nguyên giá tài sản cố định}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$$

Mức trích khấu hao năm của tài sản cố định bằng tổng mức trích khấu hao của 12 tháng trong năm, hoặc tính theo công thức sau:

$$\text{Mức trích khấu hao năm của tài sản cố định} = \text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong năm} \times \text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}$$

Trường hợp công suất thiết kế hoặc nguyên giá của tài sản cố định thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định.

KẾT LUẬN

Chúng ta đang bước vào một giai đoạn phát triển với tốc độ nhanh mạnh của nền kinh tế mở. Mỗi một doanh nghiệp cần phải xác định rõ mục tiêu con đường phát triển của mình. Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin- Xí nghiệp Vật tư và Vận tải cũng không nằm ngoài quỹ đạo đó.

Qua thời gian thực tập tại Xí nghiệp, kết hợp với kiến thức đã học với những công việc thực tế, em thấy công tác ngành kế toán doanh nghiệp có ảnh hưởng rất lớn đến việc quyết định sự tồn tại và phát triển của mỗi đơn vị kinh tế. Với chức năng “Duy trì và bảo toàn vốn” công tác kế toán đóng vai trò then chốt trong sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp.

Hạch toán TSCĐHH là một vấn đề khó khăn, phức tạp. Dù là Công ty có qui mô lớn hay nhỏ thì hạch toán TSCĐHH vẫn luôn là vấn đề cốt lõi để nâng cao hiệu quả kinh doanh, nhất là những doanh nghiệp du lịch thì tầm quan trọng của hạch toán TSCĐHH càng rõ nét hơn. Do vậy theo dõi phản ánh đầy đủ, chính xác tình hình tăng giảm, hao mòn sửa chữa và phân tích hiệu quả sử dụng TSCĐHH là nhiệm vụ quan trọng của công tác hạch toán TSCĐHH của Công ty du lịch dịch vụ Hà Nội Toserco. Công tác hạch toán TSCĐHH của Công ty chưa được thực hiện một cách đầy đủ nên nhìn chung cũng đã đem lại một số hiệu quả nhất định. Công ty cần có một cái nhìn sâu hơn về công tác hạch toán TSCĐHH để từ đó hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán TSCĐHH nói riêng và hạch toán kế toán nói chung

Trên đây là toàn bộ khóa luận tốt nghiệp của em với đề tài “*Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán Tài sản cố định tại chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vinacomin – Xí nghiệp Vật Tư & Vận Tải*”. Do thời gian có hạn và còn ít kinh nghiệm nên khóa luận không thể tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô và các cô bác phòng kế toán – tài chính xí nghiệp Vật tư & Vận tải để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Qua đây em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới ban lãnh đạo và các cô bác phòng kế toán – tài chính xí nghiệp Vật tư & Vận tải cùng **Thạc sĩ Lê Thị Nam Phương** và các thầy cô giáo trong khoa quản trị kinh doanh trường đại học Dân Lập Hải Phòng đã nhiệt tình hướng dẫn giúp đỡ em trong suốt quá trình thực tập và nghiên cứu vừa qua.

Em xin chân thành cảm ơn !